

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **7766** /DVN-ĐTXD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng **8** năm 2026

V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở
Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

1. Chúng tôi là: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP, đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Chủ dự án đầu tư mở rộng của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi, thuộc mục số 3, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026, trường hợp dự án đầu tư mở rộng của cơ sở được gọi chung là cơ sở khi xem xét cấp giấy phép môi trường.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 mục VII phần A Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ và khoản 2 Mục III Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ, cơ sở phải lập hồ sơ đề nghị Giấy phép môi trường.

Theo quy định tại khoản mục II phần B Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ thì “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng phải thực hiện cấp giấy phép môi trường không thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an,...*”. Cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi không thuộc đối tượng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy phép môi trường nên thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy phép môi trường số 20/GPMT-UBND ngày 04/5/2023.

2. Địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP: Tầng 14 – 18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Địa điểm cơ sở: xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi (Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0305795054 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/6/2008, thay đổi lần thứ 21 ngày 05/8/2025.



ml

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0305795054-045 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 14/5/2012, thay đổi lần thứ 4 ngày 23/5/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 65201000103 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (nay là Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2011; điều chỉnh lần thứ 1 ngày 10/6/2021 tại Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 104/QĐ-BQL của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi ngày 10/6/2021.

Người đại diện của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP

- Người đại diện: Trương Đại Hoàng

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

(Theo Giấy ủy quyền số 24/UQ-DVN ngày 08/4/2026 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP)

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:

- Người liên hệ: Đặng Hữu Trinh Chức vụ: Trưởng ban Đầu tư Xây dựng

- Điện thoại: 0903026362.

Chúng tôi gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi hồ sơ gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi.

- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án mở rộng Kho xăng dầu Quảng Ngãi giai đoạn 2 thuộc dự án Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi xem xét, cấp giấy phép môi trường cho cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh Quảng Ngãi;
- HĐQT, TGD (để báo cáo);
- Ban KS (để biết);
- PVOIL Quảng Ngãi (để p/h);
- Lưu: VT, ĐTXD, NTL (05b).

Đính kèm:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;
- Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

bn

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trương Đại Hoàng



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ:

**KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XẺNG DẦU
QUẢNG NGÃI**

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẠN TƯỜNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 8 năm 2026

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP

☆☆☆☆☆

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ:

**KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU
QUẢNG NGÃI**

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẠN TƯỜNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

CHỦ CƠ SỞ

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN



Trương Đại Hoàng

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



Lê Anh Trà

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 7 năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH	vii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	viii
MỞ ĐẦU	1
Chương I.....	3
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	3
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	3
1.2. TÊN CƠ SỞ	3
<i>1.2.1. Tên cơ sở.....</i>	<i>3</i>
<i>1.2.1. Địa điểm cơ sở.....</i>	<i>4</i>
<i>1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến môi trường</i>	<i>7</i>
<i>1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường</i>	<i>7</i>
<i>1.2.7. Phân nhóm dự án đầu tư.....</i>	<i>8</i>
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ	8
<i>1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở</i>	<i>8</i>
<i>1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....</i>	<i>8</i>
<i>1.3.3. Sản phẩm của cơ sở</i>	<i>12</i>
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ	12
<i>1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng.....</i>	<i>12</i>
<i>1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước</i>	<i>12</i>
1.5. CÁC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÒN TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: Không có.	14
1.6. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ.....	14
<i>1.6.1. Thông tin về khoảng cách an toàn môi trường theo quy định</i>	<i>14</i>
<i>1.6.4. Tiến độ thực hiện</i>	<i>26</i>
<i>1.6.5. Giải pháp thi công và các biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình thi công xây dựng.....</i>	<i>26</i>
<i>1.6.8. Tổng vốn đầu tư.....</i>	<i>29</i>
<i>1.6.9. Tổ chức quản lý và thực hiện.....</i>	<i>29</i>

1.6.10. Làm rõ các thay đổi về tác động giữa trước và sau khi mở rộng nâng công suất của dự án	29
Chương II	32
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	32
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	32
2.1.1. Phù hợp của cơ sở với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.....	32
2.1.2. Phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi và các phân vùng.....	32
2.1.3. Sự phù hợp của cơ sở với định hướng phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam	33
2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	34
Chương III.....	35
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	35
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	35
3.1.1. <i>Thu gom, thoát nước mưa</i>	35
3.1.3. <i>Xử lý nước thải</i>	40
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	48
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG.....	51
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI....	51
3.4.1. <i>Chủng loại và khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở:</i>	51
3.4.2. <i>Phương án thu gom, lưu chứa CTNH:</i>	53
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	54
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	54
3.6.1. <i>An toàn lao động cho công nhân</i>	54
3.6.2. <i>An toàn thiết bị</i>	55
3.6.3. <i>Phòng ngừa và giảm thiểu khả năng cháy nổ</i>	55
3.6.4. <i>Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ xăng, dầu</i>	57
(Nguồn: Tổng Công ty dầu Việt Nam – CTCP, Chi nhánh PVOIL Quảng Ngãi) ..	60

3.6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải	60
3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP	62
Chương IV	64
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	64
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	64
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	65
Chương V	67
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	67
5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	67
5.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	67
5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền.....	68
5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	68
5.2.1. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ	68
5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.....	71
5.4. TÌNH HÌNH THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI.....	72
5.5. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	73
5.6. KẾT QUẢ QUAN TRẮC BỔ SUNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT	73
5.6.1. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí	73
5.6.2. Hiện trạng chất lượng nước biên ven bờ	74
5.6.3. Hiện trạng chất lượng môi trường đất	75
CHƯƠNG VI	76
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	76
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI.....	76
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	76

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	76
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	76
6.2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	76
Chương VII	77
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	77
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	78

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của Dự án	4
Bảng 1. 2. Quy mô công suất của cơ sở	8
Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất của cơ sở sau khi nâng công suất...12	
Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của Kho	13
Bảng 1. 5. Khoảng cách an toàn từ bồn chứa đến các đối tượng được bảo vệ.....14	
Bảng 1. 6. Khoảng cách tối thiểu từ bể chứa đặt nổi đến các hạng mục trong kho	15
Bảng 1. 7. Các bồn chứa tại cơ sở sau khi mở rộng quy mô (bổ sung thêm 3 bồn chứa mới).....17	
Bảng 1. 8. Thông tin các bơm công nghệ (tại nhà bơm dầu) sau khi mở rộng	17
Bảng 1. 9. Bảng thống kê các hạng mục xây dựng mở rộng.....18	
Bảng 1.10. Các hạng mục công trình của Kho Quảng Ngãi	19
Bảng 1. 11. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở sau khi mở rộng quy mô	20
Bảng 1. 12. Các tác động và biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn thi công	27
Bảng 1. 13. Tác động tới môi trường của hoạt động vận hành Nhà máy trước và sau khi nâng công suất	30
Bảng 3. 1. Diện tích khu vực có nguy cơ nhiễm dầu bề mặt sau khi mở rộng.....37	
Bảng 3. 2. Thống kê lượng nước thải của Kho	39
Bảng 3. 3. Quy mô các bể hệ thống xử lý nước thải	44
Bảng 3.4. Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải	44
Bảng 3.5. Danh mục hoá chất sử dụng cho hệ thống XLNT	46
Bảng 3. 6. Tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý.....47	
Bảng 3. 7. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh tối đa tại cơ sở sau khi mở rộng quy mô bồn bể	52
Bảng 3.8. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh.....52	
Bảng 3. 9. Nguồn nước sử dụng khi có sự cố chữa cháy	56
Bảng 3.10. Các thiết bị, vật tư PCCC đầu tư thêm khi mở rộng quy mô kho.....57	
Bảng 3. 11. Nhân sự và vật tư thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu	60
Bảng 3.12. Các sự cố và biện pháp khắc phục sự cố hệ thống XLNT tập trung.....61	
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải	64
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép đối với mức ồn phát sinh từ cơ sở.....65	
Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn cho phép đối với độ rung phát sinh từ cơ sở	66

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

Bảng 5. 1. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ của Nhà máy năm 2024	69
Bảng 5. 2. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ của Nhà máy năm 2025	70
Bảng 5. 3. Chất lượng môi trường không khí xung quanh Kho.....	71
Bảng 5. 4. Tổng hợp tình hình phát sinh và xử lý chất thải	72
Bảng 5. 5: Vị trí các điểm lấy mẫu không khí.....	73
Bảng 5. 6: Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh	73
Bảng 5. 7. Vị trí lấy mẫu chất lượng nước biển ven bờ	74
Bảng 5. 8. Kết quả phân tích chất lượng nước biển ven bờ	74
Bảng 5. 9. Vị trí lấy mẫu chất lượng đất	75
Bảng 5. 10. Kết quả phân tích chất lượng đất	75

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí cơ sở	4
Hình 1. 2. Vị trí cơ sở trong KCN phía Đông Dung Quất.....	5
Hình 1.3. Quy trình vận hành tại Kho	11
Hình 1.4. Tổng mặt bằng của cơ sở sau khi mở rộng.....	20
Hình 1. 5. Mặt bằng móng nhà xuất dầu ô tô	23
Hình 1. 6. Nhà bơm dầu và nhà xuất dầu ô tô hiện trạng.....	23
Hình 1. 7. Mặt cắt nhà điều khiển (nhà vận hành bơm) mở rộng	24
Hình 3. 1. Các hồ ga thu nước mưa trong khuôn viên Kho.....	35
Hình 3. 2. Mương thu gom nước mưa chảy tràn khu vực bể chứa (bên trong đê bao) .	36
Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom nước chảy tràn không nhiễm dầu tại cơ sở	36
Hình 3. 4. Cụm van tại chân bồn chứa và lỗ thu nước mưa chảy tràn có nguy cơ nhiễm dầu (nước chảy tràn qua khu vực cụm van) về HTXLNT.....	38
Hình 3.5. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải	39
Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống thu gom xử lý nước thải của cơ sở	40
Hình 3. 7. Mặt bằng bố trí Hệ thống xử lý nước thải	41
Hình 3.8. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải tại Kho	42
Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.....	42
Hình 3. 10. Sơ đồ nguyên lý hệ thống xử lý nước thải.....	46
Hình 3. 11. Khu vực hóa chất HTXLNT.....	47
Hình 3. 12. Hình ảnh kho chứa CTNH tại cơ sở	53
Hình 3.13. Lưu đồ quy trình ứng phó sự cố	59

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

KCN	:	Khu công nghiệp
CTR	:	Chất thải rắn
CTNH	:	Chất thải nguy hại
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BTCT	:	Bê tông cốt thép
ĐTM	:	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
HTXL	:	Hệ thống xử lý
GP	:	Giấy phép
QĐ	:	Quyết định
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
NVL	:	Nguyên vật liệu
UBND	:	Ủy ban nhân dân
HTXLNTTT	:	Hệ thống xử lý nước thải tập trung
KKT	:	Khu kinh tế
BQL	:	Ban quản lý

MỞ ĐẦU

Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam – Công ty cổ phần tại Quảng Ngãi là một đơn vị trực thuộc Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (thành viên của Tập đoàn dầu khí Việt Nam). Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi là 1 trong 31 kho xăng dầu của PVOIL; Đến nay, qua 14 năm hình thành và phát triển, kho xăng dầu tại Dung Quất đã đáp ứng phần nào nhu cầu xăng dầu phục vụ sản xuất công nghiệp tại KKT Dung Quất, cung ứng nhiên liệu cho các tổng đại lý, đại lý bán lẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh phụ cận.

Dự án Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi được Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi) cấp giấy chứng nhận đầu tư số 65201000103 lần đầu ngày 19/5/2011, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/6/2021 cho phép Tổng Công ty dầu Việt Nam đầu tư dự án với quy mô công suất 15.200m³, chia 2 giai đoạn (giai đoạn 1 đã hoàn thành với 4 bồn chứa quy mô công suất 7.200 m³; giai đoạn 2 hiện đã hoàn thành 01 bồn chứa nhiên liệu xăng Ron95 công suất 1.750m³ vào tháng 4/2022); địa điểm thực hiện tại xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi (trước kia là xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); diện tích đất sử dụng khoảng 23.201m², vốn đầu tư khoảng 155 tỷ đồng.

Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi giai đoạn 1, quy mô công suất 7.200 m³ đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi (Bổ sung thiết bị và bồn chứa nhiên liệu xăng Ron95 tại Kho Quảng Ngãi quy mô 1.750m³) đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 14/6/2021.

Sau khi bổ sung 01 bồn chứa nhiên liệu xăng Ron95 công suất 1.750 m³, cơ sở đã hoạt động với tổng công suất 8.950 m³ từ tháng 04/2022 đến nay; cơ sở có 01 trạm xử lý nước thải tập trung (nước thải sinh hoạt và nước thải nhiễm dầu) đưa vào vận hành từ năm 2012 với công suất 40 m³/h (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy xác nhận đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 2253/GXN-STNMT ngày 26/12/2012) và đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 20/GPMT-UBND ngày 04/5/2023 với lưu lượng xả nước thải lớn nhất được cấp phép là 200 m³/ngày đêm.

Đến nay, Dự án tiếp tục triển khai phần còn lại của giai đoạn 2 (đầu tư thêm bồn chứa để đưa tổng quy mô công suất lên 15.200 m³, tăng quy mô công suất hơn 30%) dẫn đến gia tăng tác động xấu đến môi trường (tăng lưu lượng xả nước thải tối đa) (Dự

án đầu tư mở rộng thuộc mục số 3 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ). Theo quy định tại mục VII phần A Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ và khoản 2 Mục III Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ, dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trước khi triển khai thực hiện đầu tư phần còn lại của giai đoạn 2.

Theo quy định tại mục II phần B Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ, Dự án/cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026, nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư mở rộng của cơ sở **được gọi chung là cơ sở** khi xem xét cấp giấy phép môi trường và được lập theo mẫu số 22d tại phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

*** Nhà đầu tư**

- Tên đầu tư: Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14 – 18 Tòa nhà Petro Vietnam, số 1 – 5 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28)39106980
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Trình;
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0305795054 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/6/2008, thay đổi lần thứ 21 ngày 05/8/2025.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 65201000103 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (nay là Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/11/2011; điều chỉnh lần thứ 1 ngày 10/6/2021 tại Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 104/QĐ-BQL của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi ngày 10/6/2021.

*** Đơn vị quản lý vận hành**

- Tên đơn vị: Chi nhánh Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình Ngọc Minh
- Chức vụ: Giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0305795054-045 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 14/5/2012, thay đổi lần thứ 4 ngày 23/5/2022.

1.2. TÊN CƠ SỞ

1.2.1. Tên cơ sở

Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi.

(Sau đây gọi tắt là “kho Quảng Ngãi” hoặc “cơ sở”)

1.2.1. Địa điểm cơ sở

Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi được xây dựng tại xã Vạn Tường, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất).

Vị trí tiếp giáp của khu đất cơ sở như sau:

- + Phía Đông: Giáp vùng biển Dung Quất
- + Phía Tây: Giáp tuyến đường dẫn ra Hải đăng Dung Quất và đất hiện trạng trồng phi lao, khuynh điệp, cây bụi.
- + Phía Nam: Giáp tuyến đường ống xuất sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất
- + Phía Bắc: Giáp vùng biển Dung Quất

Vị trí cơ sở được thể hiện bởi các nút điểm có tọa độ theo hệ VN2000 như sau:

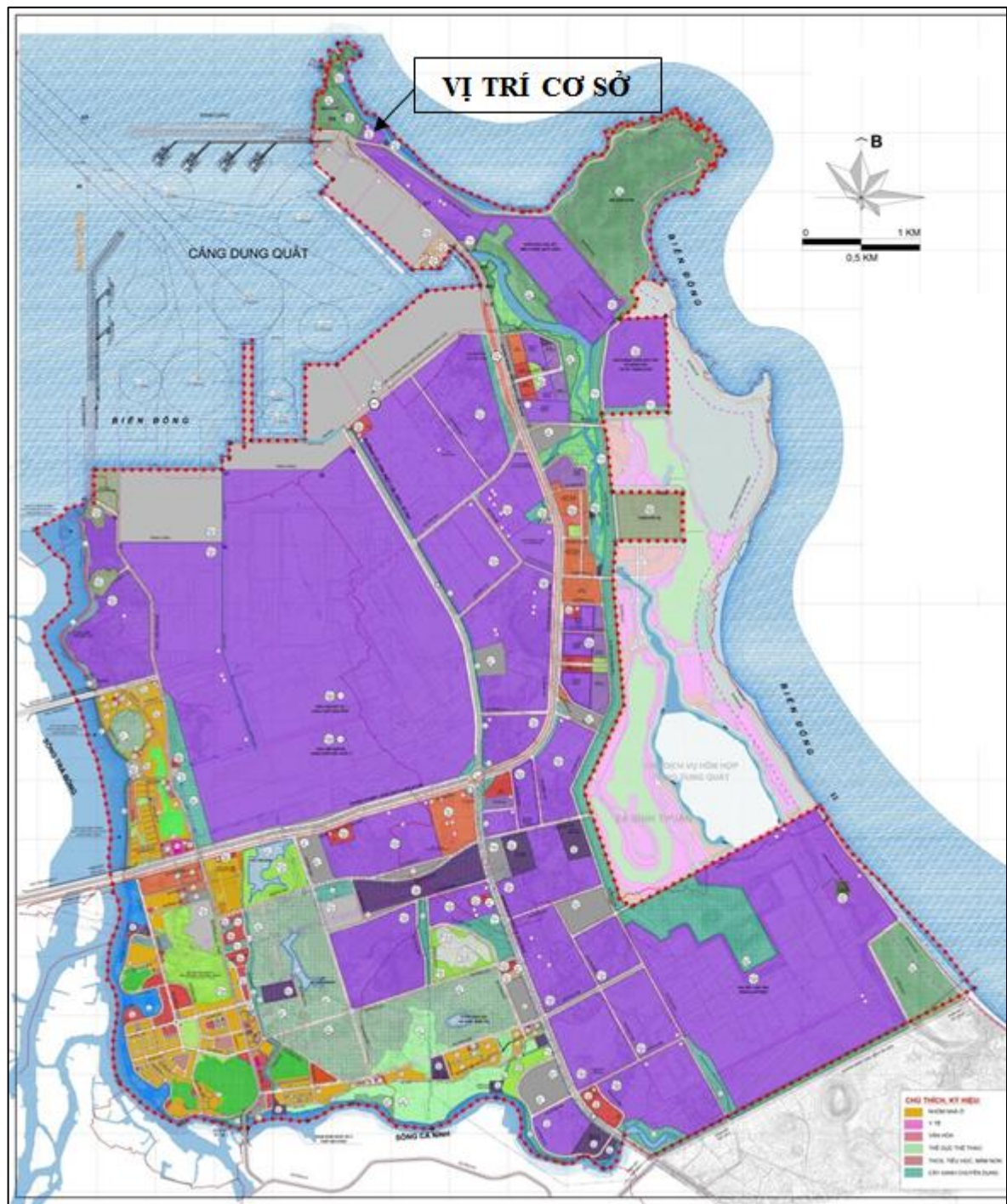
Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của Dự án

Tên nút điểm	Tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực 108°00, múi chiều 3°)	
	X	Y
M1	1.705.270,21	585.590,92
M2	1.705.415,36	585.655,02
M3	1.705.317,79	585.806,15
M4	1.705.289,32	585.810,31
M5	1.705.275,22	585.805,45
M6	1.705.233,17	585.778,41

(Nguồn: Tổng công ty dầu Việt Nam - CTCP)



Hình 1. 1. Vị trí cơ sở



Hình 1. 2. Vị trí cơ sở trong KCN phía Đông Dung Quất

✚ **Mối tương quan của vị trí cơ sở với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và các đối tượng khác**

❖ **Các đối tượng tự nhiên**

- Sông, biển

Cách ranh giới phía Đông của Kho Quảng Ngãi khoảng 150 m là bờ biển xã Vạn Tường (địa phương gọi là biển Nam Châm). Vùng biển này khá sạch, là các bãi tắm của dân địa phương.

Về phía Tây, cách ranh giới Kho Quảng Ngãi khoảng 400 m là vùng biển vịnh Dung Quất. Khu vực vịnh Dung Quất có phạm vi từ cửa sông Trà Bồng tới mũi Văn Ca dài khoảng 5 km, chiều rộng vịnh khoảng 3km. Đặc điểm địa hình vịnh Dung Quất là đường đẳng sâu có dạng rẽ quạt không song song với bờ, cao độ tự nhiên từ - 4,0m đến -17,0m và phần diện tích khu nước có chiều sâu lớn hơn 12m chiếm khoảng 30%. Đây là vịnh tự nhiên tương đối kín, chỉ có hướng Bắc là tiếp giáp với biển, vịnh có độ sâu thích hợp cho việc xây dựng cảng nước sâu. Tại khu vực vịnh có hai cửa sông đổ ra biển, là cửa sông Trà Bồng ở phía Tây và cửa sông Mới ở phía Đông Bắc.

Vị trí sông Mới đổ vào vịnh Dung Quất cách Kho Quảng Ngãi khoảng 1,2 km về phía Nam.

- *Đồi núi*: Kho nằm trên một ngọn đồi thấp của khu vực.

❖ **Các đối tượng kinh tế - xã hội và các đối tượng khác**

Kho Quảng Ngãi nằm trong Khu kinh tế Dung Quất. Vị trí kho nằm gần các tuyến đường giao thông huyết mạch của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung như: gần cảng biển nước sâu Dung Quất, sân bay Chu Lai, quốc lộ 1A, giao thông đường bộ trong khu kinh tế hoàn chỉnh và đường thủy thuận lợi... Đây là một thuận lợi cho việc nhập và tiêu thụ xăng dầu.

- *Hệ thống đường giao thông*:

+ Phía Tây dự án là tuyến đường Trì Bình – cảng Dung Quất kéo dài đến mũi Văn Ca.

- *Khu dân cư*:

Dân cư gần nhất cách Kho Quảng Ngãi khoảng 200 m, chủ yếu ở đây là các nhà tạm để buôn bán của các hộ thuộc KDC thôn Tuyết Diêm 1.

- *Các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*: Hiện tại, xung quanh Kho Quảng Ngãi có các đối tượng sản xuất kinh doanh, dịch vụ sau:

+ Về phía Tây Nam của Kho có các cảng nằm trong Khu cảng Dung Quất gồm: Cảng xuất sản phẩm Nhà máy lọc dầu, Bến số 1 cảng Dung Quất, Cảng Gemadept, Bến số 2 cảng PTSC, Cảng Doosan Vina, cảng Hào Hưng, cảng Hòa Phát, cảng Nhà máy đóng tàu.

+ Nhà máy sản xuất công nghiệp nặng Doosan Vina cách Kho khoảng 2 km về phía Nam

+ Cách Kho khoảng 500 m về phía Đông Nam là Kho LPG (Công ty PVGas South)

+ Cách Kho khoảng 1,5 km về phía Đông Nam là Kho chứa sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Phía Nam của Kho xăng dầu PVOIL là tuyến đường ống xuất sản phẩm nhà máy lọc dầu Dung Quất dẫn từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất ra đến cảng xuất sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

- Các công trình văn hóa, tôn giáo, lịch sử: Xung quanh khu vực dự án không có các công trình văn hóa, tôn giáo, lịch sử.

- Cách cơ sở khoảng 400 m về phía Bắc là Đồn biên phòng.

1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến môi trường

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng của dự án đầu tư nâng công suất: Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án của phân kỳ đầu tư đang hoạt động:

+ Giấy phép xây dựng số 02/2011/GPXD-BQL ngày 24/6/2011 của Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

+ Giấy phép xây dựng số 19/2021/GPXD-BQL ngày 24/6/2021 của Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất (giai đoạn bổ sung bồn chứa, thiết bị).

+ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường: số 958/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (Giai đoạn 1, quy mô công suất 7.200 m³).

+ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 847/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (Quy mô công suất bổ sung 1.750 m³).

+ Giấy phép môi trường số 20/GPMT-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Kho xăng dầu Dung Quất số 127/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

1.2.4. Quy mô của cơ sở: Cơ sở có tiêu chí phân loại như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Cơ sở không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

1.2.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kho chứa và xuất xăng dầu.

1.2.7. Phân nhóm dự án đầu tư

Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Quy mô công suất của cơ sở là 15.200 m³ bồn bể, trong đó:

- Giai đoạn 1 (Đã đầu tư và đưa vào hoạt động từ 2012) : 7.200 m³ bồn bể gồm:

- + 01 bồn chứa dầu DO: 4.000 m³;
- + 01 bồn chứa xăng A92: 2.000 m³;
- + 01 bồn chứa xăng A95: 1.000 m³;
- + 01 bồn chứa nhiên liệu cồn E100: 200 m³;

- Giai đoạn 2: 8.000 m³ bồn bể, gồm:

- + 01 bồn chứa xăng A95: 1.750 m³ (Đã đầu tư và đưa vào hoạt động từ 2022);
- + 01 bồn chứa nhiên liệu hàng không JET A-1 thể tích 2.000 m³ (chuẩn bị đầu tư)
- + 01 bồn chứa DO: 3750 m³ (chuẩn bị đầu tư)
- + 01 bồn chứa nhiên liệu cồn E100: 500 m³ (chuẩn bị đầu tư)

Bảng 1.2. Quy mô công suất của cơ sở

Giai đoạn	Công suất (m ³ /năm)			
	Đã đầu tư		Chuẩn bị đầu tư mở rộng sức chứa	Tổng công suất sau khi mở rộng
	2011-2021	2022 – đến nay		
Quy mô	7.200 m ³ bồn bể	8.950 m ³ bồn bể	6.250 m ³ bồn bể	15.200 m ³ bồn bể
Ghi chú	Đã được phê duyệt ĐTM (Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 04/7/2011)	Đã được phê duyệt ĐTM (Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 14/6/2021), đã được cấp GPMT số 20/GPMT-UBND ngày 04/5/2023	-	-

(Nguồn: Tổng công ty dầu Việt Nam - CTCP)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Khi đầu tư thêm các bồn để mở rộng quy mô Kho lên 15.200 m³, quy trình công nghệ vận hành của cơ sở không đổi so với hiện tại, gồm 03 công đoạn chính: công

đoạn nhập, tồn chứa, xuất sản phẩm. Ngoài ra, trong quá trình mở rộng, ngoài việc bổ sung thêm bồn chứa, Công ty bổ sung các đoạn ống để thực hiện quá trình đảo bồn (giúp thuận tiện bảo trì, sửa chữa,...).

❖ **Công nghệ vận hành của cơ sở gồm các công đoạn:**

➤ **Công đoạn nhập**

Nhiên liệu (xăng A95, dầu DO, JET A-1) được nhập vào kho trực tiếp từ hệ thống đường ống công nghệ xuất sản phẩm ra cảng biển của Nhà máy lọc dầu Dung Quất

- Nhiên liệu A95, A92 được nhập trực tiếp từ tuyến ống 30” (tương đương 76,2 cm) xuất sản phẩm ra cảng biển của Nhà máy lọc dầu Dung Quất vào các bồn chứa thông qua một (01) tuyến ống nhánh 12” (tương đương 38 cm) nhập xăng A95 hiện hữu và được kiểm soát bằng thiết bị đo lưu lượng đặt tại đầu vào của các tuyến ống này.

- Dầu DO được nhập trực tiếp từ tuyến ống xuất sản phẩm ra cảng biển của Nhà máy lọc dầu Dung Quất vào các bồn chứa thông qua tuyến ống 12”.

- Nhiên liệu JET A1 được nhập trực tiếp từ tuyến ống xuất sản phẩm ra cảng biển của Nhà máy lọc dầu Dung Quất vào các bồn chứa thông qua tuyến ống 10”.

Cồn E100 được nhập vào bồn từ các xe bồn. Với nhu cầu tăng lưu lượng nhập E100 vào bồn, đường ống hiện hữu 4” của E100 từ khu vực xe bồn hiện này chưa đáp ứng được yêu cầu về lưu lượng nhập 100 m³/h cũng như giới hạn an toàn về vận tốc, do đó để mở rộng quy mô Kho sẽ đầu tư bổ sung thêm đường ống nhập 6” dành cho E100 nhằm đáp ứng đủ về giới hạn vận tốc, an toàn trong quá trình nhập E100.

Trong quá trình nhập sản phẩm, mức lỏng trong bồn được giám sát thông qua hệ thống thiết bị đo mức gắn trên các bể chứa có hiển thị tại chân bồn & phòng điều khiển. Khi chất lỏng trong bể đạt mức cao (LSH), thiết bị cảnh báo trong phòng điều khiển sẽ khởi động để nhân viên vận hành có các phương án ngừng nhập.

Trong trường hợp chất lỏng trong bể đạt mức cao nhất cho phép (LSHH), thiết bị cảnh báo trong phòng điều khiển sẽ khởi động đồng thời tác động đóng các SDV (Van dừng khẩn cấp) trên đường nhập để kết thúc quá trình nhập sản phẩm.

Các sản phẩm xăng, dầu của Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi bên cạnh việc có thể nhập tới khi đầy bể còn có thể được nhập theo từng mẻ (Batch Controller) với thể tích được cài đặt sẵn tại cụm đo đếm đầu vào. Trong trường hợp này, khi lượng sản phẩm nhập đã đủ theo lượng cài đặt tại Batch Controller thiết bị van điều chỉnh dòng sẽ đóng lại đồng thời bộ đo đếm thương mại cũng gửi tín hiệu để tác động ngắt van đóng khẩn cấp SDV tại vị trí đầu vào.

Bên cạnh đó, nếu có sự cố cháy trong quá trình nhập sản phẩm các van đóng khẩn cấp SDV sẽ ưu tiên nhận tín hiệu từ hệ thống báo cháy để tự động đóng các van này ngay lập tức. Ngoài ra, các van SDV này cũng được thiết kế cho trường hợp có thể

đóng ngắt từ phòng điều khiển trong các trường hợp khẩn cấp khác để đảm bảo an toàn cho trạm nạp và đường ống xuất sản xuất của Nhà máy lọc dầu.

➤ **Công đoạn tồn chứa**

Kho xăng dầu Quảng Ngãi được trang bị hệ thống đo mức và đo nhiệt độ chất lỏng trong bồn tự động. Các thông số về mức chất lỏng, dung tích chất lỏng chứa trong bồn, nhiệt độ... được cập nhật thường xuyên và chính xác.

Thông số mức chất lỏng trong bồn chứa sẽ được đo lường tự động và thủ công bằng tay tùy theo yêu cầu.

Nhiên liệu được tồn chứa trong các bể đặt trong kho. Các bể dầu DO, JET A-1, E100 là các bể trụ đứng. Các bể có bố trí van thở và các van an toàn khác, các thông số của bồn bể như mức dầu trong bể, mức nước, nhiệt độ dầu trong bồn chứa, ... được cập nhật thường xuyên và chính xác bằng hệ thống đo lường tự động hoá của kho.

➤ **Công đoạn xuất sản phẩm**

Hệ thống xuất sản phẩm được thiết kế sao cho có thể xuất sản phẩm vào xe bồn một cách an toàn và hiệu quả thông qua bơm ly tâm với lưu lượng 100 m³/giờ.

Nhiên liệu từ bồn chứa trong kho được xuất cho ô tô xi téc tại trạm xuất xăng dầu bằng máy bơm đặt tại trạm bơm dầu qua các hệ thống đường ống xuất 6", 8", 10" và cần xuất kèm theo hệ thống van định lượng/thiết bị đo, với công suất mỗi cần là 100 m³/giờ.

Lượng sản phẩm xuất ra xe bồn sẽ được kiểm soát bằng hệ thống đo đếm tự động để xuất hàng theo định lượng trước, thông tin lượng hàng xuất được đưa về trung tâm điều khiển. Hệ thống xuất sản phẩm của Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi sẽ được xuất theo mẻ (Batch Controller) với thể tích được cài đặt sẵn tại cụm đo đếm đầu ra. Khi lượng sản phẩm xuất ra xe bồn đã đạt giá trị yêu cầu, thiết bị van điều dòng sẽ được tác động đóng lại (dừng xuất) đồng thời các bơm xuất sản phẩm cũng được tác động để ngắt bơm ngay khi dừng sản phẩm.

Trong quá trình xuất sản phẩm ra xe bồn, khi mức chất lỏng trong bể chứa xuống tới mức thấp nhất (LSL) thì các thiết bị cảnh báo trong phòng điều khiển sẽ hoạt động để nhân viên vận hành có phương án dừng xuất sản phẩm.

Khi mức chất lỏng trong bể chứa xuống tới mức thấp nhất cho phép (LSLL) thì các thiết bị cảnh báo trong phòng điều khiển sẽ hoạt động đồng thời tác động ngắt bơm xuất để đảm bảo an toàn bơm.

Trường hợp sự cố cháy trong quá trình xuất sản phẩm ra xe bồn, hệ thống báo cháy sẽ gửi tín hiệu ưu tiên để tác động ngắt bơm ngay lập tức, đảm bảo an toàn cho trạm nạp.



Hình 1.3. Quy trình vận hành tại Kho

Khi thực hiện việc đầu tư mở rộng quy mô kho, liên quan đến công đoạn xuất, Công ty bổ sung, cải hoán các nội dung sau:

- Bổ sung thêm 02 bơm xuất bộ DO và A92 (P-12/P-13), 1 bơm nhập E100 (P-14).
- Cải hoán 2 bơm (P-02/03) làm bơm xuất JET A-1.
- Cắt kho bơm P-05 ($Q=10\text{m}^3/\text{h}$), thay thế bằng bơm P-06 ($Q=50\text{m}^3/\text{h}$) hiện hữu để thực hiện làm bơm phối trộn chính, ngoài ra sử dụng 1 bơm E100 P-09 dự phòng cho P-06.
- Bổ sung thêm ống 8", 6" từ bồn T-203 của JET A-1 đến bơm P-02,03 và tuyến ống 4" tại đầu đẩy của bơm P-02,03 dẫn đến khu vực xuất xe bồn.
- Bổ sung ống 10" từ bồn T-202 kết nối với đầu chờ hiện hữu của bồn T-101 đến bơm P-12. Trong quá trình thực hiện dùng bơm P-12, đầu hút của bơm được duy trì 8" và đầu đẩy xuất ra cần là 6" để có thể đáp ứng yêu cầu thay mới bơm lên $220\text{ m}^3/\text{h}$.
- Bổ sung đường hút 8" và đường đẩy 6" tại bơm P-13 để thực hiện xuất A92 ra cần xuất, duy trì với lưu lượng $220\text{ m}^3/\text{h}$.
- Trên mỗi đường xuất của mỗi bơm P-12, P-13 bổ sung thêm hệ thống đo đếm trước khi dẫn đến khu vực xe bồn. Hai bơm P-12, P-13 được duy trì lưu lượng $100\text{ m}^3/\text{h}$.
- Thông tin lượng hàng xuất được đưa về trung tâm điều khiển và ngược lại, từ trung tâm có thể điều khiển vận hành máy bơm, đóng mở van để xuất hàng theo lượng định trước.

➤ **Trường hợp đảo bồn**

Quá trình đảo bồn được thực hiện trên các bơm của E100 và DO. Đồng thời các bồn chứa DO T-202 và T-101, bồn chứa E100 T-104 và T-106 là các bồn chứa được thực hiện tham gia đảo bồn.

Việc đảo bồn của các bồn chứa E100 được thực hiện bằng cách tận dụng bơm nhập P-14. Đường ống 4" bố trí mới sẽ đóng vai trò là đầu hút để thực hiện đảo bồn, đầu đẩy của bơm này sẽ đẩy lưu chất về bồn còn lại. Trên mỗi vị trí của bồn sẽ được bố trí hệ thống van được thực hiện đóng mở nhằm cô lập, và điều hướng dòng chảy để thuận tiện cho việc đảo bồn.

Việc đảo bồn dầu DO, với nguyên lý tương tự như quá trình đảo bồn của E100. Bơm P-12 được dùng để thực hiện khi đảo bồn. Trên đường đẩy của bơm sẽ đấu nối với đường nhập của các bồn DO, khi được tận dụng làm đường chuyển bồn DO tại đầu ra cần xuất của đường ống này cũng được bố trí van 6" để thực hiện cô lập và đảo bồn, trên đường ống nhập DO từ nhà máy lọc dầu Bình Sơn vào bồn cũng sẽ bố trí một van 12" với mục đích điều hướng dòng chảy trong quá trình đảo bồn.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở là kho trung gian và xuất xăng dầu (Gồm các sản phẩm dầu DO, nhiên liệu hàng không JET A1, xăng).

Trong phạm vi của cơ sở không có các hoạt động sản xuất ra sản phẩm xăng dầu.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng

Cơ sở là kho trung gian và xuất xăng dầu. Tại kho không có hoạt động sản xuất, quá trình hoạt động kho chỉ sử dụng hóa chất (cho HTXLNT), điện, nước, dầu DO phục vụ các máy bơm.

Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất của cơ sở sau khi nâng công suất

TT	Tên nhiên liệu, hóa chất	Khối lượng	Nguồn gốc	Công đoạn sử dụng
I	Nhiên liệu			
1	Dầu DO	5.000 lít/năm	Việt Nam	Máy phát điện, máy bơm
II	Hóa chất			
1	FeCl ₃	249 kg/năm	Việt Nam	HTXLNT
2	Polime	93 kg/năm	Việt Nam	HTXLNT
3	Ca(OH) ₂	249 kg/năm	Việt Nam	HTXLNT
4	Javen 10%	936 lít/năm	Việt Nam	HTXLNT

(Nguồn: Tổng công ty dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL))

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước

a. Nhu cầu sử dụng điện:

- Nhu cầu sử dụng điện: theo hoá đơn sử dụng điện trong 2 năm 2024 – 2025, nhu cầu sử dụng điện của cơ sở khoảng 14.000 kWh/tháng. Khi mở rộng quy mô công suất, dự kiến nhu cầu sử dụng điện của cơ sở khoảng 21.000 kWh/tháng. Mục đích sử dụng điện là cấp cho các nhà bơm dầu, trạm bơm chữa cháy, điện chiếu sáng cho Khu bồn chứa, đường giao thông, bảo vệ quanh kho và các hạng mục công trình.

- Nguồn cung cấp điện: từ lưới điện quốc gia, đơn vị cung cấp là Công ty điện lực Quảng Ngãi – Điện lực thành phố Quảng Ngãi. Ngoài ra còn có máy phát điện diesel 100 KVA dự phòng cho trường hợp mất điện lưới.

b. Nhu cầu sử dụng nước:

Khi mở rộng quy mô bồn bể, số lượng công nhân viên tại Kho không tăng nên dự kiến nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt không tăng. Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng nước vệ sinh công nghiệp thiết bị hàng ngày, nhu cầu sử dụng nước để làm mát bồn chứa vào những ngày nắng nóng và vệ sinh bồn bể định kỳ (định kỳ 5 năm vệ sinh 1 lần) sẽ tăng. Cụ thể nhu cầu sử dụng nước tối đa của Nhà máy (trong trường hợp ngày nắng nóng và vệ sinh bồn chứa) ước tính như sau:

Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của Kho

TT	Mục đích	Nhu cầu sử dụng		Ghi chú
		Hiện hữu	Sau khi bổ sung bồn	
1	Nhu cầu sinh hoạt	0,5 m ³ /ngày	0,5 m ³ /ngày	Hàng ngày
2	Làm mát bồn chứa	60 m ³ /ngày	90 m ³ /ngày	Chỉ vào những ngày nắng nóng
3	Vệ sinh các bồn chứa* (Định kỳ 5 năm/lần)	50 m ³ /bồn chứa	50 m ³ /bồn chứa	5 năm súc rửa 1 lần, mỗi ngày rửa 1 bồn, không rửa đồng thời
4	Vệ sinh công nghiệp và các thiết bị của trạm xuất, bơm xăng dầu	5 m ³ /ngày	10 m ³ /ngày	Hàng ngày
	Tổng	115,5 m³/ngày	150,5 m³/ngày	Trong trường hợp ngày nắng nóng và vệ sinh bồn chứa

(Nguồn: Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam – Công ty cổ phần tại Quảng Ngãi)

Ghi chú: *Hiện hữu có 5 bồn chứa, sau khi mở rộng sẽ có 8 bồn chứa, tuy nhiên 5 năm mới súc rửa bồn chứa 1 lần và mỗi ngày rửa 1 bồn, không rửa đồng thời.

Như vậy, nhu cầu sử dụng nước hàng ngày của Nhà máy sau khi bổ sung bồn chỉ khoảng 10,5 m³/ngày, trong trường hợp ngày nắng nóng phải làm mát bồn chứa và vào các đợt vệ sinh bồn chứa định kỳ (5 năm 1 lần) thì tổng nhu cầu sử dụng có thể tăng lên 150,5 m³/ngày. Thực tế, theo hoá đơn sử dụng nước trong 2 năm 2024 - 2025 nhu cầu sử dụng nước trung bình của cơ sở hiện tại khoảng 400 m³/tháng, mục đích sử

dụng chủ yếu cho sinh hoạt, vệ sinh công nghiệp và làm mát các bồn chứa vào các ngày nắng nóng.

- Nguồn cung cấp nước: từ nhà máy nước Vinaconex (Công ty CP Vinaconex Dung Quất) cung cấp. Tại Kho có một bồn chứa nước dự trữ phục vụ sinh hoạt kết hợp chứa chấy dung tích 700 m³ (có thể vừa chứa vừa bơm).

1.5. CÁC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÒN TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: Không có.

1.6. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

1.6.1. Thông tin về khoảng cách an toàn môi trường theo quy định

Cơ sở “**Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi**” xây dựng tại xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi (Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất).

KCN phía Đông Dung Quất nằm trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch là 3.731 ha. Đây là KCN nặng mũi nhọn gắn cảng nước sâu và cảng biển tạo lợi thế phát triển thương mại. Khai thác tối đa địa hình, địa mạo ven biển và điều kiện môi trường tốt. Các ngành nghề đang được đầu tư hoạt động trong KCN phía Đông Dung Quất gồm: sản xuất công nghiệp (lọc hóa dầu và sau hóa dầu, hóa chất, đóng tàu, luyện cán thép, cơ khí, vật liệu xây dựng, kho tàng và một số loại hình công nghiệp khác). Như vậy, Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi của Tổng công ty dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) được đầu tư tại KCN phía Đông Dung Quất là hoàn toàn phù hợp.

Khoảng cách an toàn đến các đối tượng xung quanh

Theo Nghị định 25/2019/NĐ-CP ngày 07/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11/02/2011 của Chính phủ về an toàn công trình dầu khí trên đất liền thì khoảng cách an toàn quy định đối với kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ đến một số đối tượng cụ thể được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định, cụ thể như sau:

Bảng 1. 5. Khoảng cách an toàn từ bồn chứa đến các đối tượng được bảo vệ

TT	Dung tích bồn chứa (m ³)	Khoảng cách an toàn đến các đối tượng được bảo vệ quy định tại Nghị định 25/2019/NĐ-CP (m)	Thực tế khoảng cách tại Kho Quảng Ngãi (m)
1	Lớn hơn 190 – 380	15	Nhà dân gần nhất cách Kho khoảng 200 m, đồn biên phòng cách Kho khoảng 400 m (trong bán
2	Lớn hơn 380 - 1900	24,0	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Dung tích bồn chứa (m3)	Khoảng cách an toàn đến các đối tượng được bảo vệ quy định tại Nghị định 25/2019/NĐ-CP (m)	Thực tế khoảng cách tại Kho Quảng Ngãi (m)
3	Lớn hơn 1.900 – 3.800	30,0	kính 500m không có đối tượng được bảo vệ theo quy định nào khác) → Đảm bảo khoảng cách
4	Lớn hơn 3.800 – 7.600	40,5	

Ghi chú: Đối tượng được bảo vệ là các đối tượng xung quanh chịu rủi ro do các hoạt động, công trình dầu khí gây ra được quy định tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11/02/2011, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 25/2019/NĐ-CP ngày 07/3/2019

So sánh thực tế khoảng cách từ kho đến các đối tượng xung quanh với quy định về Khoảng cách an toàn tại Nghị định 25/2019/NĐ-CP ngày 07/3/2019 cho thấy vị trí xây dựng Kho đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn từ bồn chứa đến các đối tượng được bảo vệ.

Ngoài ra, vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải của Kho đảm bảo quy định tại QCVN 01:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến môi trường. Cụ thể, QCVN 01:2025/BTNMT quy định khoảng cách an toàn từ công trình xử lý nước thải (xây dựng nổi, không có hệ thống thu gom, xử lý mùi) công suất nhỏ dưới 5.000 m³/ngày đến công trình gần nhất của khu dân cư tối thiểu là 100 m, thực tế nhà dân gần nhất cách kho khoảng 200 m nên đảm bảo yêu cầu.

Khoảng cách an toàn PCCC trong kho

Căn cứ TCVN 5307:2009 – Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu thiết kế, khoảng cách tối thiểu từ các bể chứa đặt nổi đến các hạng mục trong kho đảm bảo yêu cầu tại quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

Bảng 1. 6. Khoảng cách tối thiểu từ bể chứa đặt nổi đến các hạng mục trong kho

TT	Khoảng cách tối thiểu từ bể chứa đặt nổi đến các hạng mục trong kho	Khoảng cách thiết kế tại cơ sở	Căn cứ tham chiếu TCVN 5307:2009	Điều khoản	Kết luận
1	Bến cảng xuất nhập đường thủy	500 m	50 m	Mục 5 bảng 4	Đạt
2	Trạm bơm dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ (đến T104)	17 m	15 m	Mục 5 bảng 4	Đạt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Khoảng cách tối thiểu từ bể chứa đặt nổi đến các hạng mục trong kho	Khoảng cách thiết kế tại cơ sở	Căn cứ tham chiếu TCVN 5307:2009	Điều khoản	Kết luận
3	Nhà đóng dầu ô tô xi téc, trạm bơm nước thải, nhà đóng dầu phuy, khu vực bảo quản phuy chứa dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ (nhà xuất dầu đến bể T101)	25,5 m	15 m	Mục 5 bảng 4	Đạt
4	Nhà và công trình có dùng đến lửa trần (đến bể T202)	68 m (nhà văn phòng)	Bể chứa (DO) dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ loại 2,3: 30 m	Mục 5 bảng 4	Đạt
5	Trạm bơm nước chữa cháy (đến bể T202)	46 m	40 m		Đạt
6	Vị trí lấy nước của bể hoặc hồ ao dự trữ nước chữa cháy (đến bể T202)	50 m	40 m	Mục 5 bảng 4	Đạt
7	Đến công trình làm sạch nước thải (đến bể T103)	14 m	Hồ gạn, bể tuyển nổi, bể lắng có dung tích nhỏ hơn 100 m ³ : 10 m	Mục 5 bảng 4	Đạt
8	Nhà và các công trình khác của kho	>68 m (đến nhà ăn)	20 m	Mục 5 bảng 4	Đạt
9	Tường rào kho (đến T106)	20,15 m	20 m		Đạt
10	Khoảng cách giữa các bể chứa xăng dầu		Bảng 1/6 đường kính giữa 2 bể gần nhất	Mục 5.2.9.2	Đạt
	T202 đến T203	6 m	5,17 m		
	T203 đến T201	11,67 m	4,72 m		
	T106 đến T101	4,4 m	4,4 m		
	T106 đến T102	3,9 m	3,9 m		
11	Khoảng giữa giữa bể chứa đến đê ngăn cháy		Không được nhỏ hơn ½ đường kính của bể gần đê và không quá 15 m	Mục 5.1.12	Đạt
	T202	10,95 m và 9,43 m	>8,5 m		
	T203	12 m	> 7m		
	T106	9,6 m	>3,65 m		

(Nguồn: Quy hoạch 1/500 dự án mở rộng Kho xăng dầu Quảng Ngãi giai đoạn 2)

1.6.2. Khối lượng đầu tư mở rộng quy mô công suất của cơ sở

Cơ sở thực hiện mở rộng sức chứa bề thêm 6.250 m³, nâng tổng sức chứa kho lên 15.200 m³. Các nội dung đầu tư bao gồm:

- Bổ sung thêm 3 bồn chứa tổng dung tích 6.250 m³ gồm: 01 bồn chứa nhiên liệu hàng không JET A-1 thể tích 2.000 m³, 01 bồn chứa DO thể tích 3.750 m³ và 1 bồn chứa Ethanol (E100) thể tích 500 m³;

- Bổ sung thêm 01 cần xuất JET A-1 và 01 cần xuất DO, lưu lượng dự kiến 100 m³/h (bao gồm cụm đồng hồ đo đếm xuất bộ);

- Mở rộng nhà xuất dầu ô tô để đặt các cần xuất mới;

- Bổ sung 01 bơm nhập E100 từ xe bồn, lưu lượng dự kiến 100 m³/h; 01 bơm xuất DO 220 m³/h ; 01 bơm xuất A92 220 m³/h.

- Tận dụng bơm P-06 hiện hữu làm bơm xuất E100 50 m³/h thay thế bơm P-05, đồng thời tận dụng lại bơm P-02 và P-03 làm bơm xuất nhiên liệu JET A-1.

- Cải hoán hệ thống ống công nghệ, PCCC;

- Cải hoán và bổ sung các hạng mục phụ trợ khác (đê, hệ thống thoát nước mưa bề mặt, đường nội bộ, bãi quay xe khu tra nạp, đường PCCC, điện, nước, ... để kết nối hệ thống hiện hữu cho phần bồn chứa bổ sung thêm này).

Bảng 1. 7. Các bồn chứa tại cơ sở sau khi mở rộng quy mô (bổ sung thêm 3 bồn chứa mới)

TT	Ký hiệu bồn	Dung tích	Năm đầu tư	Loại hàng
I	Các bồn hiện hữu			
1	T101	4.000 m ³	2012	Dầu DO
2	T102	2.000 m ³	2012	Xăng 92
3	T103	1.000 m ³	2012	Xăng E5-Ron92
4	T104	200 m ³	2012	Cồn E100
5	T201	1.750m ³	2022	Xăng A95
II	Các bồn đầu tư thêm			
1	T202	3.750 m ³	Chuẩn bị đầu tư	Dầu DO
2	T203	2.000 m ³	Chuẩn bị đầu tư	Xăng Jet A1
3	T105	500 m ³	Chuẩn bị đầu tư	Cồn E100

(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án mở rộng giai đoạn 2)

Bảng 1. 8. Thông tin các bơm công nghệ (tại nhà bơm dầu) sau khi mở rộng

TT	Tên bơm hiện hữu	Lưu chất	Sau khi mở rộng	Ghi chú nội dung cải hoán
1	P-01	DO	P-01	Không thay đổi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Tên bơm hiện hữu	Lưu chất	Sau khi mở rộng	Ghi chú nội dung cải hoán
2	P-02	DO	P-12	Mua mới bơm thay thế bơm cũ, tăng công suất lên 220 m ³ /h
3	P-03	A092	P-13	Mua mới, thay thế bơm cũ, tăng công suất lên 220 m ³ /h
4	P-04	A95	P04	Không thay đổi
5	P05	E100	-	không sử dụng (cất kho)
6	P06	E100	P06	Thay đổi từ bơm nhập sang bơm xuất E100
7	P07	A05	P07	Không thay đổi
8	P08	A05	P08	Không thay đổi
9	P09	E100	P09	Không thay đổi
10	P-10	E100	-	Không sử dụng, cất kho
11	P11	E100	-	Không sử dụng, cất kho
12	-	Jet A1	P02	Tận dụng từ bơm P02 (100 m ³ /h)
13	-	Jet A1	P03	Tận dụng từ bơm P03 (100 m ³ /h)
14		E100	P14	Mua mới, bơm nhập bồn (100 m ³ /h)

(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án mở rộng giai đoạn 2)

1.6.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích đất sử dụng của kho khoảng 23.201 m², hiện đã xây dựng hoàn thiện 100% các hạng mục công trình phục vụ cho công suất 8.950 m³. Để nâng quy mô công suất, Công ty không mở rộng diện tích đất mà chỉ đầu tư thêm các bồn chứa tại khu vực đã được quy hoạch sẵn (đầu tư thêm 03 bồn, tổng dung tích 6.250 m³) và các bơm xuất, cần xuất, các hạng mục phụ trợ. Cụ thể các hạng mục mở rộng như sau:

Bảng 1. 9. Bảng thống kê các hạng mục xây dựng mở rộng

TT	Hạng mục	Kích thước (mm)/số lượng	Diện tích (m ²)
1	Khu bồn chứa (3 bồn V _{tổng} = 6.250 m ³)	D x H	2.650
	- Bồn chứa dầu JetA1 T203	14.000 x 14.000	
	- Bồn chứa DO T202	17.000 x 18.000	
	- Bồn chứa E100 T106	7.300 x 13.500	
	- Bình xả nước đáy bể VS-203	600 (ID) x 600 (T/T)	
2	Mở rộng nhà bơm dầu	-	17,4

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Hạng mục	Kích thước (mm)/số lượng	Diện tích (m ²)
3	Mở rộng nhà xuất dầu ô tô để đặt các cần xuất: - LA-101: cần xuất dầu DO - LA-105: Cần xuất Jet A1		76
4	Mở rộng trạm bơm (Bơm PCCC bổ sung)	1 bơm	31,3
5	Mở rộng phòng điều khiển (nhà vận hành bơm)	6000 (L) x 1800 (W)	10,8

(Nguồn: Tổng công ty dầu Việt Nam – CTCP)

Sau khi đầu tư mở rộng quy mô bồn bể, quy mô các hạng mục công trình của Kho như sau:

Bảng 1.10. Các hạng mục công trình của Kho Quảng Ngãi

TT	Hạng mục	Diện tích Hiện hữu	Sau khi mở rộng
1	Khu bồn chứa	3.359,4 m ² (04 bồn chứa giai đoạn 1 $\Sigma V=7.200\text{m}^3$ và 01 bồn chứa A95 1.750 m ³)	6.009,40 m ²
2	Nhà nghỉ ca	108,00	108,00
3	Nhà văn phòng, hóa nghiệm, ăn ca	270	270
4	Nhà kiểm định	171	171
5	Nhà bảo vệ	30,40	30,40
6	Nhà chờ khách hàng	18,46	18,46
7	Bể nước sinh hoạt, chữa cháy	122,70	122,70
8	Trạm phát điện	48,00	48,00
9	Trạm biến áp	15,64	15,64
10	Trạm bơm	64,70	96,00
11	Nhà vận hành bơm	24,00	34,80
12	Xưởng cơ khí, bảo trì	72,00	72,00
13	Nhà xuất dầu	254,50	345,90
14	Nhà bơm dầu	112,20	129,63
15	Nhà lưu mẫu	34,85	34,85
16	Nhà chứa dụng cụ 1	34,85	34,85
17	Nhà chứa dụng cụ 2	36,00	36,00
18	Nhà chứa dụng cụ 3	56,62	56,62
19	Trạm xử lý nước thải	300,00	300,00
20	Nhà để xe CBCNV	105,60	105,60

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi

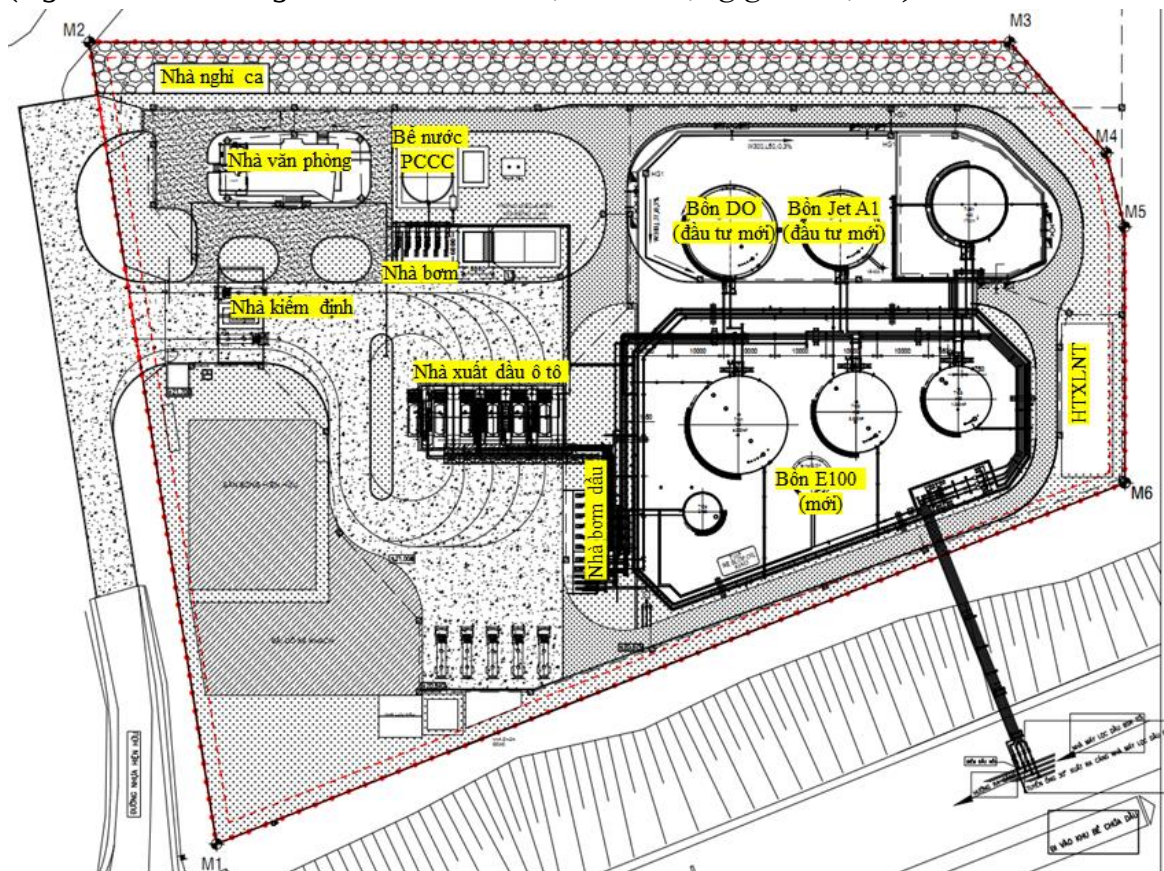
TT	Hạng mục	Diện tích Hiện hữu	Sau khi mở rộng
I	Tổng diện tích đất xây dựng công trình	5.238,92	8.039,85
II	Đất giao thông, sân nền	9.260,04	7.299,11
III	Đất cây xanh	6.956,60	6.116,60
IV	Đất công trình HTKT khác	1.745,60	1.745,60
	Tổng cộng	23.201,16	23.201,16

(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án mở rộng giai đoạn 2)

Bảng 1. 11. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở sau khi mở rộng quy mô

TT	Hạng mục sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Mật độ (%)	Ghi chú
1	Đất xây dựng công trình	8.039,85	34,65	
2	Đất giao thông, sân nền	7.299,11	31,46	
3	Đất cây xanh, thảm cỏ	6.116,60	26,36	Thỏa mãn theo bảng 2.11 QCVN 01:2021/BXD (>20%)
4	Đất công trình HTKT khác	1.745,60	7,52	
	Tổng diện tích	23.201	100%	

(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án mở rộng giai đoạn 2)



Hình 1.4. Tổng mặt bằng của cơ sở sau khi mở rộng

1.6.3.1. Các hạng mục công trình chính

a. Khu bồn chứa

- Số lượng bồn chứa hiện hữu: 05 bồn, cụ thể:

+ 01 bồn chứa dầu DO dung tích 4.000 m³ là loại bồn ngang, trụ đứng, đường kính D = 19,1m, chiều cao H = 15m và không mái phao;

+ 01 bồn chứa xăng A92 dung tích 2.000 m³ là loại bồn ngang, trụ đứng, đường kính D = 15,76m, chiều cao H = 12m và có mái phao;

+ 01 bồn chứa xăng E5 - Ron92 dung tích 1.000 m³ là loại bồn ngang, trụ đứng, đường kính D = 12,9m, chiều cao H = 10m và có mái phao;

+ 01 bồn chứa nhiên liệu cò E100 dung tích 200 m³ là loại bồn trụ đứng có đường kính D = 7,16m, chiều cao H = 6m và không có mái phao.

+ 01 bồn chứa xăng A95 dung tích 1.750 m³ là loại bồn trụ đứng, mái vòm, có đường kính D = 14,3 m, chiều cao H = 13,5 m và có mái phao;

- Số lượng bồn chứa đầu tư thêm để nâng công suất: 3 bồn, cụ thể:

+ 01 bồn chứa nhiên liệu JET A1 dung tích 2000 m³, là loại bồn trụ đứng có đường kính D = 14m, chiều cao 14 m, không có mái phao.

+ 01 bồn chứa dầu DO dung tích 3.750 m³, là loại bồn trụ đứng có đường kính D = 17 m, chiều cao 18 m, không mái phao.

+ 01 bồn chứa nhiên liệu cò E100 dung tích 500 m³, là loại bồn trụ đứng có đường kính D = 7,3 m, chiều cao 13 m, không mái phao.

+ Đối với bể chứa Jet A1, bố trí bình xả nước đáy dung tích 300 lít nhằm thu gom và xử lý lượng nước lẫn trong nhiên liệu trong quá trình vận hành, góp phần duy trì chất lượng nhiên liệu hàng không theo yêu cầu khai thác.

- Kết cấu bồn chứa

Phương pháp tính toán các cấu kiện bể, cấu tạo các chi tiết, các quy trình hàn, lắp ráp, kiểm tra mối hàn, thử và nghiệm thu, sơn bể đều được tuân theo tiêu chuẩn thiết kế bể của Anh và Mỹ. Sử dụng vật liệu là thép cacbon thông thường, tận dụng thép trong nước, vật liệu thép tấm phổ biến trên thị trường hiện nay có kích cỡ 1,5 x 6m hoặc 9 x 2m.

Các thông số kỹ thuật chính để tính toán chịu lực khi thiết kế bể chứa:

+ Áp lực dương: 75 mm H₂O

+ Áp lực âm: -25 mm H₂O

+ Áp lực gió: 1,5KN/m² (3 giây, chu kỳ lặp 50 năm)

+ Trọng lượng thiết bị trên mái: 25 kG/cm²

+ Hoạt tải trên mái: 40 kG/cm²

Bộ phận chịu lực chính cần tính toán là kết cấu thành bồn. Thành bồn được tính toán theo tiêu chuẩn API 650-2005 có tham khảo BS EN 14015-2004 và có tính đến độ dự trữ ăn mòn cho phép.

- Nền móng bể:

Theo tham khảo tài liệu khảo sát địa chất lân cận khu vực xây dựng công trình và kết cấu của các bồn chứa hiện có của Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn cho thấy nền đất ở đây là đất tốt, vì vậy kết cấu của móng bồn là đài móng hình vành khăn bằng BTCT trên đệm cát, không cần phải xử lý nhiều vẫn đảm bảo tuổi thọ công trình. Móng bồn có cấu tạo gồm lõi móng bồn và một hình vành khăn bằng BTCT. Lõi các móng bồn đầu tư mới bằng các lớp cấp phối từ trên xuống như sau:

+ Lớp 1: Bê tông asphalt cách nước dày 75 mm;

+ Lớp 2: Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax 25mm, dày 350mm, đầm chặt K = 0,98;

+ Lớp 3: Cát hạt trung dày 50 mm, đầm chặt;

+ Lớp 4: Lớp HPDE dày 1 mm;

+ Lớp 5: Cát hạt trung dày 50 mm, đầm chặt;

+ Lớp 6: Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax 25 mm, dày 850 mm, đầm chặt K = 0,95;

+ Lớp 7: Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax 37,5mm, dày 800mm, đầm chặt K = 0,95;

- Nền móng bể:

Cấu tạo nền khu bồn gồm các lớp:

+ Lớp đá dăm 1x2, dày 150 mm, K = 0,95;

+ Lớp nền đầm chặt, K = 0,90;

b. Đê ngăn cháy

Các đê ngăn cháy được thiết kế với mục đích chống cháy lan khi có sự cố. Đê ngăn cháy xây bao quanh khu bồn chứa xây bằng tường gạch dày 250 mm, cao 1,6m. Tại các vị trí thích hợp có bố trí bậc qua đê để đi lại, thao tác phía trong khu bồn. Chiều cao các đê được thiết kế đảm bảo đủ khả năng chứa khi lượng xăng, dầu trong bể chứa có dung tích lớn nhất bị tràn do sự cố.

c. Nhà bơm dầu

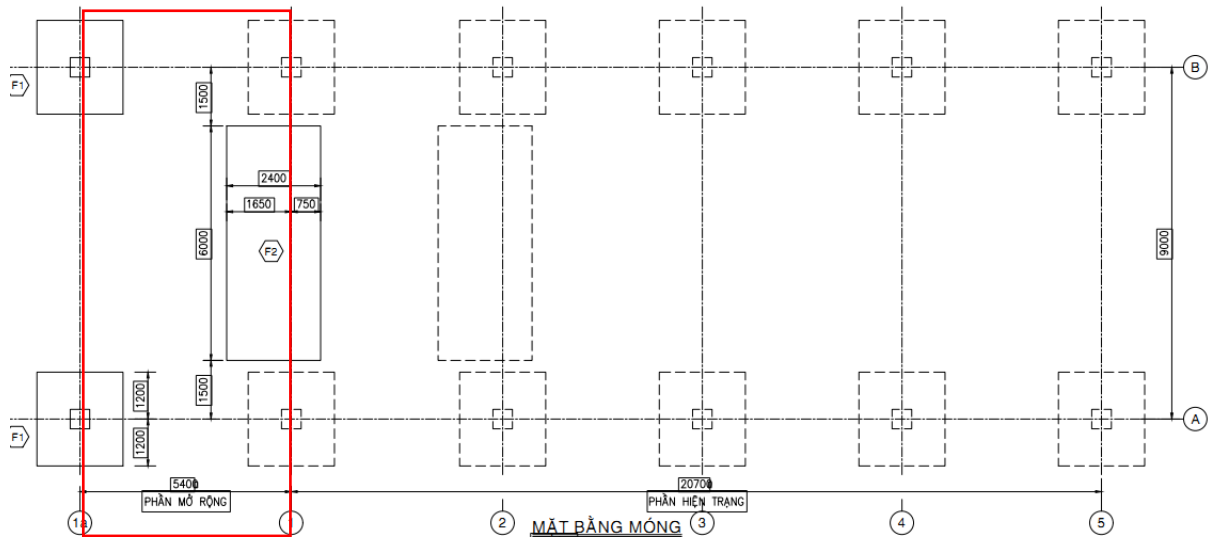
- Kết cấu nền móng: Móng bê tông cốt thép.

- Kết cấu khung: Khung bằng thép SS400, liên kết bằng bu lông và hàn điện.

- Mái: Hệ vì kèo thép độ dốc 20%, sơn chống cháy, xà gỗ thép, lợp tole mạ màu.

d. Nhà xuất dầu ô tô

- Kết cấu nền móng: Móng bê tông cốt thép.
- Kết cấu khung: Khung bằng thép SS400, liên kết bằng bu lông và hàn điện.
- Mái: Hệ vì kèo thép độ dốc 20%, sơn chống cháy, xà gỗ thép, lợp tole mạ màu.



Hình 1. 5. Mặt bằng móng nhà xuất dầu ô tô



Nhà bơm dầu



Nhà xuất dầu

Hình 1. 6. Nhà bơm dầu và nhà xuất dầu ô tô hiện trạng

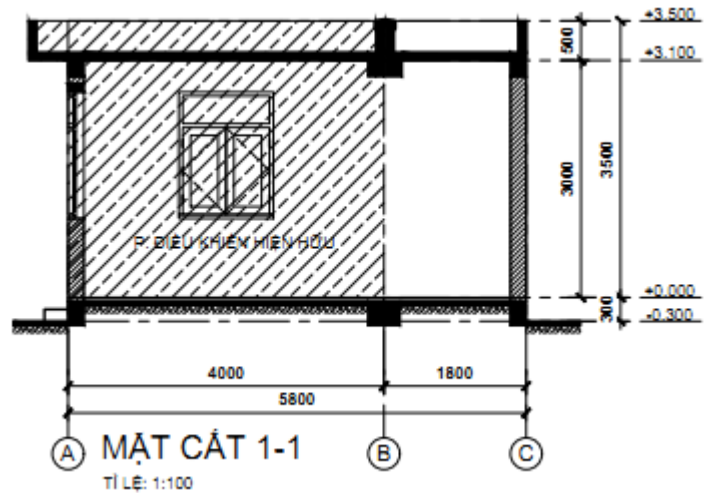
e. Nhà điều khiển mở rộng:

Hiện trạng có diện tích $6 \times 4 = 24 \text{ m}^2$, kết cấu nền móng bằng BTCT trên đệm cát. Khung, cột và mái bằng BTCT.

Phần mở rộng có diện tích $10,8 \text{ m}^2$. Kết cấu chính:

- Kết cấu nền móng: Móng bê tông cốt thép.
- Kết cấu khung: Nhà bê tông cốt thép lợp tôn, tường gạch xung quanh.

- Mái: Hệ vì kèo thép độ dốc 20%, sơn chống cháy, xà gồ thép, lợp tole mạ màu.



Hình 1. 7. Mặt cắt nhà điều khiển (nhà vận hành bơm) mở rộng

f. Nhà kiểm định (2 tầng)

Kết cấu nền móng bằng BTCT trên đệm cát, kết cấu cột, sàn bằng BTCT. Tường được xây bằng gạch ống và kết cấu mái BTCT.

g. Nhà văn phòng, hóa nghiệm, ăn ca

Kết cấu nền móng bằng BTCT trên đệm cát, kết cấu cột, sàn bằng BTCT, tường được xây bằng gạch ống, cầu gạch thẻ dày 220 và kết cấu mái bằng BTCT.

1.6.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

a. Hệ thống PCCC

Hệ thống chữa cháy cố định hiện hữu bao gồm đường ô tô chữa cháy, bể nước chữa cháy với dung tích 645 m³, 03 bơm nước chữa cháy loại động cơ điện (hai bơm chạy chính và một bơm dự phòng) được cung cấp với công suất mỗi bơm là 75 m³/h, 2 bơm bọt chữa cháy loại động cơ điện với công suất mỗi bơm 83 m³/h, đê bao ngăn cháy, hệ thống cấp nước và cấp bọt được lắp đặt cố định tại các khu vực bồn chứa sản phẩm. Hệ thống bơm nước/bọt chữa cháy hiện hữu cung cấp lưu lượng nước chữa cháy cho hai hệ thống với cột áp được duy trì ổn định ở 7.5 kg/cm².

Đối với hệ thống chữa cháy cố định bổ sung, các hệ thống cấp nước và cấp bọt mới cũng được lắp đặt cố định tại các khu vực bồn chứa sản phẩm mới và khu vực nhà xuất xe bồn mở rộng. Hệ thống mới sẽ được đầu nối và hệ thống hiện hữu, đảm bảo tận dụng tối đa hệ thống PCCC hiện hữu. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo nhu cầu nước chữa cháy của cơ sở sau mở rộng, bơm chữa cháy động cơ điện công suất 75 m³/h với cùng cột áp 7.5 kg/cm² sẽ được bổ sung vào hệ thống cấp nước chữa cháy hiện hữu để nâng cấp hệ thống.

Các trang thiết bị chữa cháy ban đầu: Bao gồm các bình bột ABC loại 8 (kg), Bình CO2 loại 5 (kg), Bình bột ABC có bánh đẩy loại 35 (kg) cũng sẽ được trang bị bổ sung tại khu vực các bồn chứa mới, nhà bơm nhà bơm xuất bộ và nhà xuất dầu ô tô mở rộng.

Ngoài ra, kho xăng dầu Quảng Ngãi sau mở rộng trang bị tối thiểu một bơm chữa cháy di động có tính năng tương đương với bơm của xe chữa cháy và bộ dụng cụ phá dỡ thô sơ đặt tại phòng điều khiển của kho chứa theo quy định của TCVN 5307:2009 và QCVN 10:2025/BCA.

b. Xưởng cơ khí, bảo trì

Kết cấu nền móng bằng BTCT trên đệm cát, kết cấu khung kèo bằng thép CT3 tổ hợp, liên kết bằng bu lông và hàn điện, kết cấu mái theo hệ vì kèo thép độ dốc 20%, xà gồ thép, lợp tole mạ màu, có nẹp chống gió bão.

c. Trạm phát điện

Diện tích 48 m², kết cấu nền móng bằng BTCT trên đệm cát. Khung, cột và mái bằng BTCT.

d. Nhà bảo vệ

Diện tích 30,4 m², kết cấu nền móng bằng BTCT trên đệm cát. Khung cột và mái đều bằng BTCT.

1.6.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các nhà vệ sinh khu nhà văn phòng được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn thể tích 30 m³, sau đó được dẫn qua ống BTCT D60 dài 20 m tới hố ga sau nhà văn phòng, từ đây nước theo ống thép 8” (DN200) dài 01 m và ống thép 6” (DN150) dài 127m đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/giờ.

b. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải nhiễm dầu

Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành kho có khả năng nhiễm xăng, dầu sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu.

Phần mở rộng sẽ đầu tư hệ thống cống loại ống thép 6 inch (~DN150), được đầu nối vào hệ thống ống dẫn nước thải nhiễm dầu hiện hữu, dẫn về HTXLNT của cơ sở.

Hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu có diện tích: 30 x 10 = 300 m², công suất 40 m³/giờ, kết cấu nền móng bằng BTCT trên đệm cát, kết cấu thành các bể đều bằng BTCT.

c. Hệ thống thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn trên các khu vực nền bãi không có nguy cơ bị nhiễm bẩn xăng dầu được thu gom đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa dẫn ra biển.

d. Kho chứa CTNH

Tại Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi có một kho chứa CTNH tạm thời diện tích khoảng 5 m² (Kích thước 2,5 x 2 m), trong kho bố trí các thùng chứa phân loại chất thải nguy hại theo quy định.

1.6.4. Tiến độ thực hiện

- Giai đoạn 1 công suất 7.200 m³, đã hoàn thiện và bắt đầu hoạt động từ năm 2012;
- Giai đoạn 2: công suất 8.000 m³, trong đó:
 - + Hiện đã hoàn thiện phần công suất 1.750 m³ và bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 04/2022.
 - + Triển khai phần còn lại (quy mô công suất 6.250 m³ bồn bể) từ quý IV/2026, dự kiến hoàn thiện đưa vào hoạt động từ quý III/2027.

1.6.5. Giải pháp thi công và các biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình thi công xây dựng

1.6.7.1. Trình tự thi công

Trước khi tiến hành thi công nhà thầu, đại diện Tổ đặc nhiệm do Tổng công ty thành lập sẽ đưa ra phương án thi công chi tiết tối ưu đảm bảo các yếu tố con người, kỹ thuật, môi trường. Để giảm thiểu nguy cơ xảy ra rủi ro cháy nổ khi thi công, Công ty và nhà thầu thực hiện nghiêm túc các quy định như:

- + Dựng lưới chắn bao che cao 3 m xung quanh khu vực thi công lắp đặt bồn chứa mới.
- + Phân luồng giao thông: Các xe ra vào phục vụ thi công, phương tiện vận chuyển của nhà thầu thi công sẽ được bố trí ra vào bằng cổng phụ; Các phương tiện vận chuyển ra vào làm việc với kho, xe bồn xitec chỉ sử dụng cổng chính.
- + Lựa chọn thời điểm thi công hợp lý: Sắp xếp thi công hàn, gò,...(các công đoạn có sử dụng điện, có khả năng phát ra tia lửa,...) vào các thời điểm Kho không thực hiện công tác xuất sản phẩm ra xe bồn cho khách hàng.
- + Nghiêm túc quản lý công nhân thi công: Không sử dụng điện thoại, không mang theo các vật dụng cá nhân có khả năng phát sinh tia lửa vào công trường,...
- + Thường xuyên chạy nước làm mát các bồn chứa xăng dầu để hạn chế nguy cơ cháy nổ.

Trình tự thi công cụ thể như sau:

a. Thi công bồn chứa:

- Thi công nền móng bồn

- Thi công bồn: Việc lắp ráp kết cấu bể chỉ thực hiện sau khi đã nghiệm thu phần nền móng bể, xác định các trục tâm bể và chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ lắp ráp, các thiết bị an toàn trong quá trình thi công bể. Trình tự giải pháp thi công bể chứa sơ bộ như sau:

+ Vận chuyển các tấm thép rời đến vị trí thi công.

+ Thi công tấm đáy bể: Các tấm thép rời được cố định vào vị trí bằng các chêm, sau đó hàn liền các tấm thép đáy bể với nhau

+ Tiến hành lắp ráp tấm thành bể thứ nhất vào đáy bể theo đường vạch sẵn. Gò cho tấm thành tiếp xúc sát vào các tấm biên đáy bể bằng đòn bẩy rồi dùng chêm cố định vị trí.

+Tiến hành kiểm tra đường kính trong của bể theo thiết kế.

+ Hàn nối các tấm thép theo phương pháp hàn hai lớp, các đường hàn mép của các tấm biên và các đường hàn chập ở một vài chỗ khác cũng là những đường hàn hai lớp.

+ Kiểm tra độ kín khít của các đường hàn.

+ Tiến hành kiểm tra độ lệch theo chiều cao thân bể.

+ Thi công mái bể: lắp các xà gồ, dầm hướng tâm, tấm mái và hàn liền kết chúng với nhau.

+ Kiểm tra độ kín khít và độ bền chắc của bể chứa bằng nước áp lực, còn mái bể bằng không khí ép hay bằng áp suất khí chứa nước vào bể. Sau 24h kiểm nghiệm chất lượng bể chứa bằng nước, mà không phát hiện chỗ rò rỉ nào ở mặt ngoài và lượng nước trong bể không giảm thấp thì coi như bể làm việc tốt.

b. Thi công mở rộng các hạng mục công trình (mở rộng nhà xuất dầu ô tô, mở rộng nhà bơm dầu, nhà điều khiển).

c. Thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật: hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, chống sét, PCCC.

1.6.7.2. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình thi công

Các tác động chính và biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn thi công cụ thể như sau:

Bảng 1. 12. Các tác động và biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn thi công

TT	Nguồn gây tác động	Các tác động môi trường	Biện pháp giảm thiểu tác động
1	Vận chuyển	Bụi, khí thải, tiếng	Sử dụng phương tiện vận chuyển có đăng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Nguồn gây tác động	Các tác động môi trường	Biện pháp giảm thiểu tác động
	thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu thi công	ồn từ hoạt động của phương tiện vận chuyển	kiểm, vận chuyển đúng tải trọng, quy cách
2	Hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt các hạng mục công trình	Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động thi công, hàn cắt	Nhà thầu và tổng công ty xây dựng và ký kết phương án thi công chi tiết, tối ưu. Lập hàng rào chắn cách ly xung quanh khu vực thi công Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động
		CTR thông thường (chủ yếu là đất từ quá trình đào hố móng, sắt thép vụn) và CTNH (Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ,...)	Đất đào đắp lại phạm vi cơ sở. Sắt thép vụn và CTR khác, CTNH thu gom riêng vào nơi lưu chứa tạm thời và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý hoặc bán phế liệu.
3	Công nhân thi công xây dựng	Nước thải sinh hoạt: 20 công nhân, lưu lượng khoảng 2 m ³ /ngày	Sử dụng nhà vệ sinh cho khách tại Kho, nước thải được thu gom về HTXLNT hiện hữu của Kho để xử lý.
		CTR sinh hoạt khoảng 18 kg/ngày	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt tại Nhà máy
4	Tác động cộng hưởng ảnh hưởng đến hoạt động hiện hữu của kho	Cộng hưởng tiếng ồn; Cộng hưởng khi xảy ra sự cố cháy nổ.	Tổ chức thi công nghiêm túc theo các phương án tổ chức thi công đã được đề ra và phê duyệt. Các nguyên tắc chính khi thi công bao gồm: - Phân luồng giao thông riêng đối với phương tiện thi công ra vào công trình và phương tiện ra vào Kho (Sử dụng cổng riêng); - Dựng tường chắn bằng lưới (mắt nhỏ) cao 3m xung quanh khu vực thi công lắp đặt bồn chứa mới; - Thi công theo nguyên tắc gọn, dứt điểm từng phần, từng công việc theo phương pháp cuốn chiếu; - Đơn vị thi công tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc an toàn khi ra vào Kho.

1.6.8. Tổng vốn đầu tư

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 65201000103 do BQL KKT Dung Quất và các KCN cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2011, tổng vốn đầu tư của Dự án khoảng 155 tỷ đồng (bao gồm cả 2 giai đoạn). Hiện nay, cơ sở đã đầu tư xong giai đoạn 1 và một phần giai đoạn 2.

Để đầu tư phần còn lại của giai đoạn 2, dự kiến tổng mức đầu tư mở rộng quy mô cơ sở là khoảng 72.308.450.000 đồng (theo thời giá).

1.6.9. Tổ chức quản lý và thực hiện

Tổng công ty dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) là chủ đầu tư, Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam – Công ty cổ phần tại Quảng Ngãi là đơn vị quản lý và vận hành. Tổng số cán bộ công nhân viên của cơ sở trong giai đoạn hoạt động ổn định công suất 8.950m³ là 29 cán bộ công nhân viên; Trong đó số lượng cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp là 20 công nhân viên. Khi mở rộng quy mô, dự kiến không tăng số lượng cán bộ công nhân viên.

Công nhân làm việc 08 giờ/ca, 03 ca/ngày, chia làm 04 kíp và 300 ngày/năm. Các bộ phận quản lý và phụ trợ phục vụ cho vận hành kho xăng dầu làm việc theo giờ hành chính, hoặc bố trí ca kíp khi có nhu cầu trong quá trình điều hành hoạt động kho chứa.

Tổng Công ty có bộ phận phụ trách môi trường, an toàn lao động. Tại Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam – CTCP tại Quảng Ngãi có cán bộ phụ trách quản lý lĩnh vực môi trường, an toàn lao động cho Kho Quảng Ngãi.

1.6.10. Làm rõ các thay đổi về tác động giữa trước và sau khi mở rộng nâng công suất của dự án

Trước và sau khi bổ sung thiết bị, nâng công suất các hoạt động và tác động môi trường của việc vận hành Kho không có nhiều thay đổi. Những thay đổi trước và sau khi bổ sung thiết bị được tổng kết qua bảng sau:

Bảng 1. 13. Tác động tới môi trường của hoạt động vận hành Nhà máy trước và sau khi nâng công suất

TT	Tác động	Kho hiện hữu	Kho sau khi bổ sung thêm bồn chứa	Ghi chú
1	Vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm	Khối lượng vận chuyển sản phẩm khoảng 270.000 m ³ xăng dầu các loại/năm (số liệu năm 2025)	Bổ sung thêm 3 bồn chứa, tương đương với lưu lượng xe ra vào Kho xuất sản phẩm tăng thêm khoảng 1,5 lần hiện hữu	Tác động chủ yếu đến giao thông khu vực, không ảnh hưởng nhiều đến hạ tầng bảo vệ môi trường của Kho
2	Hơi xăng dầu phát sinh từ hoạt động xuất, nhập, lưu trữ	Kết quả quan trắc môi trường định kỳ cho thấy nồng độ hydrocacbon trong không khí khu vực Kho rất thấp (nằm trong quy chuẩn)	Các bồn bể, thiết bị, công nghệ sử dụng tương tự hiện hữu nên dự báo lượng hydrocacbon bay hơi phát sinh rất thấp	Nồng độ ô nhiễm phát sinh không thay đổi nhiều
3	Nước thải nhiễm dầu bề mặt	Gồm nước vệ sinh công nghiệp, nước làm mát bồn chứa vào ngày nắng nóng, nước vệ sinh các bồn chứa, nước mưa chảy tràn qua khu vực có nguy cơ nhiễm dầu	Nguồn phát sinh không thay đổi, tuy nhiên do kho đầu tư thêm bồn chứa nên lượng nước nhiễm dầu có khả năng phát sinh sẽ tăng.	Lượng xả nước thải tối đa tăng từ 200 m ³ /ngày lên 217 m ³ /ngày. Tuy nhiên đây là mức tính toán tối đa lượng nước cần xử lý khi tiến hành tất cả các hoạt động, những ngày thường, lượng nước thải cần xử lý (bao gồm cả nước thải sinh hoạt) chỉ khoảng 10,5 m ³ . HTXLNT đã đầu tư công suất 40 m ³ /giờ vẫn đảm bảo khả năng thu gom xử lý (thời gian xử lý tăng từ tối đa 5 giờ/ngày lên 5,5 giờ/ngày)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Tác động	Kho hiện hữu	Kho sau khi bổ sung thêm bồn chứa	Ghi chú
4	Chất thải sinh hoạt	- Nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa khoảng 0,5 m³/ngày đêm - Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 26,1 kg/ngày đêm	Lượng công nhân không tăng nên lượng nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính không tăng.	Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý bằng bể tự hoại dung tích 30 m ³ , sau đó đưa về xử lý chung với nước nhiễm dầu tại HTXLNT của Kho. Phần cặn định kỳ được hợp đồng với đơn vị có chức năng hút đi xử lý. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.
6	Chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh thống kê thực tế qua các năm gần đây khoảng 60-110 kg/năm	Dựa trên nguồn phát sinh CTNH, lượng CTNH tại Kho sẽ không phát sinh nhiều hơn lượng phát sinh hiện tại đáng kể	Kho hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom (Định kỳ 1 – 2 lần/năm tùy theo khối lượng phát sinh)
7	Các rủi ro sự cố	- Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động - An toàn giao thông	Các sự cố có khả năng xảy ra tương tự như trước khi nâng công suất. Tuy nhiên, do công suất hoạt động lớn hơn nên mức độ tác động khi xảy ra sự cố được đánh giá là lớn hơn.	Công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa rủi ro sự cố đã đề ra. Gồm các biện pháp liên quan đến thiết bị, bảo dưỡng; công tác quản lý con người; và trang bị đầy đủ các phương tiện ứng phó sự cố.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

2.1.1. Phù hợp của cơ sở với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Trong quá trình quản lý vận hành, công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở được thống nhất triển khai phù hợp với các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường được nêu tại Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024. Cụ thể, cơ sở nghiêm túc thực hiện “Quan trắc, theo dõi, chủ động phòng ngừa, ứng phó với các sự cố ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước biển, lưu vực sông liên quốc gia, liên vùng, liên tỉnh” và “Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật” (các nhiệm vụ được nêu tại khoản 3 Điều 1 Quyết định 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024).

2.1.2. Phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi và các phân vùng

a. Sự phù hợp của cơ sở với Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2011 – 2030

Dự án phù hợp với quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đề xuất phân vùng môi trường tỉnh Quảng Ngãi (theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác theo Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản pháp luật liên quan của địa phương) đã được phê duyệt tại Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, KCN phía Đông - KKT Dung Quất nằm trong vùng hạn chế phát thải.

Vì vậy, Chủ cơ sở tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường được quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

b. Phù hợp với Quy hoạch Khu kinh tế Dung Quất:

Tại Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045. KKT Dung Quất với diện tích khoảng 45.332 ha, trong đó phần diện tích đất liền khoảng 33.581 ha, đảo Lý Sơn 1.492 ha (gồm hiện

trạng phần đảo nổi 1.039,85 ha và không gian phát triển mới) và diện tích mặt nước (vùng biển) khoảng 10.711,15ha được giới hạn trong ranh giới theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025. Trong đó, nêu rõ:

+ Tính chất của KKT (tại tiểu mục b, mục 3, Điều 1): Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: Công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm ngư nghiệp. Trong đó, trọng tâm là công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp hóa chất và công nghiệp nặng với các ngành chủ đạo: Luyện cán thép, đóng tàu biển và các ngành công nghiệp khác gắn với việc khai thác cảng nước sâu.

+ Tại tiểu mục b, mục 7, Điều 1 về Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế là tập trung nâng cao giá trị các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn (công nghiệp lọc hóa dầu, luyện cán thép, cơ khí, đóng tàu biển...); phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch; công nghiệp hỗ trợ; chế biến, chế tạo; xử lý nước thải, rác thải; năng lượng tái tạo; các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

⇒ Như vậy, Cơ sở được thực hiện trong KCN Đông Dung Quất với mục tiêu chứa và xuất xăng dầu là phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045.

c. Phù hợp với ngành nghề đầu tư tại KCN phía Đông

Cơ sở “**Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi**” xây dựng tại xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi (Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất).

KCN phía Đông Dung Quất nằm trên địa bàn xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích khoảng 3.731 ha. Theo Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu, KCN phía Đông có tính chất là khu vực phát triển các ngành công nghiệp nặng và năng lượng như: dầu khí, luyện cán thép, đóng tàu, công nghiệp hỗ trợ và trung tâm dịch vụ hậu cần, kho bãi gắn với cảng biển Dung Quất. Như vậy, Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi của Tổng công ty dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) được đầu tư tại KCN phía Đông Dung Quất là hoàn toàn phù hợp.

2.1.3. Sự phù hợp của cơ sở với định hướng phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam

Theo quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 –

2030, tầm nhìn đến năm 2050, Dự án phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu thời kỳ 2021 – 2030. Cụ thể Dự án phù hợp với định hướng phát triển nêu tại mục IV của Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023, đồng thời có tên trong danh mục kho hạ tầng dự trữ xăng dầu mở rộng, nâng công suất kèm theo Phụ lục IV của Quyết định nêu trên.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

a. Môi trường nước

Cơ sở hoạt động phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải nhiễm dầu. Chủ cơ sở đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m³/h tương đương 960m³/ngày.đêm đảm bảo nước thải sau khi được xử lý nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) và QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) trước khi đầu nối vào nguồn tiếp nhận là khu vực vùng biển ven bờ xã Vạn Tường, đảm bảo đáp ứng khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

b. Môi trường không khí

Các nguồn khí thải của cơ sở khi hoạt động phát sinh: từ hoạt động giao thông vận chuyển xăng dầu, mùi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải, mùi phát sinh từ khu vực tập kết rác của cơ sở.

Với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông chủ cơ sở có phương án điều tiết phương tiện giao thông hợp lý đảm bảo hạn chế tối đa các tác động tới môi trường.

Với mùi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải chủ cơ sở đảm bảo xây dựng kín, sử dụng thiết bị tiên tiến hiện đại, sử dụng chế phẩm vi sinh thường xuyên đảm bảo không phát sinh mùi ảnh hưởng tới môi trường là việc của công nhân viên và môi trường không khí xung quanh.

Ngoài ra còn mùi phát sinh từ khu vực tập kết rác của cơ sở: chủ cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường theo quy định đảm bảo khả năng chịu tải của môi trường không khí.

Chương III

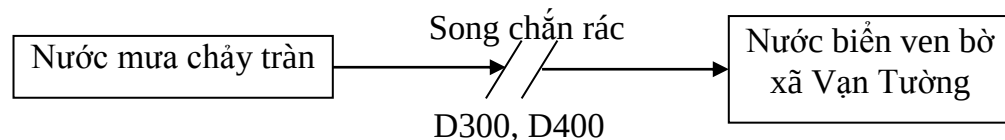
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Căn cứ vào tính chất các chất ô nhiễm mà nước mưa có thể mang theo, Kho phân chia nước mưa chảy tràn tại khu vực Kho thành 2 nhóm: Nước mưa chảy tràn qua khu vực có nguy cơ bị nhiễm dầu và nước mưa chảy tràn qua khu vực không có nguy cơ ô nhiễm dầu.

a. Nước mưa chảy tràn qua khu vực không có nguy cơ bị nhiễm dầu



Sơ đồ 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn qua các khu vực không có nguy cơ nhiễm dầu bề mặt (sân bãi, đường nội bộ, khu vực bể chứa (trừ khu vực cụm van đầu bể),...) được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của Kho, dọc tuyến có bố trí các hố ga và lưới chắn rác dùng để thu gom và lắng cặn, sau đó nước mưa được thoát vào vùng nước biển ven bờ nằm ở phía Đông Bắc Kho.

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Kho gồm các mương chữ nhật kích thước B300 và đường ống D400 hoặc D300 tùy vị trí. Nước mưa nhóm này không chứa thành phần nguy hại nên chỉ lắng cặn tại các hố ga, không cần xử lý.

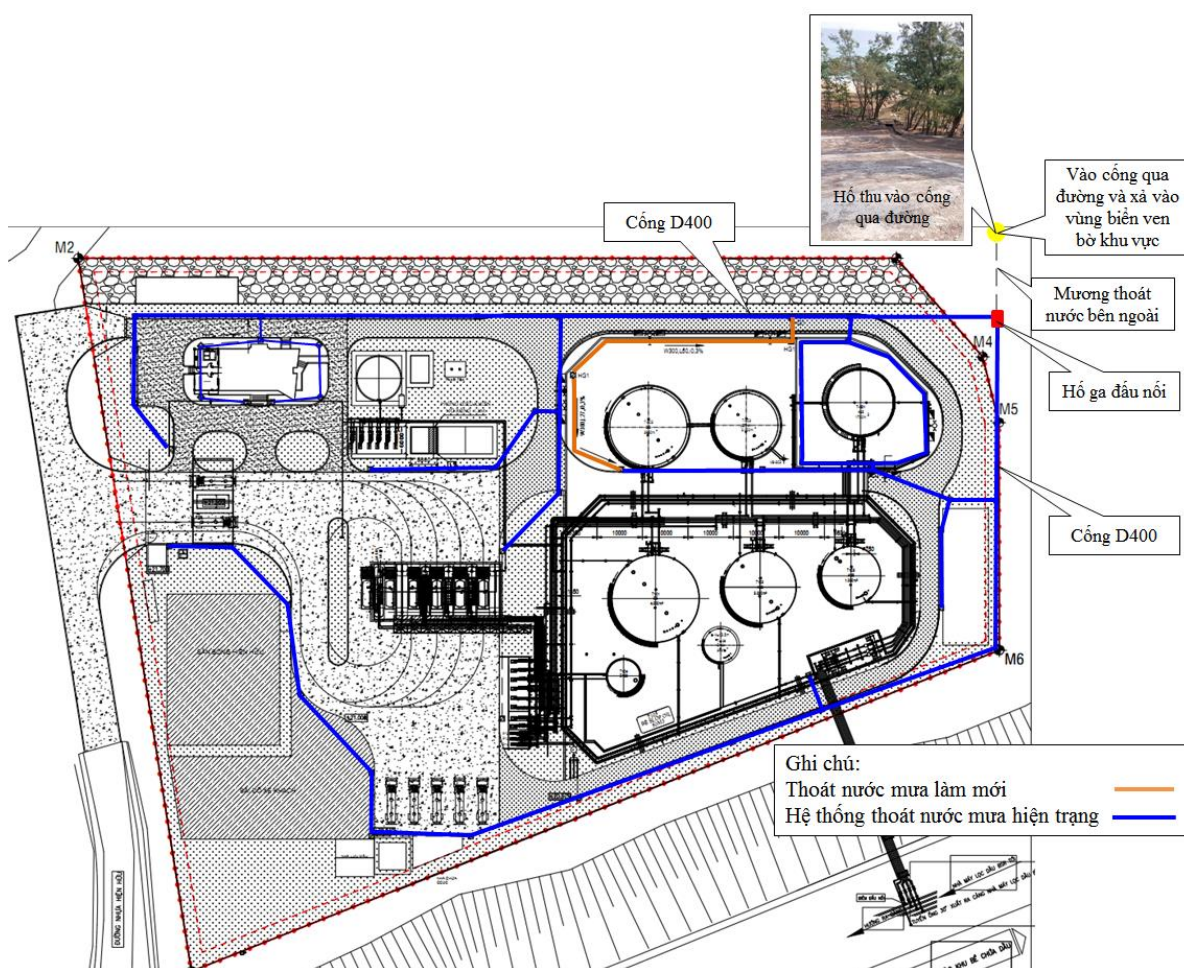
Nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu của cơ sở đầu nối vào mương thoát nước bên ngoài cơ sở và chảy vào nguồn tiếp nhận là nước biển ven bờ. Vị trí hố ga đầu nối: X = 1705295; Y = 585818 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰⁰, múi chiếu 3⁰).



Hình 3. 1. Các hố ga thu nước mưa trong khuôn viên Kho



Hình 3. 2. Mương thu gom nước mưa chảy tràn khu vực bể chứa (bên trong đê bao)



Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom nước chảy tràn không nhiễm dầu tại cơ sở

b. Nước mưa chảy tràn qua khu vực có nguy cơ bị nhiễm dầu

Diện tích khu vực có nguy cơ nhiễm dầu bề mặt (F) bao gồm khu vực nhà xuất dầu ô tô, nhà bơm dầu và khu bồn chứa (tại vị trí các van, mặt bích tại chân bể).

Bảng 3. 1. Diện tích khu vực có nguy cơ nhiễm dầu bề mặt sau khi mở rộng

TT	Khu vực	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
1	Nhà xuất dầu ô tô (sau khi mở rộng)	m ²	345,90	
2	Nhà bơm dầu	m ²	129,63	
3	Khu bồn chứa hiện hữu			
	Bồn chứa dầu DO T101	m ²	30,772	Không đổi so với hiện trạng, GPMT đã được cấp
	Bồn chứa xăng A92 T102	m ²	25,5282	
	Bồn chứa xăng E5-Ron92 T103	m ²	21,038	
	Bồn chứa cồn E100 T104	m ²	12,0262	
	Bồn chứa xăng A95 T201	m ²	23,236	
4	Các bồn chứa đầu tư mới			
	Bồn chứa DO T202	m ²	78,54	Ước tính bằng 25% diện tích vành hứng nước chân bồn
	Bồn chứa JET A1 T203	m ²	56,75	
	Bồn chứa E100 T105	m ²	19,63	
	Tổng		743,05	

Khi mở rộng quy mô, Công ty có thực hiện đầu tư thêm 3 bồn chứa và mở rộng cả nhà xuất dầu ô tô (để đặt các máy bơm và cần xuất mới) nên lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực có nguy cơ rò rỉ dầu sẽ tăng thêm so với hiện tại. Cụ thể tính toán lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực có nguy cơ bị nhiễm dầu được xác định theo hướng dẫn tại TCVN 7957:2023 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế. Cụ thể như sau:

$$Q = q \times F \times \beta \times \Psi \quad (1)$$

Trong đó:

Q – là lượng nước mưa chảy tràn.

q – cường độ mưa tính toán (l/s.ha).

F – là diện tích mặt bằng khu vực có khả năng nhiễm dầu (ha), F = 743,05 m² = 0,074305 ha (Bảng 3.1 bên trên).

β – Hệ số phân bố mưa, $\beta = 1,0$ (Xác định theo bảng 5, TCVN 7957:2023).

Ψ – Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán, chọn $\Psi = 0,78$.

Cường độ mưa được tính toán xác định theo công thức:

$$q = \frac{A(1 + ClgP)}{(t + b)^n}$$

Trong đó:

q – Cường độ mưa (l/s.ha)

P – Chu kỳ lặp lại của mưa (năm), chọn p = 5.

T – thời gian mưa (phút), theo TCVN 7957:2023, thời gian mưa tối đa có thể lấy 150 – 180 phút. Tính toán với thời gian lớn nhất là t = 180 phút.

A, C, b, n – Tham số xác định theo điều kiện mưa của địa phương theo phụ lục A, giá trị các tham số A, C, b, n tại Quảng Ngãi lần lượt là: A = 2590; C = 0,58; b = 16; n = 0,67. (Bảng A1- Phụ Lục A TCVN 7957:2023). Thay vào công thức ta được q = 106 (l/s.ha) = 0,106 m³/s.ha

⇒ Vậy thay vào công thức (1) ở trên ta có:

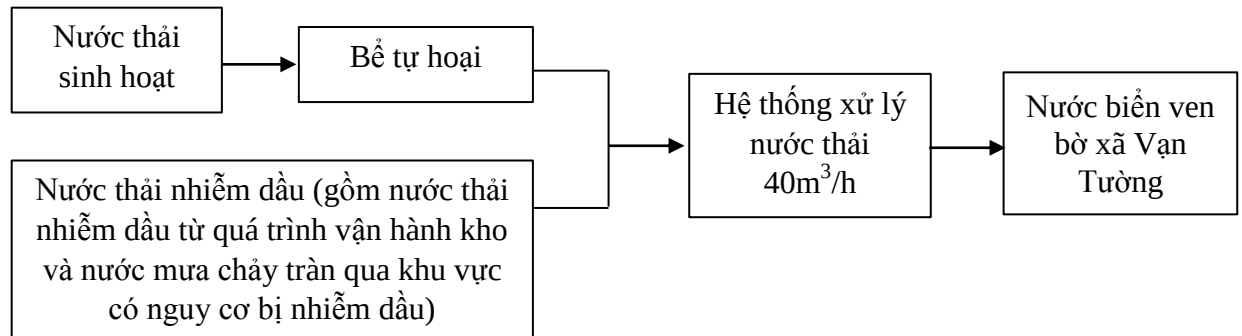
$$Q = 106 \times 0,074305 \times 1 \times 0,78 = 6,143 \text{ l/s} = 0,0061 \text{ m}^3/\text{s} = 22,12 \text{ m}^3/\text{h}.$$

Toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực có nguy cơ rò rỉ dầu được chảy về hồ thu và theo đường ống thép D150 – D200 về HTXLNT để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra ngoài môi trường.



Hình 3. 4. Cụm van tại chân bồn chứa và lỗ thu nước mưa chảy tràn có nguy cơ nhiễm dầu (nước chảy tràn qua khu vực cụm van) về HTXLNT

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải



Hình 3.5. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải nhà vệ sinh, nước từ chậu rửa tại các nhà vệ sinh. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của 20 cán bộ công nhân viên làm việc tại kho là khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn có dung tích chứa 30 m^3 , sau đó theo tuyến ống thép D150 – D200 dẫn về HTXLNT $40 \text{ m}^3/\text{h}$ để tiếp tục xử lý chung với nước thải nhiễm dầu tại kho.

- Nước thải nhiễm dầu bề mặt là nước thải có nguy cơ nhiễm dầu phát sinh trong quá trình hoạt động của Kho bao gồm: Nước từ quá trình vận hành Kho và nước mưa chảy tràn qua các khu vực có nguy cơ nhiễm dầu bề mặt.

Bảng 3. 2. Thống kê lượng nước thải của Kho

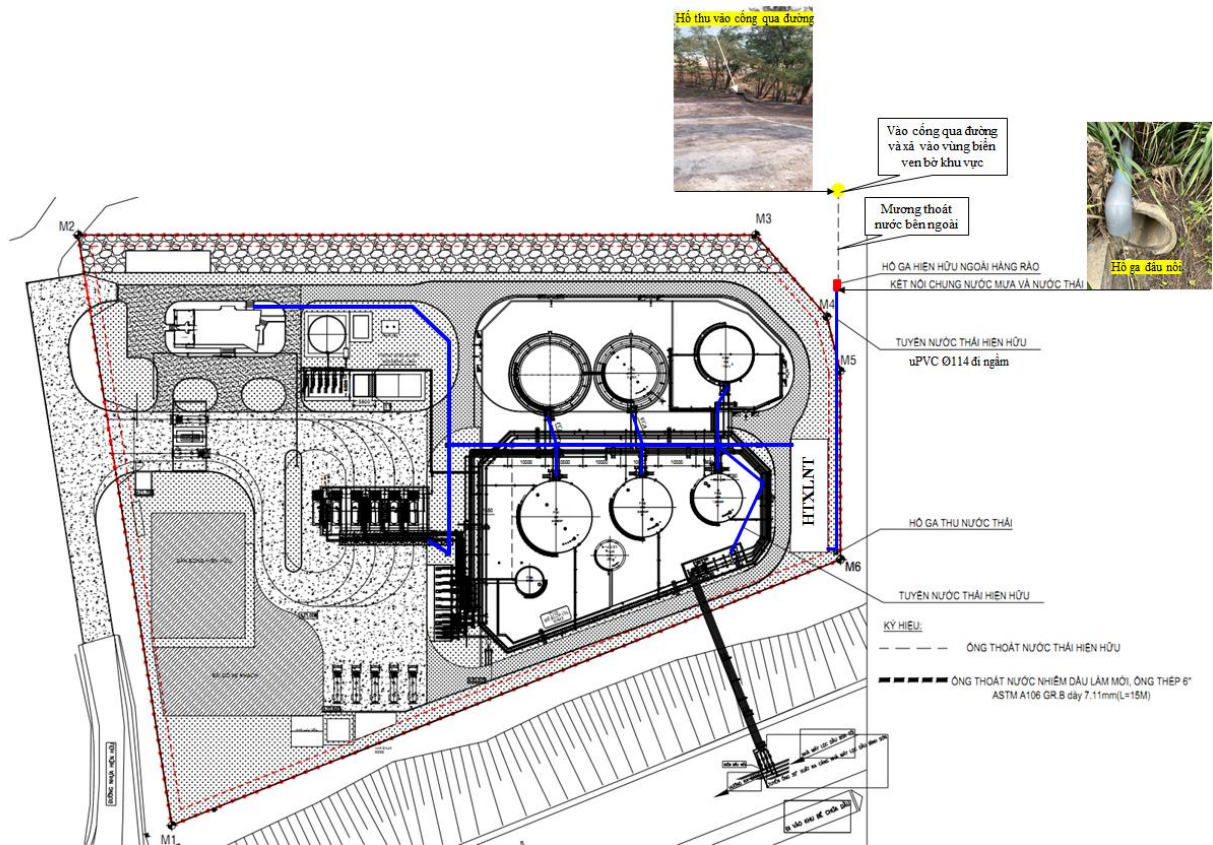
TT	Mục đích	Lưu lượng nước phát sinh tối đa	Lưu lượng nước phát sinh tối thiểu	Tần suất phát sinh
1	Nước thải sinh hoạt	$0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$	$0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$	Hàng ngày
2	Làm mát bồn chứa	$90 \text{ m}^3/\text{ngày}$	0	Vào những ngày nắng nóng
3	Vệ sinh các bồn chứa	$50 \text{ m}^3/\text{bồn chứa}$	0	5 năm vệ sinh 1 lần, mỗi ngày vệ sinh 1 bồn chứa, không rửa đồng thời
4	Vệ sinh công nghiệp, vệ sinh các thiết bị của trạm xuất, bơm xăng dầu	$10 \text{ m}^3/\text{ngày}$	$10 \text{ m}^3/\text{ngày}$	Hàng ngày
5	Nước mưa chảy tràn qua khu vực có nguy cơ nhiễm dầu bề mặt (Mục 3.1.1.b)	$66,36 \text{ m}^3/\text{trận mưa lớn trong 3 tiếng}$	0	Vào mùa mưa
	Tổng	$216,86 \text{ m}^3/\text{ngày}$ làm tròn $217 \text{ m}^3/\text{ngày}$	$10,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$	

Toàn bộ lượng nước thải nhiễm dầu và nước thải sinh hoạt (tối đa là 217 m³/ngày) sẽ theo đường ống thép D150 – D200 thu gom về HTXLNT 40 m³/giờ, một ngày hoạt động tối đa 5,5 tiếng.

Tuy nhiên đây là mức tính toán tối đa lượng nước cần xử lý khi tiến hành tất cả các hoạt động, những ngày thường, lượng nước cần xử lý chỉ khoảng 10,5 m³/ngày, sẽ được lưu nước tại hệ thống từ 5-7 ngày mới vận hành hệ thống xử lý 1 lần.

Nước thải sau xử lý đạt yêu cầu theo QCVN 40:2025/BTNTM (cột B) được theo đường ống uPVC Ø114 chảy ra hố ga bên ngoài hàng rào nhà máy và theo mương thoát nước chung đi vào nguồn tiếp nhận là vùng biển ven bờ thuộc xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

Tọa độ điểm đầu nối (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°00', múi chiều 3°):
X = 1705295; Y = 585818.



Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống thu gom xử lý nước thải của cơ sở

3.1.3. Xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ và nước thải nhiễm dầu bề mặt sẽ được thu gom dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất xử lý 40 m³/giờ. Hệ thống đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện

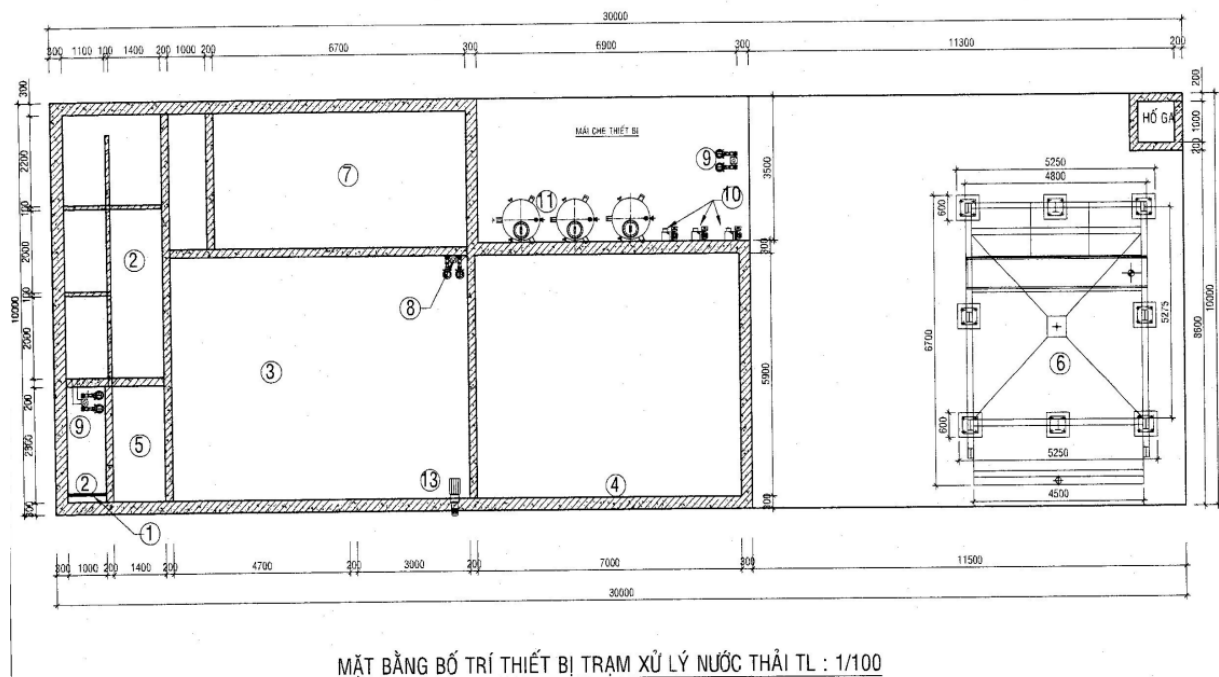
pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 2253/GXN-STNMT ngày 26/12/2012 và UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy phép môi trường tại Quyết định số 20/GPMT-UBND ngày 04/5/2023. Khi mở rộng quy mô bồn bể, HTXLNT hiện tại đảm bảo đáp ứng xử lý toàn bộ lưu lượng nước thải phát sinh tăng thêm.

a. Chức năng, quy mô và công suất công trình

- Chức năng của công trình: Xử lý nước thải tại Kho đạt QCVN 40:2025/BTNMT cột B trước khi xả thải ra môi trường.

- Quy mô: Công trình được xây dựng trên diện tích 300 m². Cụ thể quy mô từng bể được trình bày tại bảng bên dưới.

- Công suất: Tổng công suất xử lý của hệ thống là 40 m³/giờ



GHI CHÚ:

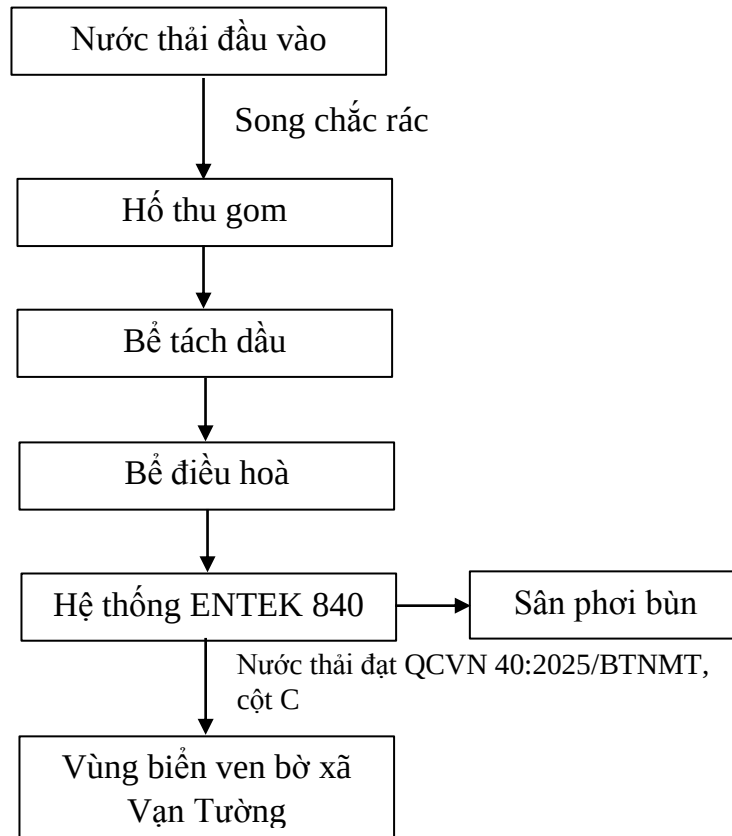
- | | | | | |
|--------------------------|----------------------|-----------------|---------------------|-----------------------------|
| ① SONG CHẤN RÁC | ④ BỂ ĐIỀU HÒA | ⑦ SÀN PHƠI BÚN | ⑩ BƠM ĐỊNH LƯỢNG | ⑬ BƠM HÚT DẦU (OIL SKIMMER) |
| ② HỒ THU GOM + MƯỜNG DẪN | ⑤ HỒ ĐUNG DẦU THẢI | ⑧ BƠM BÚN | ⑪ BƠM ĐUNG HÓA CHẤT | |
| ③ BỂ TÁCH DẦU | ⑥ THIẾT BỊ ENTEK 840 | ⑨ BƠM NƯỚC THẢI | | |

Hình 3. 7. Mặt bằng bố trí Hệ thống xử lý nước thải

b. Công nghệ xử lý

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa của Kho sau khi nâng công suất là 217 m³/ngày, được đưa về HTXLNT để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý như sau:



Hình 3.8. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải tại Kho



Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

❖ **Thuyết minh công nghệ:**

- Nước thải theo đường ống dẫn qua song chắn rác để loại bỏ rác, tạp chất có kích thước lớn chảy về hồ thu gom.

- Dòng nước thải sau khi qua hồ thu sẽ chảy qua mương dẫn, cát được lắng lại tại đây nhằm tăng hiệu quả xử lý dầu cho các công đoạn phía sau. Bản thân cát không độc hại nhưng sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của các công trình và thiết bị trong hệ thống như ma sát làm mài mòn các thiết bị cơ khí, lắng cặn trong các kênh hoặc ống dẫn, làm giảm thể tích hữu dụng của các bể xử lý và tăng tần số làm sạch các bể này.

- Dòng nước thải sau khi qua mương dẫn được dẫn về bể lắng dầu. Tại đây hàm

lượng dầu được loại bỏ nhờ một máy hút váng dầu (oil skimmer). Dầu sau đó được bơm về hồ đựng dầu thải theo đường ống D40.

- Sau bể lắng dầu nước thải sẽ được dẫn về bể điều hòa, giúp điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tập trung nước thải chuẩn bị bơm qua các công đoạn xử lý sau.

- Nước thải sau khi ổn định nồng độ và lưu lượng sẽ được bơm lên hệ thống thiết bị Entek 840. Đây là một hệ thống hợp khối có chức năng thực hiện quá trình keo tụ và lắng để xử lý nước thải dựa trên phương pháp xử lý hóa lý – lắng trọng lực. Thiết bị Entek được chia thành nhiều ngăn: ngăn đông tụ, ngăn keo tụ, ngăn ổn định và ngăn lắng.

+ Ngăn đông tụ (ngăn khuấy trộn thứ nhất): Nước thải từ bể điều hòa được bơm liên tục vào ngăn đông tụ, tại đây nước thải được khuấy trộn cùng các hóa chất bổ sung là phèn sắt (FeCl_3) và vôi để thực hiện quá trình đông tụ.

+ Ngăn keo tụ (ngăn khuấy trộn thứ 2): Nước thải đã khuấy trộn hóa chất từ ngăn thứ nhất chảy tràn sang ngăn thứ 2, lúc này chất trợ keo tụ được bơm vào theo liều lượng đã định. Tà ngăn này có một bộ khuấy trộn để tăng cường sự kết dính của chất trợ và hạt keo có tỷ trọng thấp.

+ Ngăn ổn định (ngăn khuấy trộn thứ 3): Sau khi bổ sung chất trợ keo tụ, nước thải được dẫn sang ngăn ổn định, tại đây được khuấy trộn với tốc độ rất chậm nhằm làm tăng khả năng kết dính của các bông keo với nhau để tạo được các bông keo lớn, dễ lắng.

+ Ngăn lắng: Tại đây các bông keo lắng xuống dưới đáy và nước sạch nổi lên trên mặt thiết bị và chảy qua máng tràn ra ngoài. Tại ngăn lắng được lắp đặt các tấm nghiêng nhằm làm tăng tiết diện lắng. Bùn lắng sẽ được rút sang sân phơi bùn thông qua van xả bùn lắp dưới đáy ngăn lắng.

- Nước thải sau khi được xử lý tại các ngăn của thiết bị Entek được đưa ra ngoài thông qua mương dẫn. Nước thải đầu ra sẽ được khử trùng bằng javen tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh trước khi đưa ra ngoài môi trường tiếp nhận là vùng biển ven bờ xã Vạn Tường. Nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT cột B trước khi thải ra môi trường.

- Sân phơi bùn có tác dụng tiếp nhận bùn từ bể lắng dầu và từ thiết bị Entek840, bùn sẽ được chuyển cho đơn vị chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý khi đầy. Nước thải từ sân phơi bùn sẽ được thu gom bằng đường ống ngầm ở đáy bể và chảy về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

Bảng 3. 3. Quy mô các bể hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước Dài x Rộng x Cao (m)	Thể tích (m ³)
1	Hố thu gom	01	2,8 x 1 x 2,5	7
2	Mương dẫn	01	6,4 x 2,6 x 1,5	24,96
3	Hố đựng dầu thải	01	2,8 x 1,6 x 1,5	5,88
4	Bể tách dầu	01	7,9 x 5,9 x 2,75	128,18
5	Bể điều hòa	01	7 x 5,9 x 2,75	113,58
6	Sân phơi bùn	01	6,7 x 3,3 x 1,2	26,53
7	Thiết bị Entek	01	6,7 x 5,25 x 4,2	113

Bảng 3.4. Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

TT	Công trình, thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
1	Song chắn rác	1	Dài x rộng 1,2 x 1 m Song chắn SS304, d6,a16, L1200	Việt Nam
2	Bơm bùn bể tách dầu	02 bơm (hoạt động luân phiên)	H = 6 m, N = 0,6 kW Công suất: 10 m ³ /h Chức năng: Bơm bùn từ bể tách dầu về sân phơi bùn	Việt Nam
3	Bơm nước thải bể điều hòa	02 bơm (hoạt động luân phiên)	Q = 40 m ³ /h, H = 9 m, N = 2,5 kW Chức năng: Bơm nước thải từ bể điều hòa đến thiết bị Entek	Việt Nam
4	Máy oil skimmer (Máy hút váng dầu)	01 bộ	Q = 200 l/h – N = 0,4 kW Chức năng: Hút dầu từ bề mặt dầu về hố đựng dầu thải	Việt Nam
5	Thiết bị Entek	01	Thiết bị hợp khối gồm nhiều ngăn: Đồng tụ, tạo bông, ổn định, lắng. Kích thước: 6,7 x 5,25 x 4,2 Công suất xử lý 40 m ³ /giờ	Việt Nam
6	Bơm hóa chất	4 bơm	H = 3m, Q = 150 l/h, N = 0,6 kW	Việt Nam
7	Bồn hóa chất	4 bồn	Nhựa 4 lớp, 1 m ³	Việt Nam
8	Bơm khuấy	03 bộ	-	Việt Nam

(Nguồn: Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam – Công ty cổ phần tại Quảng Ngãi)

c. Quy trình vận hành và chế độ vận hành

Trường hợp Nhà máy vệ sinh định kỳ bồn bể hoặc vào mùa mưa (lượng nước thải phát sinh nhiều) sẽ tiến hành bơm xử lý liên tục.

Trường hợp lưu lượng nước phát sinh tối thiểu sẽ tiến hành lưu giữ nước trong các bể và sau khoảng 7 – 10 ngày sẽ tiến hành vận hành hệ thống xử lý trong khoảng 1 – 2 tiếng.

Trước khi tiến hành vận hành hệ thống, người vận hành kiểm tra toàn bộ hệ thống gồm: Kiểm tra các thiết bị điện, kiểm tra mức nước thải, kiểm tra các thiết bị khắc phục sự cố có đầy đủ không,... mới tiến hành thao tác khởi động hệ thống.

❖ Khi bắt đầu ở tất cả các ca, tổ vận hành phải thông qua các bước sau:

1. Xem xét nhật ký: Có gì bất thường xảy ra không? Kiểm tra lại tình trạng của thiết bị hút dầu? Kiểm tra lại tình trạng bông bùn trong bể ENTEK?

2. Kiểm tra bằng trực quan quá trình đông tụ tạo bông

- Ngăn phản ứng, ngăn ổn định: Bể có được khuấy trộn đều không? Hạt cặn trong bể

- Ngăn lắng lắng: Nước trong hay đục? Có nhiều bùn nổi trên bề mặt không? Đệm bùn trong bể lắng cao hay thấp? Nếu đệm bùn cao, thì phải kiểm tra.

- Chất lượng dòng ra: Kiểm tra dòng ra, dòng ra cần sạch và không có chất lơ lửng, độ trong đạt yêu cầu.

- Tiến hành thí nghiệm: Đo PH trong ngăn phản ứng.

- Ghi lại lượng hóa chất sử dụng của ngày hôm trước.

- Kiểm tra xem phèn sắt, vôi, polymer... trong bồn pha hóa chất còn hay đã hết? Nếu hết phải tiến hành pha tiếp.

- Ghi chép kết quả kiểm tra và bàn giao

Ghi chép lại kết quả quan sát được và kết quả phân tích thí nghiệm. Khi giao ca phải bàn giao lại cho người trực ca sau một cách cụ thể. Đặc biệt nếu phát hiện ra điều gì bất thường trong ca trực của mình phải báo cho người trực ca sau tiếp tục theo dõi và có biện pháp xử lý.

❖ Người vận hành phải hiểu được bản chất của việc xử lý nước thải bằng phương pháp keo tụ và xác định được các thông số chuẩn mực của một Hệ thống hoạt động tốt.

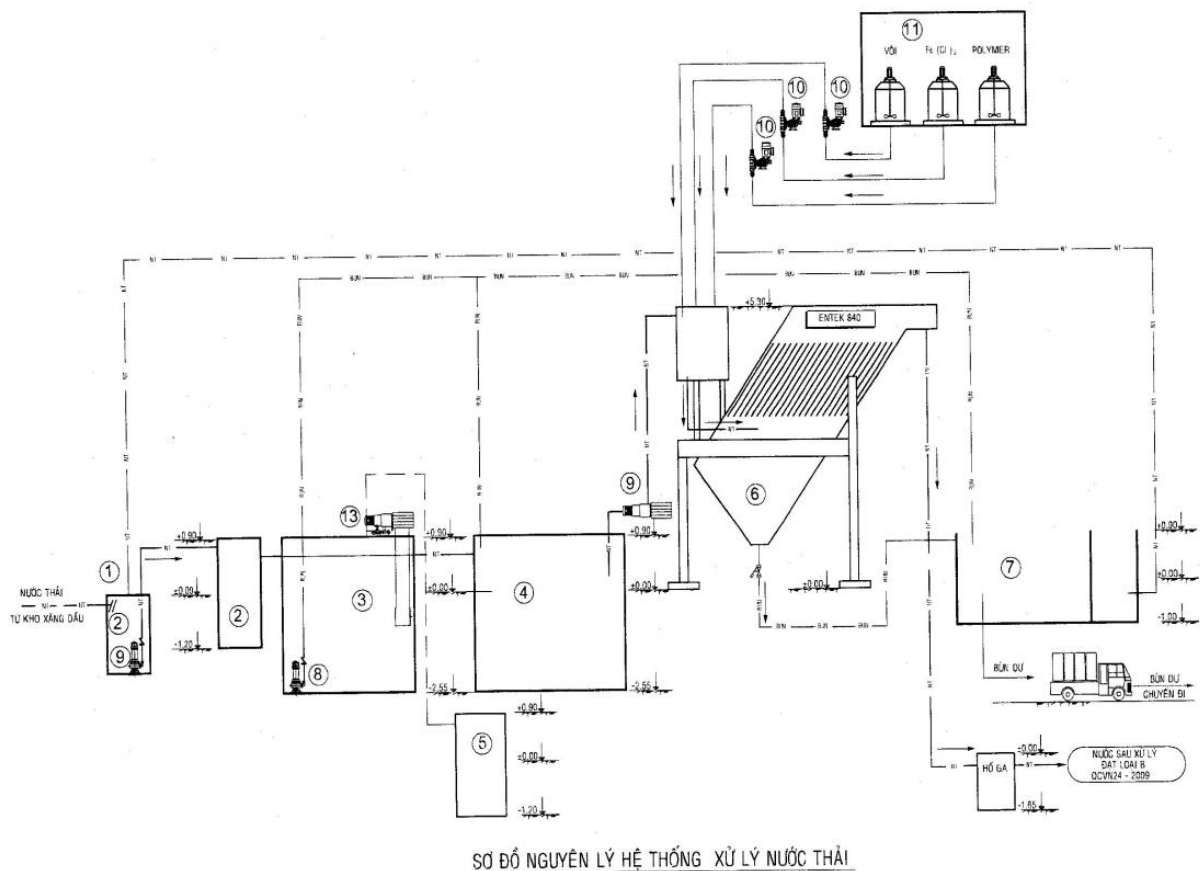
Khi lưu lượng và chất lượng dòng vào thay đổi, thì môi trường của bể ENTEK thay đổi theo. Nếu lưu lượng tăng đáng kể (quá 10%), cần thiết phải điều chỉnh các thông số vận hành. Nếu lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm trong dòng vào tăng, cần thiết phải tăng lượng hóa chất bơm vào và ngược lại.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi

Vì vậy, hằng ngày người vận hành phải theo dõi lưu lượng nước thải dòng vào và kiểm tra lưu lượng dòng vào hàng ngày trên máy tính. Từ đó tính được tổng lượng hóa chất bơm vào hệ thống trong ngày.

+ Môi trường bể ENTEK: Cần phải duy trì các thông số trong bể ENTEK như sau: PH: 6,5 - 8,5 (tốt nhất là PH = 7.2), Các motor khuấy phải làm việc ổn định theo đúng yêu cầu.

+ Nước thải sau xử lý: Nước thải dòng ra đầu tiên quan sát bằng mắt phải trong, ít chất rắn lơ lửng, sau đó các kết quả phân tích phải đạt tiêu chuẩn cho phép.



Hình 3. 10. Sơ đồ nguyên lý hệ thống xử lý nước thải

Bản thuyết minh quy trình vận hành HTXLNT Nhà máy được đính kèm tại phần Phụ lục của báo cáo này.

d. Các loại hóa chất sử dụng, định mức tiêu hao điện năng

- Các loại hóa chất sử dụng

Bảng 3.5. Danh mục hoá chất sử dụng cho hệ thống XLNT

TT	Tên nhiên liệu, hóa chất	Khối lượng
1	FeCl_3	70 mg/l

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Tên nhiên liệu, hóa chất	Khối lượng
2	Polime	2 mg/l
3	Ca(OH) ₂	70 mg/l
4	Javen, 10%	0,2 l/m ³

(Nguồn: Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam – Công ty cổ phần tại Quảng Ngãi)



Hình 3. 11. Khu vực hóa chất HTXLNT

- **Định mức tiêu hao điện năng:** Tổng nhu cầu sử dụng điện của HTXLNT Kho là khoảng 20 kW/giờ, các thiết bị sử dụng điện chủ yếu là các máy bơm (bơm nước thải, bơm bùn, bơm hóa chất, bơm dầu skimmer,...)

e. Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý

Nước thải sau xử lý tại HTXLNT của Kho đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột B trước khi xả ra môi trường.

Bảng 3. 6. Tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	6 – 9
2	Nhiệt độ	⁰ C	40

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
3	TSS	mg/l	≤ 80
4	COD	mg/l	≤ 90
5	BOD ₅	mg/l	≤ 60
6	Dầu mỡ khoáng	mg/l	$\leq 5,0$
7	Amoni	mg/l	≤ 10
8	Độ màu	mg/l	≤ 100
9	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 40
10	Tổng Phốtpho	mg/l	≤ 14
11	Sắt	mg/l	≤ 10
12	Đồng	mg/l	$\leq 3,0$
13	Kẽm	mg/l	$\leq 5,0$
14	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤ 5.000

f. Quan trắc tự động liên tục: Mức lưu lượng xả nước thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Hoạt động vận hành của Kho không phát sinh bụi, khí thải cần phải thu gom, xử lý trước khi đưa ra ngoài môi trường xung quanh. Sau đây là một số biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa tác động của bụi, khí thải phát sinh.

❖ **Phương án giảm thiểu, phòng ngừa tác động của hơi xăng dầu phát sinh tại các khâu xuất nhập, khu vực bể chứa sản phẩm**

- Đối với khâu xuất nhập xăng dầu

Khi xuất hay nhập xăng dầu, Kho đề ra một số quy định nhằm giảm thiểu sự bay hơi và rò rỉ xăng dầu, cụ thể như sau:

+ Quá trình nhập và xuất xăng dầu luôn ở trạng thái nhúng chìm vòi xuất nhập, đầu vào của bơm phải luôn nằm ở dưới bề mặt chất lỏng.

+ Hệ thống tự động hóa được tích hợp thành một hệ thống điều khiển hoàn chỉnh, tập trung thành Trung tâm điều khiển và giám sát chung. Bền xuất ô tô xitex với các hòng xuất sẽ được tự động điều khiển hoàn toàn quá trình xuất hàng với giải pháp dùng hệ PLC để điều khiển.

+ Định kỳ kiểm tra kỹ thuật, đảm bảo an toàn tất cả các thiết bị chứa, trụ bơm, hạn chế sự rò rỉ, sửa chữa hoặc thay thế kịp thời các thiết bị có dấu hiệu không đảm bảo an toàn cho công nhân hoạt động.

+ Công nhân vận hành trực tiếp tại kho xăng dầu phải có đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định

+ Trồng cây xanh trong mặt bằng trạm để hạn chế tiếng ồn, bụi, hơi xăng dầu.

- Đối với hệ thống bể chứa và đường ống

+ Để làm giảm sự bay hơi của xăng dầu, đối với hệ thống khoang chứa và bể chứa cùng với hệ thống đường ống nhập dầu, tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Bể chứa luôn luôn ở trong tình trạng kín. Các bồn chứa xăng đều có lắp đặt các mái phao hạn chế bay hơi, nên lượng phát sinh là không lớn và nằm trong giới hạn cho phép.

+ Các bể chứa xăng dầu với độ cao từ 10 - 15m, được đầu tư hệ thống tự động đo mức để theo dõi số lượng và nhiệt độ bình quân của nhiên liệu chứa trong bể.

+ Giám sát mức chứa nhiên liệu, theo dõi cảnh báo tràn trong quá trình nhập, theo dõi và cảnh báo mức chứa trong quá trình xuất. Công nghệ sử dụng là công nghệ Radar để đo mức và que từ để đo nhiệt độ của nhiên liệu chứa trong bể. Sử dụng hệ PLC để thu nhận số liệu.

+ Trang bị các phao nổi trong các bể chứa dầu nhằm giảm thiểu khả năng bay hơi xăng dầu.

+ Tồn chứa các sản phẩm xăng dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bể, vì nếu giảm thể tích khoảng trống chứa hơi của bể thì lượng xăng dầu bay hơi sẽ giảm.

+ Các bể chứa sẽ áp dụng các biện pháp kỹ thuật kiểm soát và chống nóng: hệ thống đo nhiệt độ, hệ thống phun nước tưới mát thân bể chứa, sử dụng sơn cao cấp phản xạ nhiệt để chống nóng.

+ Các van trong hệ thống công nghệ, các thiết bị bơm rót nhiên liệu sẽ sử dụng đúng chủng loại và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu.

+ Các bể chứa xăng dầu được lắp các van thở có bình ngăn tia lửa có thông số kỹ thuật phù hợp với công suất bơm chuyển để hạn chế tối đa lượng xăng dầu bay hơi vào không khí.

+ Kiểm tra thường xuyên hệ thống bồn chứa, hệ thống đường ống, mặt bích, các khớp nối, hệ thống các van, các mối hàn nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời những chỗ rò rỉ hoặc hỏng hóc. Đặc biệt lưu ý các mối hàn giữa đáy và thành khoang, bể, joăng đệm lót kín trong các trạm bơm, hố van...

+ Khi phát hiện thấy các vết dầu trên các mối hàn và trên các tấm thép thành bể chứa có dầu ngấm loang từ dưới nền bể, dầu ngấm qua các vòng đệm của van chặn hoặc trong các mặt bích thì ngưng ngay việc nhập thêm dầu mới, xuất hết dầu cũ hoặc chuyển qua bể khác càng nhanh càng tốt để tu sửa lại.

+ Nhanh chóng khắc phục sự cố rò rỉ từ các lỗ nhỏ trên đường ống bằng cách lót đệm và đánh đai lại để chờ thay thế đoạn ống mới.

+ Đại ếp sẽ giữ chặt các tấm lót cao su, bo kín toàn bộ mối liên kết mặt bích, ngăn chặn hoàn toàn rò rỉ.

+ Trường hợp có sự cố tại các van dầu hoặc van chặn thì phải ngừng bơm để xử lý ngay lập tức.

+ Đảm bảo thông tin chặt chẽ giữa các bộ phận và các nhân viên trong quá trình nhập xăng dầu vào bồn chứa. Phải thông báo kịp thời khi thấy hiện tượng tăng áp suất bất thường để có thể dừng bơm kịp thời trước khi xảy ra sự cố vỡ đường ống, hiện tượng giảm áp suất bất thường để kiểm tra phát hiện rò rỉ.

❖ Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông

Để giảm thiểu ô nhiễm gây ra do bụi, khí thải và tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển ra vào cơ sở, Công ty áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật như sau:

- Điều phối phương tiện hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong cơ sở cùng thời điểm.

- Yêu cầu tất cả các xe ra vào Kho, đặc biệt là khu vực xuất nhập xăng dầu phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng ngừa sự cố (bịt ống bô), còn hạn đăng kiểm; Lái xe được đào tạo bài bản, nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông và các quy định về vận chuyển.

- Phun nước đường nội bộ, sân bãi (nơi các phương tiện hay hoạt động) trong thời gian mùa khô kéo dài

- Trồng cây xanh: Biện pháp trồng cây xanh không những làm đẹp cảnh quan cho cơ sở mà còn có tác dụng điều hòa khí hậu, hấp thu các chất ô nhiễm trong môi trường không khí (giảm khí thải, bụi), chống ồn. Bố trí trồng cây xanh sân vườn và hè đường, tạo môi trường cảnh quan, giảm tiếng ồn và giảm khói bụi từ phương tiện giao thông.

❖ Biện pháp giảm thiểu tác động từ máy phát điện dự phòng

Kho có một máy phát điện dự phòng sử dụng trong trường hợp cần thiết. Máy phát điện sử dụng nhiên liệu là dầu Diesel đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nên khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng đáp ứng QCVN 19: 2024/BTNMT, cột B, không cần phải thu gom, xử lý trước khi đưa ra ngoài môi trường xung quanh.

Để giảm thiểu các tác động từ máy phát điện dự phòng, trong quá trình sử dụng tại Kho lưu ý các điểm sau:

- Máy phát điện được đặt tại phòng kỹ thuật, xây dựng riêng biệt, máy được đặt trên nền bê tông và lớp đệm chống rung.

- Phân công cán bộ kỹ thuật theo dõi, cập nhật quá trình hoạt động của máy, kiểm soát lượng dầu sử dụng, thực hiện bảo dưỡng máy theo quy định.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

- Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở:

Thực tế thu gom CTRSH tại kho cho thấy lượng CTRSH phát sinh từ sinh hoạt của cơ sở khoảng 0,9 tấn/năm. Khi mở rộng quy mô bồn bể, lượng cán bộ công nhân không tăng nên dự kiến lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vẫn khoảng 0,9 tấn/năm.

- Thành phần bao gồm các chất hữu cơ dễ phân hủy được phát sinh từ khu vực nhà văn phòng, nhà ăn, nhà bảo vệ,...

- Phương án thu gom, lưu chứa CTR sinh hoạt:

Với các chất thải rắn có thể tái chế như giấy, báo văn phòng,...được thu gom bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn. Các loại CTR sinh hoạt còn lại được các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 20 – 30 lít, tại khu vực phát sinh như khu vực nhà ăn, khu vực văn phòng và hàng ngày thu gom tập trung vào 06 thùng chứa có nắp đậy dung tích 240 lít đặt tại vị trí tập kết để định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Hợp đồng kinh tế số 153/2025/HĐKT ngày 01/08/2025 giữa Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama về việc thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đính kèm tại phần Phụ lục báo cáo.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

3.4.1. Chứng loại và khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở:

CTNH tại cơ sở phát sinh trong quá trình sản xuất gồm: Giẻ lau bị nhiễm dầu mỡ, hộp mực in thải, bao bì cứng thải bằng kim loại, bao bì cứng thải bằng nhựa, bùn lẫn dầu... Khối lượng CTNH phát sinh thường xuyên tại cơ sở tối đa khoảng 225 kg/năm; riêng với các năm có thực hiện công tác súc rửa bồn bể định kỳ (5 năm súc rửa 1 lần), thì lượng CTNH phát sinh sẽ tăng thêm lượng bùn đáy bể (ước tính vào các năm súc rửa bồn bể, lượng bùn đáy bể phát sinh phải thu gom tối đa khoảng 5.000 kg/năm).

Bảng 3. 7. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh tối đa tại cơ sở sau khi mở rộng quy mô bồn bể

TT	Chủng loại CTNH	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg)
1	Bùn đáy bể (bao gồm bùn từ HTXLNT, bùn nạo vét từ quá trình súc rửa bồn bể)	Rắn	01 04 02 (NH)	5.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06 (NH)	15
3	Dầu thải từ máy hút văng dầu	Rắn	17 05 04 (NH)	25
4	Bao bì kim loại cứng	Rắn	18 01 02 (KS)	65
5	Bao bì nhựa cứng	Rắn	18 01 03 (KS)	40
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01 (KS)	80
	Tổng			5.225

Thực tế thành phần và khối lượng CTNH phát sinh trong 2 năm 2024 – 2025 tại Nhà máy như sau:

Bảng 3.8. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh

TT	Chủng loại CTNH	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	
				2024	2025
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	15	5
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	55	30
3	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 08	0	5
4	Bùn đáy bể (bao gồm bùn từ HTXLNT, bùn nạo vét từ quá trình súc rửa bồn bể)	Rắn	01 04 02	3.690	0
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	40	10
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	25	10
	Tổng			3.825	60

Ghi chú: Lượng CTNH phải thu gom năm 2024 tăng cao do năm 2024 là năm Công ty thực hiện súc rửa bồn bể (định kỳ 5 năm súc rửa 1 lần) nên phát sinh bùn, cặn thải lẫn dầu nhiều.

Ghi chú: Theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, hộp chứa mực in văn phòng (mã chất thải 08 02 08) là chất thải thông thường nên báo

cáo không thống kê hộp chứa mực in trong danh sách các chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh tại Nhà máy (Bảng 3.6).

Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại số 0111/2023/HĐKT/SBU3-CNDVN và phụ lục hợp đồng số 01 được đính kèm tại phần Phụ lục báo cáo. Đơn vị thu gom CTNH của cơ sở là Công ty CP cơ – điện – môi trường Lilama đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường số 81/GPMT/BTNMT ngày 24/01/2025.

Liên chứng từ thu gom CTNH năm 2024, 2025 của Kho được đính kèm tại phần Phụ lục của báo cáo.

3.4.2. Phương án thu gom, lưu chứa CTNH:

CTNH được thu gom, lưu chứa tại kho CTNH diện tích 5 m^2 ($2,5\text{m} \times 2\text{m}$). Kết cấu tường gạch bê tông, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, có đường ống thu chất thải rò rỉ về bể chứa $1,2 \text{ m}^3$ (kích thước dài x rộng x cao = $1 \times 1 \times 1,2 \text{ m}$). Trong kho bố trí các thùng chứa có nắp đậy và dán biển báo loại chất thải lưu trữ. Bên ngoài kho, có biển cảnh báo theo quy định và bố trí vật liệu hấp thụ (cát), xẻng, bình chữa cháy để ứng phó khi xảy ra sự cố.



Bên trong kho CTNH



Hố thu nước chảy tràn trong kho CTNH



Bên ngoài kho CTNH

Hình 3. 12. Hình ảnh kho chứa CTNH tại cơ sở

- Đối với dầu thải từ thiết bị tách dầu nước:

Dầu trong nước thải sẽ được thiết bị hớt váng dầu (oil skimmer) thu gom và bơm về chứa tại hố đựng dầu thải dung tích $5,88 \text{ m}^3$ (kích thước $2,8 \times 1,6 \times 1,5 \text{ m}$) của HTXLNT.

- Đối với bùn thải lẫn dầu từ quá trình súc rửa bồn chứa:

Cơ sở định kỳ súc rửa bồn bể với tần suất 5 năm 1 lần, lượng bùn cặn đáy bể này sẽ được chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển ngay khi tiến hành súc rửa

xong bồn chứa.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Quá trình kho hoạt động phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện,... Tuy nhiên mức độ ồn tại đây chỉ dao động trong khoảng 35-65dB tùy khu vực và mang tính tức thời không liên tục do đó tiếng ồn và độ rung của cơ sở chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh.

Để phòng ngừa và giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong hoạt động vận hành Kho, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Quy định, hướng dẫn và bố trí khu vực để xe hợp lý.
- Bê tông hóa, rải nhựa toàn bộ đường giao thông.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các máy móc, thiết bị của Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.
- Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng để tránh rung theo mặt nền và hạn chế tiếng ồn phát sinh.
- Bố trí cây xanh xung quanh cơ sở phù hợp nhằm hấp thụ ánh nắng, giảm ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ cơ sở.
- Trang thiết bị cơ sở được đầu tư theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo yêu cầu an toàn, hạn chế tiếng ồn.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.6.1. An toàn lao động cho công nhân

- Đào tạo về an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong từng công đoạn sản xuất;
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ và phù hợp;
- Yêu cầu mọi công nhân, khách ra vào khu vực bồn bể và khu vực xuất nhập phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động;
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động;
- Vệ sinh nhà xưởng, sân bãi sau mỗi ngày làm việc;
- Trang bị đầy đủ các thiết bị y tế để kịp thời ứng phó khi sự cố xảy ra;
- Trang bị đầy đủ các thiết bị sơ cứu khi xảy ra tai nạn lao động;
- Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

3.6.2. An toàn thiết bị

- Đối với thiết bị sử dụng điện khi lắp đặt trang bị đầy đủ hệ thống bảo vệ, dây tiếp đất và kiểm tra an toàn trước khi cho vận hành. Xây dựng nội quy sử dụng an toàn hệ thống điện của cơ sở theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố điện.

- Lắp bản hướng dẫn sử dụng, thông tin an toàn và tiêu chuẩn quản lý tại mỗi thiết bị.

3.6.3. Phòng ngừa và giảm thiểu khả năng cháy nổ

Cơ sở là kho nhập, xuất, tồn trữ của Tổng Công ty dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) nên tính chất nguy hiểm, khả năng xảy ra cháy nổ của cơ sở ở mức cao. Đề phòng ngừa, giảm thiểu khả năng cháy nổ, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

➤ Lực lượng:

Đội PCCC cơ sở được thành lập theo Quyết định số 452/QĐ-CNQN ngày 12/9/2024, tổng số 27 người trong đó có: 01 đội trưởng và 01 đội phó. Thời gian làm việc trong giờ hành chính và ngoài giờ hành chính đối với trực chỉ huy, đội bảo vệ.

Lực lượng PCCC được đào tạo và chứng nhận huấn luyện PCCC&CNCH, thường xuyên luyện tập và thực tập, diễn tập các tình huống cháy giả định được xây dựng trong phương án chữa cháy tại đơn vị.

➤ Biện pháp phòng cháy chủ yếu

- Tất cả các trang thiết bị của Kho đều được đặt yếu tố an toàn cháy nổ lên hàng đầu: Tất cả các bồn chứa xăng dầu đều có hệ thống làm mát bồn trong những ngày nắng nóng phòng ngừa xảy ra sự cố; Các bồn chứa xăng tại Nhà máy có trang bị hệ thống phao nổi bên trong nhằm hạn chế việc bốc hơi xăng dầu trong quá tình lưu trữ; Khi hệ thống báo cháy tự động phát hiện sự cố sẽ lập tức phát tín hiệu để ngắt các van SDV, bơm để ngừng ngay công tác nhập, xuất hàng.

- Khu vực bồn chứa được xây dựng đê ngăn cháy chiều cao 1,6 m.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn chất cháy nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy chữa cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Có nội quy, quy định PCCC, biển báo, biển cấm được niêm yết và phổ biến để cán bộ nhân viên, khách hàng/lái xe bồn, các nhà thầu vào Kho thi công nắm rõ nội quy quy định và chấp hành thực hiện.

- Thành lập ban chỉ huy chữa cháy, đội PCCC được tổ chức huấn luyện nghiệp

vụ PCCC và trang bị dụng cụ phương tiện chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Trang bị dụng cụ chữa cháy cầm tay bố trí tại các vị trí thuận tiện hợp lý cho các khu vực trong cơ sở.

- Tất cả CBCNV được học tập và có hiểu biết về nghiệp vụ và công tác PCCC.
Nguyên tắc chữa cháy

- Khi đám cháy được phát hiện (báo động qua còi/loa, chuông báo động của hệ thống báo cháy tự động, hoặc hô to bằng đàm/miệng,...) huy động nhanh nhất lực lượng và phương tiện để dập tắt đám cháy ngay từ ban đầu.

- Cúp cầu dao điện khu vực bị cháy và các khu vực lân cận.

- Tổ chức cứu người và hướng dẫn người trong khu vực bị cháy thoát ra nơi an toàn.

- Sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp đã trang bị để dập tắt đám cháy và huy động lực lượng tổ chức di chuyển các phương tiện xe bồn, tài sản, nguyên vật liệu, thiết bị máy móc, hồ sơ tài liệu,...trong khu vực bị cháy và gần nơi bị cháy ra nơi an toàn.

- Tổ chức bảo vệ hiện trường (khi chưa tìm ra nguyên nhân cháy và tính chất vụ việc nghiêm trọng có liên quan đến nhiều đơn vị) và khắc phục hậu quả do cháy gây ra.

- Cơ sở đã được Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 104/TD-PCCC ngày 19/4/2021.

Bảng 3. 9. Nguồn nước sử dụng khi có sự cố chữa cháy

TT	Nguồn nước	Trữ lượng (m ³)	Vị trí, khoảng cách nguồn nước	Ghi chú
1	Bể nước bên trong nhà máy	700 m ³	Trong Kho	Dùng phục vụ sinh hoạt và chữa cháy, có thể vừa chữa vừa bơm, xe chữa cháy lấy nước dễ dàng
2	Nước biển	Không giới hạn	Phía Đông Kho, cách 300m	Xe chữa cháy lấy nước dễ dàng
3	Hệ thống cấp nước của Nhà máy nước Vinaconex	15 m ³ /giờ	Điểm lấy nước cách Kho 400 m	Xe chữa cháy lấy nước dễ dàng

(Nguồn: Phương án phòng cháy chữa cháy của Kho đã được phê duyệt)

➤ **Phương tiện chữa cháy tại Kho**

Bảng 3.10. Các thiết bị, vật tư PCCC đầu tư thêm khi mở rộng quy mô kho

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính
1	Lăng tạo bọt lắp cố định trên bể	3	Cái
2	Đầu phun nước làm mát	50	Cái
3	Đầu phun bọt	36	Cái
4	Máy bơm chữa cháy di động dự phòng	1	cái
5	Bình chữa cháy CO ₂ 5 kg	1	Cái
6	Bình chữa cháy bột ABC 8 kg	4	Cái
7	Bình bọt chữa cháy 10 lít	3	Cái
8	Xe đẩy chữa cháy bột ABC 35 kg	3	Cái
9	Bộ dụng cụ phá dỡ thô sơ	1	Bộ
10	Nội quy, tiêu lệnh chữa cháy	2	Cái
11	Tủ đựng bình chữa cháy ngoài nhà	3	Cái
12	Bơm nước chữa cháy (Bơm ly tâm ngang, động cơ diesel 25 kW, 75 m ³ /h, cột áp 7,5 mH ₂ O)	1	cái

(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi giai đoạn 2 của Dự án)

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ xăng, dầu

Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Kho được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/9/2019.

Đặc thù Kho không thực hiện xuất nhập bằng đường biển nên mức độ rủi ro do sự cố tràn dầu được đánh giá ở mức trung bình. Để phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ xăng dầu Kho thực hiện các biện pháp sau:

- Các bể chứa xăng đều có lắp đặt phao chống tràn; Tại khu vực kho xăng dầu lắp đặt hệ thống tuần hoàn hơi xăng dầu nhằm giảm ô nhiễm môi trường và tăng hiệu quả kinh doanh.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống bồn, bể, đường ống để kịp thời phát hiện rò rỉ.

- Thực hiện việc nhập kín xăng dầu để giảm bay hơi. Các công nhân thao tác xuất nhập phải lành nghề, hạn chế tới mức thấp nhất các nguyên nhân chủ quan gây rơi vãi xăng dầu. Thực hiện thường xuyên công tác vệ sinh công nghiệp.

- Các bể chứa đã được sơn bảo vệ và phản nhiệt. Các bồn bể trong kho khi nhiệt độ ngoài trời quá cao được phun nước để làm mát tránh áp suất cao nhằm hạn chế quá trình bay hơi xăng, dầu.

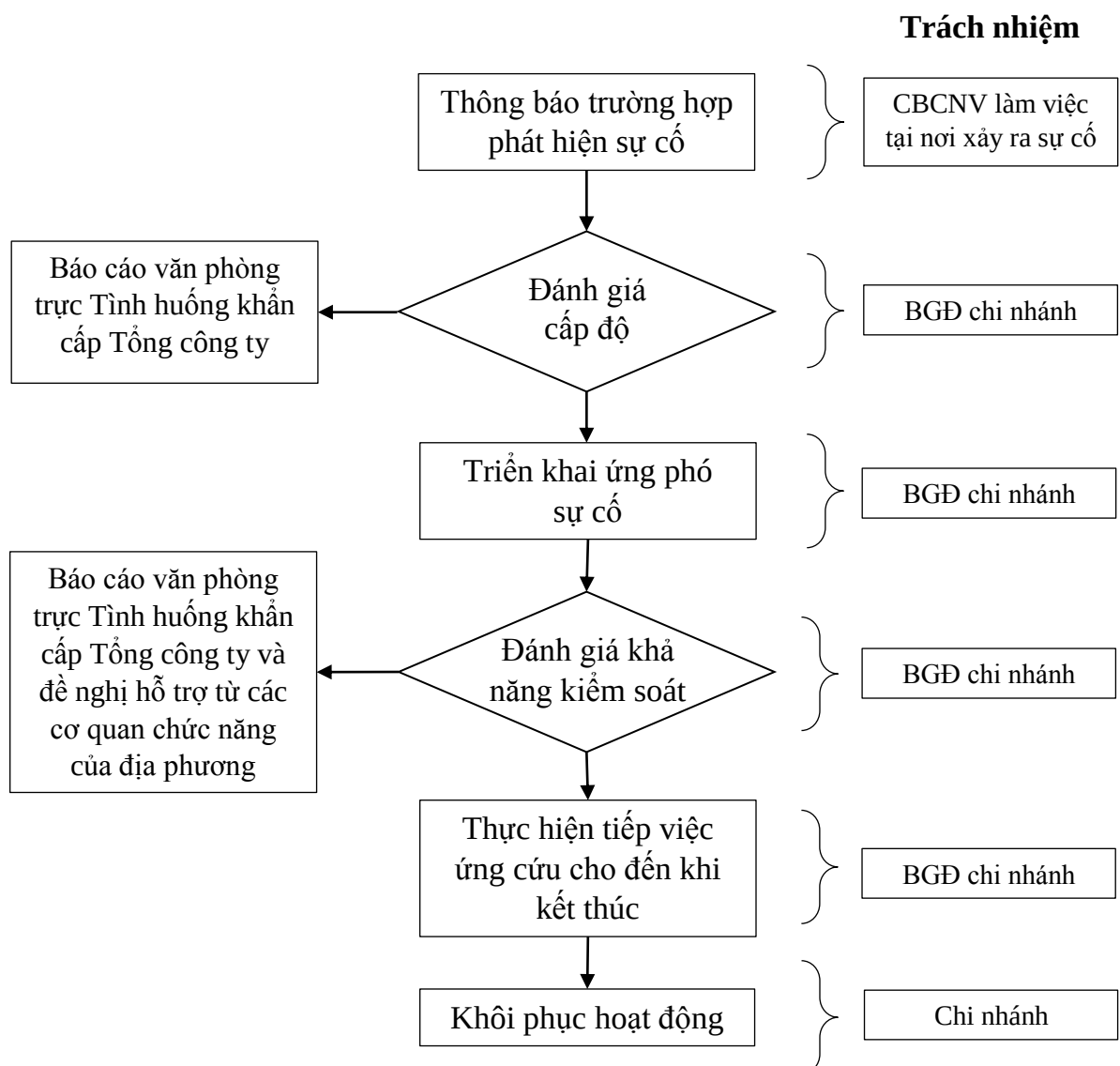
- Xung quanh các bồn chứa xăng dầu được thiết kế hệ thống đê ngăn cháy, chiều

cao của đê được thiết kế là 1,6 m, đảm bảo toàn bộ lượng xăng, dầu của bồn chứa dung tích lớn nhất khi tràn đổ sẽ nằm toàn bộ bên trong đê ngăn cháy, không chảy lan ra bên ngoài.

 Phương án ứng phó sự cố:

Ngay khi nhận được thông tin sự cố, Giám đốc chỉ đạo huy động các lực lượng tại chỗ của đơn vị tham gia ứng phó sự cố ban đầu nhằm hạn chế thấp nhất về tổn thất. Căn cứ tình hình thực tế, Ban Giám đốc báo cáo Tổng Công ty và các cơ quan chức năng của địa phương.

Nếu sự cố tràn dầu xảy ra với số lượng dầu tràn vượt quá khả năng ứng phó của kho thì báo cáo các cơ quan chức năng của địa phương (Ban chỉ huy phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh) để huy động lực lượng, phương tiện cùng tham gia ứng phó theo Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ.



Hình 3.13. Lưu đồ quy trình ứng phó sự cố

Tổ chức ứng phó

- Ngăn chặn nguồn dầu tràn, thường trực đảm bảo an toàn PCCC&CNCH:

Ngay sau khi nhận được thông báo về sự cố tràn dầu xảy ra, Ban Giám đốc Công ty huy động lực lượng tại chỗ của đơn vị nhanh chóng chặn nguồn dầu tràn (dùng các máy bơm xăng dầu đang vận hành, đóng van, khắc phục các vết rò rỉ, bể) và triển khai phương tiện trực PCCC để phòng phát sinh cháy.

- Khoanh vùng khu vực dầu tràn

Trên cơ sở đánh giá, xếp loại các đối tượng cần được bảo vệ phải có phương án ngăn chặn vết dầu tràn cho các đối tượng theo thứ tự ưu tiên.

+ Nhanh chóng đóng van thoát nước mặt để ngăn chặn dầu theo hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn ra ngoài môi trường.

+ Xác định độ dốc địa hình, hướng dầu tràn, dùng phao quây, đắp đất để tạo đê ngăn dầu tràn nếu phạm vi dầu tràn bên ngoài khu vực đê bao của khu bồn chứa. Khoanh vùng không để xăng dầu loang rộng.

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương thông báo, cảnh báo, sơ tán người dân khi cần thiết.

- Thu hồi dầu tràn

+ Sử dụng máy bơm hút vết sự cố thu hồi xăng dầu tràn (dẫn về các ô tô xi téc, thùy phuy,...)

+ Dầu thu hồi được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý, nước nhiễm dầu được đưa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

+ Xử lý khu vực nhiễm dầu: Váng dầu, cặn dầu và các vật liệu bám dầu (như: đất, cát, cành cây, rác bám dầu,...) được gom về một nơi, ngăn quây cách ly không cho thấm ra môi trường xung quanh, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng, tổ chức khắc phục hậu quả.

Đơn vị hỗ trợ ứng cứu

- Lực lượng phòng cháy chữa cháy (PCCC) của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR).

- Đội Chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ khu vực 2 thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Ngãi.

- Đoàn biên phòng cửa khẩu cảng Dung Quất hỗ trợ công tác An ninh trật tự.

Bảng 3. 11. Nhân sự và vật tư thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Cán bộ công nhân viên tại kho	20 người		
2	Máy bơm chữa cháy	4 bơm, công suất 75 m ³ /h		3 bơm chữa cháy chính, 1 bơm dự phòng
3	Giẻ lau	Kg	06	
4	Chăn chữa cháy	Tấm	03	
5	Bình chữa cháy MFZ 8	Bình	03	
6	Bình bột foam 8kg	Bình	06	
7	Dây băng rào cảnh báo	Cuộn	03	
8	Xăng	Cái	05	
9	Roan su chịu dầu	Tấm	01	
10	Phuy 200 lít (chứa dầu)	Cái	06	
11	Vợt vớt bông hút và giấy thấm dầu	Cái	03	
12	Bông hút dầu (Enretech Cellusorb)	Kg	25	
13	Tấm thấm dầu (Oil Absorbent Pads)	Kiện	02	
14	Găng tay cao su chịu dầu	Bộ	10	
15	Găng tay vải	Bộ	15	

(Nguồn: Tổng Công ty dầu Việt Nam – CTCP, Chi nhánh PVOIL Quảng Ngãi)

3.6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Các trường hợp có thể xảy ra như sau:

- Cúp điện kéo dài
- Máy bơm ngừng hoạt động
- Nước thải đầu ra không đạt yêu cầu
- Nước thải rò rỉ tại thiết bị Entek

a. Cúp điện kéo dài

Cúp điện kéo dài sẽ làm cho các máy bơm và máy thổi khí bị ngưng hoạt động. Hiện Kho đã có hệ thống máy phát điện dự phòng. Luôn đảm bảo vận hành hệ thống khi cần thiết, đảm bảo nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

b. Bơm ngừng hoạt động

Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố như:

- Bơm có tiếng kêu không bình thường.
- Bơm không hút được nước.
- Lưu lượng bơm không ổn định.

Nếu phát hiện có xảy ra các sự cố được liệt kê trong bảng sau, cần ngừng hoạt động bơm và báo đơn vị có trách nhiệm giải quyết. Không được câu móc thiết bị khác vào hệ thống điện đang sử dụng cho bơm.

Bảng 3.12. Các sự cố và biện pháp khắc phục sự cố hệ thống XLNT tập trung

TT	Hiện tượng	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Bơm không hoạt động (mô tơ không quay)	- Không có nguồn điện - Công tắc tự động bị ngắt - Rò le nhiệt bị ngắt - Cầu chì cháy - Nối mạch điện không đúng - Mô tơ hoặc tụ điện bị hỏng - Ổ trục bị hỏng	- Kiểm tra nguồn điện - Bật công tắc lần nữa và tìm nguyên nhân - Rò le nhiệt sẽ tự động bật lại - Thay cầu chì cùng loại - Kiểm tra mạch điện - Liên hệ nhà cung cấp bơm
2	Bơm hoạt động nhưng không đủ công suất	- Ống bị rò rỉ - Áp lực quá cao	- Kiểm tra đường ống - Kiểm tra (lỗi lọc tinh có thể bị tắc nghẽn)
3	Bơm hoạt động một lúc rồi dừng (rò le nhiệt ngắt)	Hư hỏng bên trong bơm	Liên hệ nhà cung cấp bơm
4	Bơm không dừng	- Áp lực quá cao	- Kiểm tra lại áp lực của hệ thống
5	Bơm bị rung hoặc phát ra tiếng ồn	- Ổ trục bị hỏng - Có vật lạ rơi vào cánh mô tơ	- Liên hệ nhà cung cấp - Lấy vật lạ ra ngoài

c. Thông số nước thải đầu ra không đạt yêu cầu

Khi nước thải đầu ra có các thông số như: COD, SS,... không đạt yêu cầu thì người vận hành HTXLNT phải kiểm tra lại lượng hóa chất cung cấp vào bể phản ứng và kiểm tra lại bơm hút dầu tại bể lắng dầu.

Mặt khác nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu thì người vận hành HTXLNT sẽ cho tuần hoàn nước thải đã xử lý này về lại hố thu gom nước của hệ thống để xử lý lại.

d. Nước thải rò rỉ tại thiết bị Entek

Nguyên nhân do lượng nước bơm từ bể điều hòa lên bị quá tải. Cách phòng ngừa như sau:

+ Luôn có nhân viên trực tại khu vực xử lý khi tiến hành vận hành hệ thống, theo dõi lượng nước được bơm lên thiết bị, ngừng máy bơm khi thấy hiện tượng đầy nước.

+ Vận hành hệ thống đúng kỹ thuật.

+ Theo dõi liên tục lưu lượng nước đầu vào, khi lưu lượng vượt quá thể tích chứa của thiết bị Entek sẽ điều chỉnh bơm nước tại các bể để thiết bị không bị quá tải.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, máy bơm, các van khóa để đảm bảo không bị tắt, kẹt, máy không hoạt động.

Cách khắc phục: Chủ cơ sở đã bố trí đường ống nước kèm van điều chỉnh để khi lượng nước bơm lên thiết bị quá tải sẽ chảy ngược về bể điều hòa. Van điều chỉnh là loại cố định, không tự động, sẽ có nhân viên phụ trách điều chỉnh. Đầu mỗi ca làm việc, nhân viên vận hành sẽ luôn kiểm tra và mở van để đảm bảo khi nước vượt ngưỡng chứa của bể Entek sẽ tự động được đưa về bể điều hòa.

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở không có thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp. Tuy nhiên, đây là dự án mở rộng quy mô bồn bể nên Công ty sẽ phải mở rộng mạng lưới thu gom nước thải, thoát nước mưa từ các hạng mục bồn bể đầu tư mới để kết nối hệ thống hiện hữu. Đồng thời, việc mở rộng sẽ làm tăng lượng nước thải phải xả ra môi trường.

TT	Nội dung	Nội dung tại GPMT số	Nội dung thay đổi	Lý do
1	Lưu lượng xả nước thải	Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 200 m ³ /ngày đêm ~ 40 m ³ /giờ (thời gian xả thải tối đa 5 giờ/ngày)	- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 217 m ³ /ngày đêm. - HTXLNT đã đầu tư tại kho (HTXLNT đã được cấp phép tại GPMT hiện tại) có công suất 40 m ³ /giờ ~ công suất tối đa 960 m ³ /ngày đêm nên đảm bảo tiếp nhận toàn bộ nước thải phát sinh tăng thêm. - Thời gian xả thải tối đa 5,5 giờ	Kho đầu tư thêm bồn bể để hoàn thiện giai đoạn 2 theo như giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Nội dung	Nội dung tại GPMT số	Nội dung thay đổi	Lý do
2	Tiêu chuẩn chất lượng nước thải	Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 29:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, Kq = 1,3, Kf = 1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp	Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp	QCVN 40:2025/BTNMT đã được ban hành thay thế các quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT và trường hợp của Kho có lộ trình áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Thông tư 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.
3	Vị trí xả nước thải	Vị trí xả nước thải có tọa độ X = 1705237, Y = 585776	Vị trí xả nước thải có tọa độ X = 1705295; Y = 585818	Chuẩn xác tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°00, múi chiều 3°

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại nhà văn phòng;

+ Nguồn số 02: Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ quá trình vận hành kho gồm: hoạt động làm mát bồn chứa, vệ sinh bồn chứa, vệ sinh các thiết bị của trạm xuất và bơm xăng dầu

+ Nguồn số 03: Nước thải nhiễm dầu bề mặt từ nước mưa chảy tràn qua các khu vực có nguy cơ nhiễm dầu bề mặt gồm: nhà bơm dầu, nhà xuất dầu, khu bồn chứa.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: $217 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau khi được xử lý bởi HTXLNT tập trung công suất $40\text{m}^3/\text{giờ}$ ra môi trường tiếp nhận.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT (cột B), cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 – 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 40		
3	COD	mg/l	≤ 80		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 90		
5	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 60		
6	Nhiệt độ	⁰ C	$\leq 5,0$		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10		
8	Màu	Pt/Co	≤ 100		
9	Tổng nitơ	mg/l	≤ 40		
10	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	≤ 14		
11	Sắt	mg/l	≤ 10		
12	Đồng	mg/l	$\leq 3,0$		
13	Kẽm	mg/l	$\leq 5,0$		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
14	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	≤ 5.000		

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: đầu nối vào mương thoát nước bên ngoài cơ sở tại hố ga có tọa độ X = 1705295; Y = 585818 (VN2000, kinh tuyến trực 108°, múi chiều 3°) thuộc xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo công thoát nước ra hố ga đầu nối bên ngoài kho rồi tự chảy theo hệ thống thoát nước của khu vực xả vào vùng biển ven bờ xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Nguồn tiếp nhận: vùng biển ven bờ xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

+ Chế độ xả nước thải: Gián đoạn, xả tối đa 5,5 giờ/ngày.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Nhà bơm dầu;

+ Nguồn số 02: Nhà bơm nước cứu hỏa (không thường xuyên);

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108°00' múi chiều 3°

+ Nguồn số 01: Tọa độ X = 1705287, Y = 585685;

+ Nguồn số 02: Tọa độ X = 1705349, Y = 585683;

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung. Cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép đối với mức ồn phát sinh từ cơ sở

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
Khu vực E	70	65	60

Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn cho phép đối với độ rung phát sinh từ cơ sở

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực D	75	70

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

5.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 2012, trong quá trình xây dựng và hoạt động cơ sở “Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi” đặt tại xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và các giấy phép môi trường thành phần, giấy phép môi trường qua các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 2012 – 2021: Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, quy mô 7.200 m³, gồm 4 bồn (01 bồn chứa dầu DO, 01 bồn chứa xăng A92, 01 bồn chứa xăng E5-Ron92, 01 bồn chứa cồn E100). Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, cơ sở đi vào hoạt động từ tháng 6/2012. Trong giai đoạn này, cơ sở đã có các Giấy phép thành phần, các hồ sơ môi trường theo quy định của Pháp luật hiện hành thời điểm này, bao gồm:

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH số 51.000045.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/12/2012.

+ Giấy phép xả nước thải số 2237/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 của UBND huyện Bình Sơn.

+ Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp tại Giấy xác nhận số 2252/GXN-STNMT ngày 26/12/2012.

- Giai đoạn 2022 - đến nay (2026): Công ty thực hiện các thủ tục để mở rộng quy mô công suất lên 8.950 m³ (đầu tư thêm 1 bồn xăng A95), được phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, hoàn thành thi công xây dựng và đi vào hoạt động với tổng quy mô 8.950 m³ từ tháng 04/2022. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường 2020, Công ty đã lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở và được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy phép số 20/GPMT-UBND ngày 04/5/2023.

- Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để tiếp tục mở rộng quy mô công suất bồn bể lên 15.200 m³, việc lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường này là một trong các thủ tục cần phải thực hiện để đủ điều kiện triển khai thi công mở rộng.

Trong quá trình hoạt động sản xuất và xây dựng, lắp đặt, cơ sở luôn cố gắng tuân thủ thực hiện đúng các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường đã nêu trong các văn bản trên cũng như các quy định của Pháp luật về PCCC, ứng phó sự cố tràn dầu và các quy định khác có liên quan đến cơ sở.

5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền

Trong quá trình hoạt động thời gian qua, chủ cơ sở chưa có kiến nghị, thắc mắc nào gửi đến cơ quan có thẩm quyền.

5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

5.2.1. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ

Nước thải phát sinh phát sinh tại cơ sở (gồm nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và nước thải nhiễm dầu) sẽ được thu gom bằng đường ống thép D150 – D200 theo hình thức tự chảy dẫn về HTXLNT của cơ sở. HTXLNT của cơ sở đã được đầu tư xây dựng, hoàn công vào tháng 6/2012 và vận hành ổn định đến nay.

Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải đầu ra định kỳ tại cơ sở:

- Vị trí quan trắc:

+ Nước thải đầu vào HTXLNT (Tọa độ VN2000: X=1705263, Y=585788)

+ Nước thải đầu ra HTXLNT (Tọa độ VN2000: X=1705240, Y=585775)

- Thời gian quan trắc:

+ Năm 2024 (Đợt 1 ngày 22/03/2024, đợt 2 ngày 20/5/2024, đợt 3 ngày 18/9/2024, đợt 4 ngày 30/11/2024);

+ Năm 2025 (Đợt 1 ngày 17/3/2025, đợt 2 ngày 14/6/2025, đợt 3 ngày 27/8/2025, đợt 4 ngày 29/11/2025).

- Kết quả lấy mẫu:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

Bảng 5. 1. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ của Nhà máy năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả								Quy chuẩn so sánh
			Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		
			Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	
1	Lưu lượng	m ³ /h	2,0	1,8	2,1	2,0	5,2	4,5	10	8,8	-
2	Nhiệt độ	°C	28,5	28,1	29,2	29,5	29,6	30,7	25,5	26,1	40
3	Độ màu	Pt-Co	125	27	113	29	5	4	8	5	150
4	pH	mg/l	6,72	6,64	6,72	6,64	6,4	6,8	6,7	7,1	5,5-9*
5	TSS	mg/l	103	27	98	25	8	5	10,0	6,0	100*
6	BOD ₅	mg/l	61	5	69	6	30	15	49	21	65
7	COD	mg/l	124	13	143	13	54	28	75	30	100*
8	Nitơ tổng	mg/l	27,1	<9	19,7	<9	2,8	0,92	8,5	4,6	52
9	Photpho tổng	mg/l	3,74	KPH	2,11	KPH	0,19	0,03	<0,01	<0,01	7,8
10	Amoni	mg/l	22,3	KPH	6,5	KPH	0,012	0,01	0,16	0,05	13
11	Fe	mg/l	2,1	KPH	2,9	KPH	0,35	0,23	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	6,5
12	Cu	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	<0,008	<0,008	KPH (MDL=0,001)	0,0023	2,6
13	Zn	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	<0,006	<0,006	0,02	KPH (MDL=0,01)	3,9
14	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	1,6	0,6	1,2	0,5	15*
15	Coliform	MPN/100ml	170	KPH	22.000	KPH	2,3x10 ³	1,3x10 ³	3,3x10 ³	1,3x10 ³	5.000

Ghi chú: (*) So sánh theo QCVN 29:2010/BTNMT (cột B), các thông số còn lại theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, Kq = 1,3, Kf = 1)

Bảng 5. 2. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ của Nhà máy năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả								Quy chuẩn so sánh
			Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		
			Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	
1	Lưu lượng	m ³ /h	7,4	6,8	6,8	6,0	7,8	7,1	8,8	8,5	-
2	Nhiệt độ	°C	22,4	22,6	28,4	27,0	28,8	28,8	24,4	23,8	40
3	Độ màu	Pt-Co	12	7	14	10	43	7	29	17	150
4	pH	mg/l	6,4	7,1	6,3	6,8	6,4	6,7	6,4	6,8	5,5-9*
5	TSS	mg/l	38,0	11,0	52,0	14,0	29,0	7,0	42	11	100*
6	BOD ₅	mg/l	53	14	51	12	19	12	31	12	65
7	COD	mg/l	99	26	93	23	215	25	60	23	100*
8	Nitơ tổng	mg/l	1,3	0,5	7,2	6,7	46,8	26,7	2,40	0,90	52
9	Photpho tổng	mg/l	0,3	0,2	0,6	<0,01	7,72	4,28	0,34	0,04	7,8
10	Amoni	mg/l	1,1	<0,01	4,1	0,6	9,1	0,3	1,60	<0,01	13
11	Fe	mg/l	26	0,13	0,149	<0,04	<0,04	<0,04	<0,04	<0,04	6,5
12	Cu	mg/l	0,011	0,013	<0,008	<0,008	0,02	<0,008	<0,008	<0,008	2,6
13	Zn	mg/l	1,19	0,85	<0,006	0,468	<0,006	<0,006	<0,006	3,9	3,9
14	Dầu mỡ khoáng	mg/l	0,9	<0,3	<0,3	<0,3	1,9	1,1	1,7	<0,3	15*
15	Coliform	MPN/100ml	3,1x10 ³	1,3x10 ³	3,3x10 ³	1,3x10 ³	7,9x10 ³	2,3x10 ³	3,3x10 ³	1,3x10 ³	5.000

Ghi chú: (*) So sánh theo QCVN 29:2010/BTNMT (cột B), các thông số còn lại theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, Kq = 1,3, Kf = 1)

Từ các kết quả quan trắc định kỳ trong 2 năm 2024 và 2025 có thể thấy, tất cả các thông số đầu ra của HTXLNT đều đạt quy chuẩn yêu cầu.

- Trong thời gian từ lúc bắt đầu vận hành cho đến nay, HTXLNT của Nhà máy chưa từng xảy ra sự cố, xả nước thải không đáp ứng quy chuẩn ra môi trường.

- Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải của cơ sở:

+ Theo báo cáo đề xuất Giấy phép môi trường kèm theo Giấy phép môi trường số 20/GPMT-UBND ngày 04/5/2023, lượng nước thải phát sinh tối đa trong một ngày của cơ sở là 159,28 m³/ngày, lượng nước phát sinh thường xuyên là 5,5 m³/ngày.

+ Số liệu thống kê tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2025 khoảng 3.570 m³/năm, tương đương trung bình khoảng 9,78 m³/ngày. Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2024 khoảng 4.062 m³/năm tương đương trung bình khoảng 11,2 m³/ngày.[Nguồn: Báo cáo CTBVMT của cơ sở].

+ Khi đầu tư mở rộng quy mô công suất bồn bể, lượng nước thải có thể phát sinh tối đa trong một ngày sẽ tăng 217 m³/ngày, lượng nước thải phát sinh thường xuyên hàng ngày cần xử lý chỉ khoảng 10,5 m³/ngày.

+ Trong khi đó HTXLNT đã đầu tư hiện hữu tại Nhà máy có công suất 40 m³/giờ ~ 960 m³/ngày, nên hoàn toàn có khả năng đáp ứng xử lý hiệu quả toàn bộ lượng nước thải phát sinh (cơ sở sẽ tăng thời gian hoạt động của hệ thống từ tối đa 5 giờ/ngày lên 5,5 giờ/ngày).

5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải cần phải xử lý nên cơ sở không có công trình xử lý bụi, khí thải. Các bồn bể, thiết bị, quy trình hoạt động tại cơ sở đang được thiết kế hạn chế tối đa thất thoát xăng dầu, gây phát sinh hơi xăng dầu (hydrocacbon) trong phạm vi cơ sở. Kết quả quan trắc định kỳ hàng năm tại cơ sở cho thấy chất lượng môi trường không khí xung quanh của cơ sở rất tốt. Cụ thể dữ liệu quan trắc trong năm 2025 như sau:

Vị trí quan trắc:

- KK1: Mẫu lấy tại trước cổng chính ra vào kho xăng dầu Dung Quất
- KK2: Mẫu lấy tại khu vực xử lý nước thải và bồn chứa xăng dầu (phía ngoài hàng rào kho)

Bảng 5. 3. Chất lượng môi trường không khí xung quanh Kho

TT	Thông số	Đợt 1/2025		Đợt 2/2025		Đợt 3/2025		Đợt 4/2025	
		KK1	KK2	KK1	KK2	KK1	KK2	KK1	KK2
1	Độ ồn (dBA)	56,3	49,7	66,4	56,3	63,3	58,4	66,4	60,4
2	Bụi tổng (µg/Nm ³)	133	133	129	116	107	120	117	130

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi

TT	Thông số	Đợt 1/2025		Đợt 2/2025		Đợt 3/2025		Đợt 4/2025	
		KK1	KK2	KK1	KK2	KK1	KK2	KK1	KK2
3	Bụi chì ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	<0,04	<0,04	<10	<10	<10	<10	<10	<10
4	SO_2 ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	79,6	94,2	86,7	98,8	82,5	90,4	96,3	72,5
5	NO_2 ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	67,7	64,3	14,7	30,7	54	36	42,7	49,3
6	THC (CxHy) ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5

(Nguồn: Báo cáo công tác BVMT của cơ sở năm 2025)

5.4. TÌNH HÌNH THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Lượng chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh thực tế tại cơ sở như sau:

Bảng 5. 4. Tổng hợp tình hình phát sinh và xử lý chất thải

TT	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng		Đơn vị thu gom
			2024	2025	
1	Chất thải rắn sinh hoạt	tấn/năm	0,3	0,3	Công ty CP Cơ-Điện-Môi trường Lilama
II	Chất thải nguy hại	kg/năm			
1	Bùn đáy bể (bao gồm bùn từ HTXLNT, bùn nạo vét từ quá trình súc rửa bồn bể)	kg/năm	3.690	0	Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	kg/năm	15	5	
3	Dầu thải từ máy hút văng dầu	kg/năm	0	0	
4	Bao bì kim loại cứng	kg/năm	40	10	
5	Bao bì nhựa cứng	kg/năm	25	10	
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg/năm	55	30	

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường Nhà máy năm 2025)

Toàn bộ lượng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở đều được hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty CP cơ điện và môi trường Lilama) thu gom xử lý.

5.5. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 03 năm gần đây, không có đợt kiểm tra, thanh tra về BVMT của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

5.6. KẾT QUẢ QUAN TRẮC BỔ SUNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

Trong quá trình lập báo cáo, Chủ đầu tư đã phối hợp với đơn vị có chức năng lấy mẫu bổ sung để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường tại cơ sở. Vị trí cụ thể như sau:

5.6.1. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí

Vị trí lấy mẫu được trình bày trong bảng dưới:

Bảng 5. 5: Vị trí các điểm lấy mẫu không khí

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Thời điểm lấy mẫu
1	K1	Mẫu lấy tại vị trí dự kiến lắp đặt các bồn chứa xăng dầu mới của Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	X = 1705320 Y = 585736	Trời nắng nhẹ, có gió nhẹ
2	K2	Tại khu vực gần nhà bơm dầu, trạm xuất xăng dầu của cơ sở, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	X = 1705287 Y = 585672	

Thời gian lấy mẫu: Ngày 12/3/2026

Kết quả phân tích được tổng hợp tại các bảng sau và đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

Bảng 5. 6: Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả		Quy chuẩn so sánh
			K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	27	28	-
2	Độ ẩm	% RH	77	75	-
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	152	136	300 *
4	SO ₂	µg/m ³	60	58	350*
5	NO ₂	µg/m ³	56	52	200*

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng
dầu Quảng Ngãi

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả		Quy chuẩn so sánh
			K1	K2	
6	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	6.450	6.159	30.000*
7	Mức âm (Leq)	dBA	54	61	70**

Ghi chú:

(*) QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

(**) QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Kết quả phân tích cho thấy chất lượng môi trường không khí tại vị trí trạm xuất nhập đang hoạt động và vị trí dự kiến sẽ xây dựng bồn chứa mới rất tốt, các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam.

5.6.2. Hiện trạng chất lượng nước biển ven bờ

Bảng 5. 7. Vị trí lấy mẫu chất lượng nước biển ven bờ

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	NB	Nước biển ven bờ tại khu vực sẽ tiếp nhận nước thải đầu ra sau xử lý của cơ sở	X = 1705449 Y = 585942

Thời điểm lấy mẫu: Ngày 12/3/2026

Bảng 5. 8. Kết quả phân tích chất lượng nước biển ven bờ

TT	Các thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 10:2023/BTNMT
1	pH	mg/l	8,1	6,5-8,5
2	DO	mg/l	7,6	≥ 5
3	Amoni (NH_4^+)	mg/l	0,061	0,1
4	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/l	0,11	0,2
5	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD = 1,0)	5,0
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	1,4	50
7	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD = 0,01)	0,02
8	Sắt (Fe)	mg/l	0,20	0,5
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	7,8	1000
10	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,1

Ghi chú: QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển

Kết quả phân tích cho thấy chất lượng nước biển ven bờ khu vực tiếp nhận nước
thải tại thời điểm lấy mẫu rất tốt.

5.6.3. Hiện trạng chất lượng môi trường đất

Bảng 5. 9. Vị trí lấy mẫu chất lượng đất

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	Đ	Tại vị trí sẽ lắp đặt các bồn chứa dầu mới của cơ sở	X = 1705341 Y = 585720

Thời điểm lấy mẫu: Ngày 12/03/2026

Bảng 5. 10. Kết quả phân tích chất lượng đất

TT	Các thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT (loại 2)
1	As	mg/kg	5,3	50
2	Cd	mg/kg	KPH (LOD = 0,5)	10
3	Pb	mg/kg	2,4	400
4	Zn	mg/kg	61	600
5	Cu	mg/kg	12,9	500
6	Tổng Cr	mg/kg	19,2	200

Ghi chú:

QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

Kết quả phân tích cho thấy chất lượng môi trường đất trong khu vực rất tốt.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Cơ sở có một công trình xử lý chất thải là HTXLNT. Công trình không có thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (Giấy phép số 20/GPMT-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) nên theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Công trình xử lý chất thải của cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi bổ sung theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi bổ sung theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP

6.2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Theo Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trường hợp của cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ, quan trắc tự động liên tục nước thải, khí thải. Tuy nhiên Công ty cũng bố trí một khoảng kinh phí dự phòng khoảng 20.000.000 đồng/năm để thực hiện công tác lấy mẫu, giám sát chất lượng nước thải đầu ra trong trường hợp cần thiết để đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý môi trường tại Nhà máy đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn như cam kết.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

- Cam kết thực hiện nghiêm túc Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

- + Đối với nước thải: Nước thải sẽ được thu gom và xử lý qua HTXLNT Nhà máy, nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) trước khi đưa ra nguồn tiếp nhận;

- + Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ + Cam kết đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Nhà máy đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- + Đối với chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường: nghiêm túc thực hiện phân loại, thu gom theo quy định;

- + Đối với chất thải nguy hại được thu gom và quản lý theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- + Đối với tiếng ồn và rung đảm bảo tiêu chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 26:2025/BNNMT và QCVN 27:2025/BNNMT;

- Cam kết đảm bảo trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân. Thực hiện các biện pháp hạn chế đến mức tối đa các rủi ro và sự cố môi trường như phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố môi trường.

- Cam kết chịu xử phạt theo quy định tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

I. Phụ lục pháp lý

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất
4. Giấy phép môi trường số 20/GPMT-UBND ngày 04/5/2023.
5. Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường
6. Liên chứng từ thu gom chất thải nguy hại năm 2025.
7. Các văn bản thẩm duyệt về PCCC;
8. Quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;
9. Hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.
10. Giấy ủy quyền số 24/UQ-DVN ngày 08/4/2026 của Tổng Công ty dầu Việt Nam – CTCP.
11. Phiếu lấy mẫu trong quá trình lập báo cáo.

II. Các bản vẽ đính kèm

1. Bản vẽ hiện trạng cơ sở
2. Bản vẽ mặt bằng tổng thể (sau khi mở rộng)
3. Tổng mặt bằng khoảng cách an toàn PCCC trong kho
4. Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa
5. Bản vẽ mặt bằng và chi tiết hệ thống thoát nước thải
6. Bản vẽ mặt bằng và chi tiết móng bồn Jet A1
7. Các bản vẽ hoàn công của cơ sở hiện hữu (hoàn công thoát nước mưa, hoàn công HTXLNT,...)

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0305795054

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 21, ngày 05 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **PETROVIETNAM OIL CORPORATION**

Tên công ty viết tắt: **PVOIL**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-028) 3910 6990

Số Fax: (84-028) 3910 6980

Thư điện tử: contact@pvoil.com.vn

Website: www.pvoil.com.vn

3. Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười nghìn ba trăm bốn mươi hai tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.034.229.500

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: **NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH**

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *20/07/1982*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *034082012021*

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Địa chỉ liên lạc: *P1-18.15, VHCP, 720A Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*



Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 2090/ĐT Quyền số: -SCT/BS
Ngày 13 tháng 05 năm 2026





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
Số: 65201000103

Chứng nhận lần đầu: Ngày 19 tháng 5 năm 2011.

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/08/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 422/2003/QĐ-BTM ngày 11/4/2003 của Bộ Thương mại về việc ban hành quy chế đầu tư kho xăng dầu trên phạm vi cả nước;

Căn cứ Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 25/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 72/2005/QĐ-TTg ngày 05/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất;

Căn cứ Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất;



Căn cứ Thông báo kết luận số 42/TB-UBND ngày 03/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư dự án Kho và trạm xuất xăng dầu tại Khu kinh tế Dung Quất;

Căn cứ bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Tổng Công ty dầu Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên nộp ngày 23/3/2011,

**TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ DUNG QUẤT**

Chứng nhận:

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0305795054 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 26/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/9/2010.

Đại diện bởi ông: Nguyễn Xuân Sơn - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Sinh ngày: 22/4/1959 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam;

Chứng minh nhân dân số 273435092, do Công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 09/01/2008;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 219 Bình Giã, Phường 8, Thành phố Bà Rịa - Vũng Tàu;

Chỗ ở hiện nay: 286 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư:

KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

2.1. Mục tiêu: Đầu tư xây dựng mới khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu để cung ứng xăng dầu cho thị trường Quảng Ngãi, khu vực Nam Trung Bộ và bắc Tây Nguyên, góp phần hoàn thành mục tiêu gia tăng sản lượng và phát triển thị trường khu vực.

2.2. Quy mô công suất: 15.200m³ bồn bể; trong đó, Giai đoạn 1: 7.200m³ bồn bể gồm:

+ 01 bồn chứa dầu DO: 4.000m³.

+ 01 bồn chứa xăng A92: 2.000m³.

+ 01 bồn chứa xăng A95: 1.000m³.

+ 01 bồn chứa nhiên liệu cồn E100: 200m³.

Điều 3. Địa điểm, diện tích sử dụng đất:

3.1. Địa điểm thực hiện dự án: xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất).

3.2. Diện tích đất sử dụng: khoảng 23.201 m².

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: khoảng 155 tỷ đồng; trong đó:

- + Vốn đầu tư giai đoạn 1: 81.118.458.342 đồng.
- + Vốn đầu tư giai đoạn 2: 73.881.541.658 đồng.
- Vốn góp để thực hiện dự án giai đoạn 1: khoảng 24,4 tỷ đồng;
- Loại vốn góp: bằng tiền;
- Tiến độ góp vốn: Theo tiến độ đầu tư của dự án.

Điều 5. Thời hạn hoạt động dự án là 49 năm, kể từ ngày dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án :

- Giai đoạn 1:
 - + Khởi công xây dựng: tháng 7/2011.
 - + Xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động: quý I/2012.
- Giai đoạn 2: dự kiến khởi công xây dựng trong năm 2014 và đưa vào hoạt động trong năm 2015.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án:

7.1. Dự án được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định hiện hành, áp dụng đối với các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất.

7.2. Điều kiện để được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.
- Hạch toán kinh tế độc lập tại địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo đúng quy định hiện hành.
- Thực hiện dự án đầu tư theo đúng các nội dung được quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư này và đáp ứng các điều kiện được hưởng các chính sách ưu đãi liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

8.1. Lập và gửi hồ sơ cho Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi để trình Bộ Công thương thẩm định, phê duyệt cho phép đầu tư theo đúng quy định tại Quyết định số 422/2003/QĐ-BTM ngày 11/4/2003 của Bộ Thương mại về việc ban hành quy chế đầu tư kho xăng dầu trên phạm vi cả nước theo công văn số 467/BQL-KHĐT ngày 05/5/2011 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

8.2. Sau khi có văn bản thẩm định, cho phép đầu tư của cấp có thẩm quyền, Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư có liên quan theo quy định và chỉ được phép khởi công xây dựng công trình khi đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.3. Khi có nhu cầu thực hiện đầu tư xây dựng giai đoạn 2, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và trình hồ sơ, thủ tục có liên quan để điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

Điều 9. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho doanh nghiệp và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

Giấy chứng nhận đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký./.



Phạm Như Sô

Số: 1.04./QĐ-BQL

Quảng Ngãi, ngày 10. tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(cấp lần đầu: ngày 19 tháng 5 năm 2011)

(điều chỉnh lần thứ 1: ngày 10 tháng 6 năm 2021)

BAN QUẢN LÝ KKT DUNG QUẤT VÀ CÁC KCN QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 65201000103 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất cấp lần đầu ngày 19/5/2011;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư của Tổng Công ty dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần và hồ sơ kèm theo nộp ngày 20/5/2021 và đề xuất của Phòng Quản lý đầu tư ngày 10/6/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án Khu bồn chứa và Trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 65201000103 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (nay là Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 19/5/2011 với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh 1:

Nội dung Thông tin của nhà đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 65201000103 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 19/5/2011 với nội dung điều chỉnh như sau:



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0305795054 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 26/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 30/9/2020.

Đại diện bởi ông: Đoàn Văn Nhuộm – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sinh ngày 07/11/1963 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Thẻ căn cước công dân số: 031063004741, do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/4/2018.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 91 Đường D5, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chỗ ở hiện tại: 91 Đường D5, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Nội dung điều chỉnh 2:

Nội dung tiến độ thực hiện dự án tại Điều 6 Giấy chứng nhận đầu tư số 65201000103 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 19/5/2011 được điều chỉnh như sau:

Giai đoạn 2: Từ Quý II/2021 đến Quý IV/2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND huyện Bình Sơn có trách nhiệm theo dõi, giám sát và hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến dự án.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung theo quyết định này.

3. Nhà đầu tư có trách nhiệm nộp khoản kinh phí cho nhà nước trong thời gian chậm đưa đất vào sử dụng theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đầu tư số 65201000103 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 19/5/2011.

2. Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi, UBND huyện Bình Sơn, UBND xã Bình Thuận, Tổng Công ty dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Tổng Công ty dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần một bản và một bản được lưu tại Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trưởng Ban, các Phó Trưởng Ban;
- Các phòng: QLĐT, QL QH&XD, QL TN&MT, QLDN;
- Lưu: VT, QLĐT.



Ngô Văn Trọng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

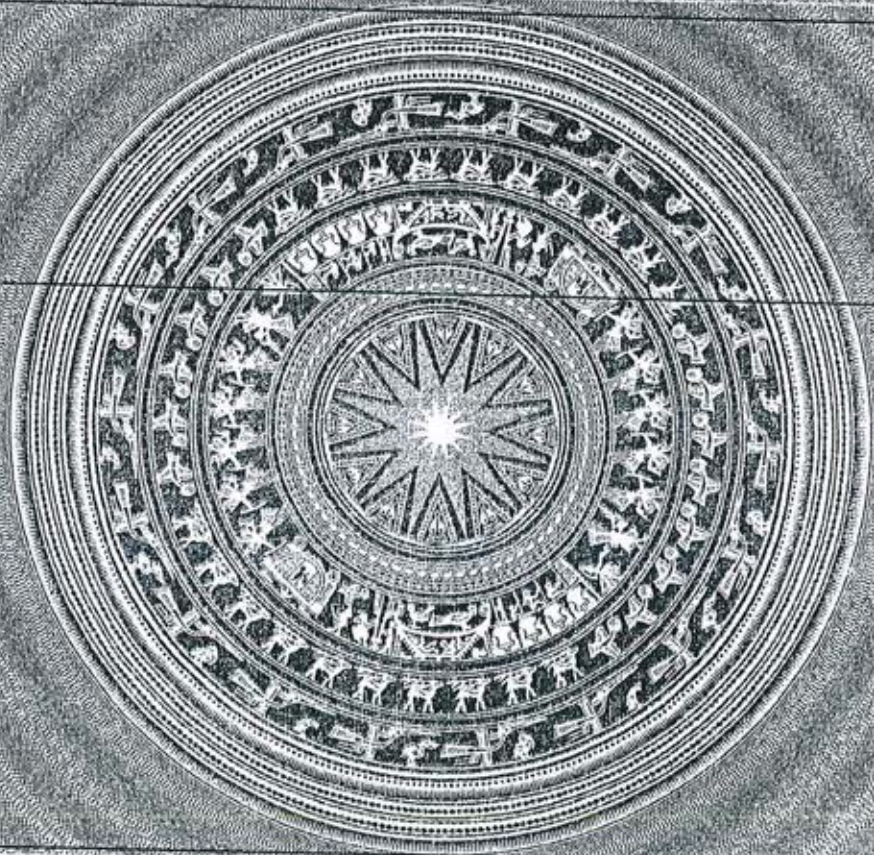
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Người sử dụng đất chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
tên: Ông Nguyễn Văn A
Số: 01/2020/ST-UBND
Đang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày cấp
Đã ghi vào sổ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

BI 063353

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý



512104312001440

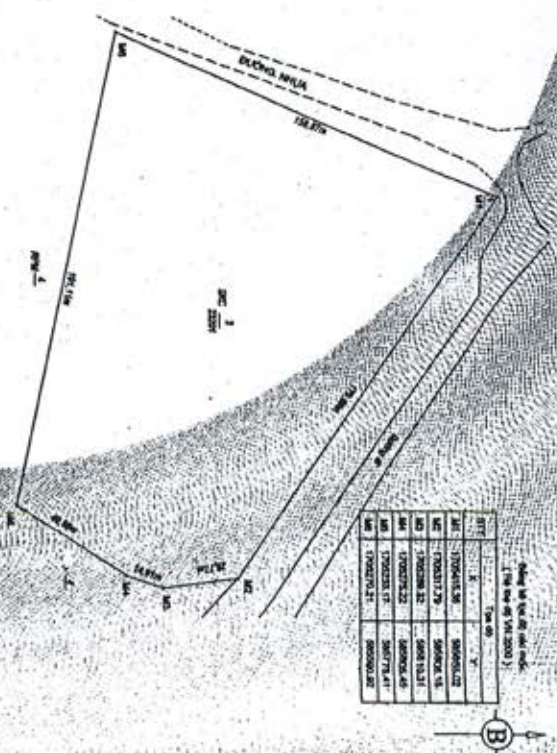
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 3, (cơ bản đồ số: 4)
- b) Địa chỉ: Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
- c) Diện tích: 23.201 m²
- Bảng chữ: (Hạt mười ba ngàn hai trăm lẻ một mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: trồng 23.201 m², chung "Không"
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 12/12/2060
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Gai chu: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 5 năm 2012 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI TU. CHỦ TỊCH GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SỐ CT 2229, Quyển Số 02 SGTSGT Ngày 6 Năm 2012 CHỦ TỊCH	

Số vào sổ cấp GCN: CT04379

Nguyễn Văn Hùng

Số : 20.../HĐTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 5 năm 2012

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

BẢN SAO

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất của UBND xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn đang quản lý, cho Tổng Công ty dầu Việt Nam (PV OIL) thuê đất để xây dựng Khu bồn chứa và Trạm xuất xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 684/QĐ-STC ngày 28/3/2012 của Sở Tài chính về đơn giá thuê đất đối với Tổng Công ty dầu Việt Nam để xây dựng Khu bồn chứa và Trạm xuất xăng dầu.

Hôm nay, ngày 24 tháng 5 năm 2012, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Do ông Võ Xuân Tân – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

II. Bên thuê đất là: Tổng công ty dầu Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên.

Trụ sở chính: Tầng 14-17, tòa nhà Petro Việt Nam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Họ và tên: Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích 23.201 m² (Hai mươi ba ngàn hai trăm lẻ một mét vuông) để xây dựng Khu bồn chứa và Trạm xuất xăng dầu.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập ngày 09/4/2012, thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ địa chính số 04, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thời hạn thuê đất là 49 năm (Bốn mươi chín năm), kể từ ngày 12/12/2011 đến ngày 12/12/2060.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá tiền thuê đất được tính cụ thể là:

a. Phần diện tích có chiều sâu đến 100 m, diện tích 13.941 m²: 1.691,25 đồng/ m²/ năm;

b. Phần đất có chiều sâu lớn hơn 100 m đến 200 mét, diện tích 9.260 m²: 1.183,875 đồng/ m²/ năm.

Đơn giá thuê đất qui định tại khoản 1 Điều này được ổn định 05 năm, kể từ ngày 09/02/2012. Hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền mặt hoặc chuyển khoản và nộp mỗi năm 2 kỳ: kỳ thứ nhất trước ngày 01 tháng 5 và kỳ thứ hai trước ngày 01 tháng 10 hàng năm.

3. Nơi nộp tiền thuê đất: Tại Kho bạc Nhà nước huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 111 của Luật Đất đai.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải làm thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 131 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau :

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai.

SAO

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản, 01 bản gửi đến Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi để xác định mức thu tiền thuê đất và 01 bản gửi đến Kho bạc nhà nước huyện Bình Sơn để thu tiền sử dụng đất./.

BÊN THUÊ ĐẤT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Sơn

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

Võ Xuân Tân

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CT. 1740..Quyển Số.....2...SCT/SGT
Ngày 20...Tháng 6...Năm 2012

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Huy

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 180/CNQN-KHDD ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chi nhánh Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi (Bổ sung thiết bị và bồn chứa nhiên liệu xăng Ron 95 tại Quảng Ngãi);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2085/TTr-STNMT ngày 27 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi, địa chỉ tại Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi (Bổ sung thiết bị và bồn chứa nhiên liệu xăng Ron 95 tại Quảng Ngãi)” tại xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

a) Tên cơ sở: Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi (Bổ sung thiết bị và bồn chứa nhiên liệu xăng Ron 95 tại Quảng Ngãi).

b) Địa điểm hoạt động: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

c) Giấy chứng nhận đầu tư số 65201000103 do Ban Quản lý Khu kinh

tế Dung Quất (nay là Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2011, điều chỉnh lần thứ 1 ngày 10/6/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0305795054-045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 14/5/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/5/2022.

d) Mã số thuế: 0305795054-045.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kho chứa và xuất xăng dầu.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của cơ sở: 23.201 m².

- Quy mô: cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 8.950 m³ bồn chứa, trong đó:

+ 01 bồn chứa dầu DO: 4.000 m³;

+ 01 bồn chứa xăng A92: 2.000 m³;

+ 01 bồn chứa xăng E5-RON92: 1.000 m³;

+ 01 bồn chứa nhiên liệu cồn E100: 200 m³;

+ 01 bồn chứa xăng A95: 1.750 m³.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng

Ngãi có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, UBND huyện Bình Sơn chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- UBND huyện Bình Sơn;
- CN TCT dầu Việt Nam – CTCP tại Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, TTHC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN471.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20/GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bể tự hoại tại khu văn phòng;
- Nguồn số 02: Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động làm mát bồn chứa, vệ sinh bồn chứa, vệ sinh các thiết bị của trạm xuất và bơm xăng dầu;
- Nguồn số 03: Nước thải nhiễm dầu bề mặt từ nước mưa chảy tràn qua các khu vực có nguy cơ nhiễm dầu bề mặt gồm: nhà bơm dầu, nhà xuất dầu, khu bồn chứa.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: vùng biển ven bờ xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải của cơ sở là hố ga dầu nổi vào cống thoát nước BTCT D400 và D600 thuộc xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°, múi chiều 3°): X = 1705237; Y = 585776.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày đêm ~ 40m³/giờ (thời gian xả thải tối đa 5 giờ/ngày).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý tự chảy theo tuyến ống đến hố ga dầu nổi vào cống thoát nước BTCT D600 và D400, rồi xả vào vùng biển ven bờ xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, xả tối đa 5 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 29:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu; QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_y = 1,3, K_f = 1 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
QCVN 29:2010/BTNMT (cột B)				Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
1	pH	-	5,5-9		
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
3	COD	mg/l	100		
4	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocacbon)	mg/l	15		
QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q=1,3$, $K_f=1$)					
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40		
2	Amoni (tính theo N)	mg/l	13		
3	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	65		
4	Màu	Pt/Co	150		
5	Tổng nitơ	mg/l	52		
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	7,8		
7	Sắt	mg/l	6,5		
8	Đồng	mg/l	2,6		
9	Kẽm	mg/l	3,9		
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu tại khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại cùng với nước thải từ chậu rửa, nước thoát sàn sẽ theo tuyến ống thép D150 – D200 đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/giờ.

b. Nước thải sản xuất:

- Nước thải từ quá trình vận hành kho (làm mát bồn chứa, vệ sinh bồn chứa, vệ sinh công nghiệp và các thiết bị của trạm xuất, bơm xăng dầu) được thu gom bằng tuyến ống thép D150 – D200 đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/giờ.

- Nước mưa chảy tràn qua các khu vực có nguy cơ nhiễm dầu bề mặt (nhà bơm dầu, nhà xuất dầu, khu bồn chứa) được thu gom bằng tuyến ống thép D150 – D200 đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu gom và mương dẫn → Bể lắng dầu → Bể điều hoà → Hệ thống ENTEK 840 → Nước thải đầu ra đạt QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K_q = 1,3, K_f = 1).

- Công suất thiết kế: 40 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng:

TT	Hóa chất sử dụng	Định mức	Khối lượng
1	FeCl ₃	3 kg/40 m ³	249 kg/năm
2	Polymer	0,04 kg/40 m ³	93 kg/năm
3	Ca(OH) ₂	1,5 kg/40 m ³	249 kg/năm
4	Javen, 10%	0,11 kg/40 m ³	936 lít/năm

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Nghiêm túc thực hiện quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình vận hành.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống và hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra; có bố trí vị trí có thể lấy mẫu để kiểm chứng chất lượng nước thải đầu ra.

- Nhanh chóng thay thế thiết bị trong trường hợp bị hư hỏng thiết bị, máy bơm... Xây dựng kế hoạch xử lý khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, hàng ngày nhân viên vận hành theo dõi và ghi chép đầy đủ các số liệu như: Lưu lượng, hóa chất sử dụng, lượng điện năng tiêu thụ, các thông số quan trắc, các sự cố và biện pháp khắc phục sự cố (nếu có)...

- Trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý vượt tiêu chuẩn, nước thải sẽ được bơm tuần hoàn về hồ thu gom nước để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Trang bị hệ thống máy phát điện dự phòng để ứng phó sự cố mất điện kéo dài.

- Thiết bị Entek 840 bố trí đường ống chống tràn D90 nổi xuống bể điều hòa để đảm bảo không bị rò rỉ nước thải ra môi trường.

1.4.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ xăng, dầu

- Các bể chứa xăng có lắp đặt mái phao và van thở chống bay hơi nhằm giảm ô nhiễm môi trường và tăng hiệu quả kinh doanh.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống bồn, bể, đường ống để kịp thời phát hiện rò rỉ.

- Thực hiện việc nhập kín xăng dầu để giảm bay hơi. Các công nhân thao tác xuất nhập phải lành nghề, hạn chế tới mức thấp nhất các nguyên nhân chủ quan gây rơi vãi xăng dầu. Thực hiện thường xuyên công tác vệ sinh công nghiệp.

- Các bể chứa đã được sơn bảo vệ và phản nhiệt. Các bồn bể trong kho khi nhiệt độ ngoài trời quá cao được phun nước để làm mát tránh áp suất cao nhằm hạn chế quá trình bay hơi xăng, dầu.

- Xung quanh các bồn chứa xăng dầu được thiết kế hệ thống dè ngăn cháy, chiều cao của dè được thiết kế phù hợp sao cho toàn bộ lượng xăng, dầu của các bồn chứa tràn đổ sẽ nằm toàn bộ bên trong dè ngăn cháy, không chảy lan ra bên ngoài.

- Khi xảy ra sự cố nhanh chóng thực hiện các biện pháp kỹ thuật để ứng phó sự cố tràn dầu, cụ thể như sau:

- Trước tiên, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát ra khỏi vùng nguy hiểm và nhanh chóng báo cáo tình hình đến các cơ quan chức năng tại địa phương.

- Biện pháp cơ học: Sử dụng phao ngăn dầu để quây, dồn dầu vào một vị trí nhất định, hạn chế ô nhiễm lan rộng và để thu gom xử lý. Dùng máy hút văng dầu để hút dầu lên kho chứa.

- Văng dầu, cặn dầu và các vật liệu bám dầu (như: đất, cát, cành cây, rác bám dầu,...) được gom về một nơi, ngăn quây cách ly không cho thấm ra môi trường xung quanh.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để có các kế hoạch cứu hộ, trang thiết bị và đội cứu hộ thường trực hoặc kiểm nhiệm, sẵn sàng xử lý, khắc phục các sự cố xảy ra một cách kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã cấp Giấy xác nhận số 2253/GXN-STNMT ngày 26/12/2012 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành. Hệ thống xử lý nước thải (nước thải sinh hoạt và nước thải nhiễm dầu) của cơ sở đã vận hành từ năm 2012 đến nay với công suất 40 m³/h.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q = 1,3$, $K_f = 1$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20... /GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Nhà bơm dầu;
- Nguồn số 02: Nhà bơm nước cứu hỏa (không thường xuyên);

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°00', múi chiều 3°)

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1705287, Y = 585685;

- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1705349, Y = 585683;

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.
- Trang thiết bị cơ sở được đầu tư theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo yêu cầu an toàn, hạn chế tiếng ồn.
- Quy định, hướng dẫn và bố trí khu vực để xe hợp lý.
- Bố trí cây xanh xung quanh cơ sở phù hợp nhằm hấp thụ ánh nắng,



giảm ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ LƯU GIỮ PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20. /GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Đơn vị	Số lượng	Mã chất thải (Ký hiệu phân loại)
1	Bùn, cặn thải lẫn dầu từ quá trình rửa bồn chứa	Rắn	Kg/năm	50	01 04 03 (NH)
2	Hộp mực in thải	Rắn	Kg/năm	5	08 02 04 (KS)
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	Kg/năm	10	16 01 06 (NH)
4	Dầu thải từ máy vớt văng dầu	Lỏng	Kg/năm	25	17 05 04 (NH)
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	Kg/năm	30	18 01 02 (KS)
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	Kg/năm	20	18 01 03 (KS)
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	Kg/năm	100	18 02 01 (KS)
Tổng			Kg/năm	240	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 0,9 tấn/năm.**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, loại dung tích 120 lít và 240 lít để chứa riêng từng loại chất thải và có biển chỉ dẫn trên mỗi thùng.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà: Gồm có 01 (một) nhà kho, cụ thể:

- Diện tích kho lưu chứa: 5 m², kích thước = 2,5 m x 2 m.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu tường gạch bê tông, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, có đường ống thu chất thải rò rỉ về bể chứa 1,2 m³ (kích thước = 1m x 1m x 1,2 m), bố trí vật liệu hấp thụ

(cát), xèng, bình chữa cháy để ứng phó khi xảy ra sự cố, có biển báo và cửa đóng mở khi ra vào.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy loại 20 lít, 30 lít và 240 lít đặt tại khu vực phát sinh chất thải và khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: thùng chứa được bố trí tại các vị trí khác nhau trong khuôn viên cơ sở: khu nhà ăn, khu văn phòng, khu vực gần cổng chính cơ sở,...

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Nhà kho chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xèng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, sự cố cháy nổ, sự cố tràn, đổ xăng dầu và đảm bảo an toàn cho người lao động.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bao đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20../GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

3. Bảo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

(Số: PL01/2024/CTNH/SBU3-CNDVN)

Của HĐKT số 0111/2023/HĐKT/SBU3-CNDVN ký ngày 01/11/2023)

- Căn cứ Hợp đồng Kinh tế số 0111/2023/HĐKT/SBU3-CNDVN ký ngày 01/11/2023 được ký kết giữa Chi Nhánh Tổng Công Ty Dầu Việt Nam – Công Ty Cổ Phần Tại Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Cơ – Điện – Môi trường LILAMA;
- Theo nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2024 tại Văn phòng Chi Nhánh Tổng Công Ty Dầu Việt Nam – Công Ty Cổ Phần Tại Quảng Ngãi, chúng tôi gồm có:

1. BÊN A: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

Địa chỉ : KKT Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
Mã số thuế : 0305795054-045
Điện thoại : 0255.3624456
Số tài khoản : 0041000213078 tại NH TMCP Ngoại Thương – chi nhánh Đà Nẵng
Đại diện Ông : **Phạm Đình Ngọc Minh.** Chức vụ: Giám Đốc

2. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA (LILAMA EME)

Địa chỉ : Khu dịch vụ công cộng, Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi.
Điện thoại : 0255.3908.008 Fax: 0255.3908.002
Mã số thuế : 4300357921
Đại diện Ông : **Huỳnh Vĩnh Phúc.** Chức vụ: Giám đốc KLH

Sau khi trao đổi, hai bên đồng ý ký Phụ lục của Hợp đồng Kinh tế số 0111/2023/HĐKT/SBU3-CNDVN với nội dung sau:

1. Hai bên đồng ý gia hạn Hợp đồng Kinh tế số 0111/2023/HĐKT/SBU3-CNDVN ký ngày 01/11/2023, thời gian gia hạn là 24 tháng từ ngày 01/11/2024 đến hết ngày 01/11/2026.
2. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Kinh tế số 0111/2023/HĐKT/SBU3-CNDVN ký ngày 01/11/2023.
3. Những nội dung khác còn giá trị thực hiện của Hợp đồng Kinh tế số 0111/2023/HĐKT/SBU3-CNDVN ký ngày 01/11/2023 vẫn giữ nguyên giá trị thi hành.
4. Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau.



GIÁM ĐỐC

Minh



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC KLH 1

Huỳnh Vĩnh Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 0111/2023/HĐKT/SBU3-CNDVN

V/v: thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý chất thải nguy hại.

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ về "Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường";
- Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường, quy định về "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường"
- Theo nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2023 tại Văn phòng Chi Nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên tại Quảng Ngãi, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI.

Địa chỉ: Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3624456

Mã số thuế : 0305795054-045

Số tài khoản: 0041000213078 tại NH TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Đà Nẵng

Người đại diện: **Phạm Đình Ngọc Minh** Chức vụ: **Giám đốc**

(Theo Giấy Ủy quyền số 65/UQ-DVN ngày 08/08/2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA (LILAMA EME)

Địa chỉ : Khu dịch vụ công cộng, khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại : 0255.3908008 - Fax: 0255.3908002

Số tài khoản : 57310000066488 tại Ngân hàng: BIDV - Chi nhánh Dung Quất.

Mã số thuế : 4300357921.

Đại diện là ông : **Huỳnh Vĩnh Phúc.** Chức vụ: **Giám đốc KLH**

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng này với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC

1.1 Bên A giao cho Bên B thực hiện dịch vụ:

- Vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý các chất thải nguy hại (CTNH) mà bên A là chủ nguồn thải.



- Danh sách chất thải được thể hiện trong mục 3.2 – Các CTNH phát sinh tại Chi Nhánh Tổng Công Ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi.

Địa điểm giao nhận tại: Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Bên B đảm bảo phương tiện, thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển các CTNH tại vị trí tập kết chất thải của bên A về lưu giữ tạm thời và xử lý tại Khu liên hợp xử lý chất thải Dung Quất thuộc thôn Trì Bình – xã Bình Nguyên - huyện Bình Sơn – tỉnh Quảng Ngãi của Bên B.

1.2 Thời gian thực hiện: Theo yêu cầu

- Hai bên thống nhất thời điểm thu gom, vận chuyển cho bên A theo nhu cầu của bên A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có nhu cầu Bên A thông báo cho Bên B để tiến hành tiếp nhận vận chuyển xử lý. Thời gian thông báo: trước 05 ngày để Bên B chuẩn bị công tác bàn giao.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A không thông báo cho Bên B yêu cầu thu gom thì Bên B sẽ thông báo lịch thu gom cho Bên A để tiến hành giao nhận CTNH cần vận chuyển xử lý. Thời gian thông báo: trước 02 ngày để Bên A chuẩn bị công tác bàn giao.
- Tần suất thu gom: 01 lần/ năm.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A

- Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, lưu giữ tạm thời và quản lý các CTNH theo qui định của nhà nước về quản lý CTNH đối với chủ nguồn thải tại cơ sở phát sinh CTNH của bên A ở những vị trí tập kết (Kho lưu giữ tạm thời) và giao cho bên B.
- Chịu trách nhiệm bốc xếp các chất thải đã được đóng gói và lưu trữ tạm thời đưa lên xe vận chuyển Chất thải của Bên B.
- Chịu trách nhiệm cân, đo khối lượng chất thải.
- Chịu trách nhiệm về an toàn, bảo hộ lao động cho nhân lực và phương tiện của Bên A trong quá trình thu gom, phân loại, đóng gói, lưu giữ, bảo quản.
- Phối hợp với Bên B trong quá trình giao nhận chất thải để công việc tiến hành một cách an toàn và nhanh chóng.
- Cử người đại diện để cùng Bên B thực hiện việc giao nhận chất thải và xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận.
- Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng theo đơn giá và khối lượng thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH như nêu tại mục 3.3 – Điều 3 của Hợp đồng này cho Bên B.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để tiếp nhận chất thải tại các điểm tập kết CTNH của bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận.
- Chịu trách nhiệm xử lý và tiêu hủy các CTNH theo đúng quy định của pháp luật.
- Cử đại diện để cùng Bên A phối hợp thực hiện việc giao nhận, xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận chất thải nguy hại và chứng từ CTNH đảm bảo việc thu gom thực hiện an toàn, nhanh chóng và đúng yêu cầu của bên A.
- Tuân thủ quy định và nội quy của Bên A.

10
NH
CƠN
ỆT
NG T
AI QU
ON

- Tư vấn các vấn đề về pháp lý, kỹ thuật trong việc phân loại, lưu giữ chất thải đúng theo quy định của nhà nước.
- Chịu trách nhiệm pháp lý trước các cơ quan chính quyền theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ THANH TOÁN- PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

3.1 Khối lượng chất thải thực tế được xác định dựa trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo “Biên bản giao nhận chất thải” được ký xác nhận bởi đại diện của hai bên tại từng thời điểm.

3.2 Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

STT	Danh Mục	Phương án 1			Phương án 2
		Mã chất thải	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (đồng)	Đơn giá/ chuyển (đồng)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	6.000	6.000.000đ
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	6.000	
3	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	6.000	
4	Bùn, cặn thải lẫn dầu	01 04 03	Kg	6.000	
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	6.000	
6	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 05	Kg	6.000	
Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải chưa bao gồm thuế VAT					

3.3 Giá trị thanh toán: Trường hợp khối lượng CTNH thu gom một lần nhỏ hơn 1.000kg thì bên A sẽ thanh toán cho bên B theo mức phí dịch vụ cho một lần vận chuyển và xử lý là: 6.000.000 đồng (Phương án 2 đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải)

3.4 Trong trường hợp khối lượng CTNH của Bên A tại thời điểm thu gom vượt quá 1.000kg thì giá trị thanh toán được tính theo khối lượng chất thải giao nhận thực tế nhân với đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý tiêu hủy CTNH tương ứng.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 01 tháng 11 năm 2024.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

5.1 Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Bên A thanh toán giá trị của từng đợt vận chuyển cho bên B bằng tiền Việt Nam đồng theo phương thức tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 03 ngày. Khi bên B nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

1. Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (bản chính);
2. Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán cho từng đợt có xác nhận của lãnh đạo hai bên;
3. Hoá đơn VAT (bản chính);
4. Các chứng từ chất thải nguy hại (bản chính)

5.2 Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được yêu cầu và các chứng từ hợp lệ nêu trên từ Bên B.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT THÔNG TIN

Các bên sẽ bảo mật nội dung của hợp đồng này và tất cả các vấn đề phát sinh trong quá trình thương lượng, cũng như sẽ không phát mãi các thông tin này cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ khi việc phát mãi thông tin được pháp luật hay qui định của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc thông tin đã được thông báo công khai. Điều khoản này sẽ tiếp tục có hiệu lực bất kể hợp đồng được chấm dứt vì bất kỳ lý do nào.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

7.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, sóng thần, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, sự thay đổi chính sách hoặc sự ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

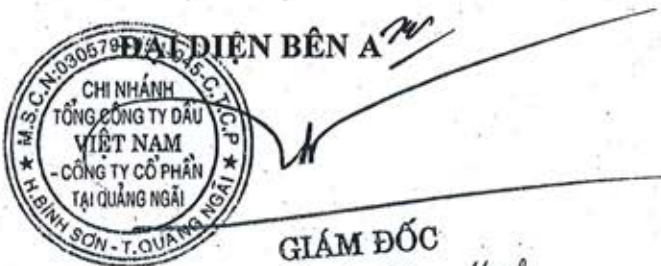
7.2 Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng bảy ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và tiến hành các biện pháp khắc phục. Nếu trường hợp bất khả kháng kéo dài trên ba mươi (30) ngày, một trong các bên có thể chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng này trên cơ sở hợp tác cùng có lợi. Nếu có sự thay đổi hoặc bổ sung nào đối với hợp đồng thì phải được hai bên thống nhất bằng văn bản hoặc Phụ lục hợp đồng.

8.2 Nếu hai bên không tự thỏa thuận được với nhau, thì tất cả tranh chấp phát sinh hay liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Quảng Ngãi.

8.3 Hợp đồng được thành lập làm 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.



GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Ngọc Minh



Nguyễn Vĩnh Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 153/2025/HĐKT

V/v: Cung cấp dịch vụ vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 đã được QH nước CHXHCNVN khoá 13, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 08 năm 2025 tại Văn phòng Công ty Cổ Phần Cơ – Điện – Môi Trường Lilama, chúng tôi gồm có:

1. BÊN A : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

Địa chỉ : Khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại : 02553624456 Fax: 02553.624456

Số tài khoản : 0041000213078

Tại Ngân hàng: Ngân hàng Ngoại Thương -CN Đà Nẵng

Mã số thuế: 0305795054-045

Đại diện : Ông Phạm Đình Ngọc Minh

Chức vụ: Giám đốc

(Theo giấy Ủy quyền số 97/UQ-DVN ngày 03/12/2024 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP)

II. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA

Địa chỉ: Khu dịch vụ công cộng, khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường- tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255.3908008 Fax: 0255.3908002

Số tài khoản : 5730066488 Tại Ngân hàng: BIDV – Chi nhánh Dung Quất.

Mã số thuế: 4300357921.

Đại diện Ông: Huỳnh Vĩnh Phúc Chức vụ: Giám đốc KLH

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng này với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC

1.1 Bên A giao cho Bên B thực hiện dịch vụ:

- Thu gom, vận chuyển, và xử lý Rác thải sinh hoạt (RTSH) mà bên A là chủ nguồn thải.

Địa điểm phát sinh chất thải sinh hoạt (RTSH): Tại CN Tổng Công ty dầu Việt Nam - Công ty cổ phần tại Quảng Ngãi, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi.

1.2 Thời gian thực hiện thu gom: thu gom 3 lần/tuần (Khối lượng chất thải thu gom < 800kg/tháng).

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A

- Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời ở những vị trí tập kết và có thùng chứa rác đảm bảo vệ sinh trước khi bàn giao cho Bên B.
- Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng dịch vụ như nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này cho Bên B.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật để thu gom, vận chuyển RTSH nói trên từ các điểm tập trung về xử lý tại Khu liên hiệp xử lý chất thải EME Dung Quất (Bình Sơn - Quảng Ngãi) theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận.
- Chịu trách nhiệm xử lý RTSH của Bên A theo đúng quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm pháp lý trước các cơ quan chính quyền theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.
- Tuân thủ quy định và nội quy của Bên A.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN – THỜI HẠN THANH TOÁN

3.1 Đơn giá dịch vụ: 800.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Tám trăm nghìn đồng trên một tháng)

-Giá dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT. Thuế suất thuế GTGT được áp dụng theo văn bản quy định Nhà nước hiện hành.

- Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi về đơn giá dịch vụ thì Bên B phải thông báo cho Bên A trước 07 ngày để Bên A thống nhất và bổ sung bằng phụ lục hợp đồng. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có yêu cầu thay đổi về giá nếu hai bên không thống nhất được thì Hợp đồng tự động hết hiệu lực.

3.2 Phương thức thanh toán : Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt, thanh toán giai đoạn (1 tháng/ 1 lần).

3.3 Thời hạn thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn dịch vụ của Bên B.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

4.1 Ngày bắt đầu thực hiện hợp đồng :01/08/2025

4.2 Ngày kết thúc hợp đồng: 31/07/2026.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

5.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn,

1950
HÌNH
G CỘNG
VIỆT
CÔNG TY
TẠI QUẢNG
NGÃI

chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, sự thay đổi chính sách hoặc sự ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

5.2 Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải thông báo cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng bảy ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và tiến hành các biện pháp khắc phục. Nếu trường hợp bất khả kháng kéo dài trên ba mươi (30) ngày, một trong các Bên có thể chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

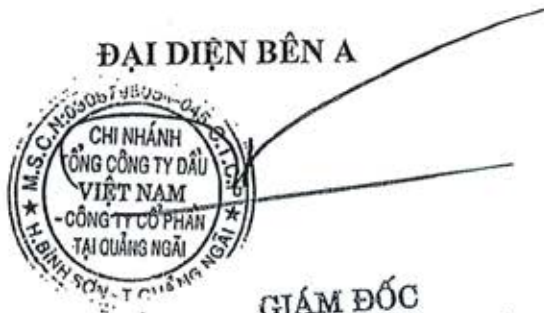
6.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

6.2. Bên nào vi phạm các điều khoản trong hợp đồng này thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại do sự vi phạm của mình gây ra theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Nếu tranh chấp hợp đồng xảy ra mà hai bên không tự giải quyết được thì hai bên sẽ trình lên Tòa án có thẩm quyền tỉnh Quảng Ngãi, phán quyết của Tòa án là cơ sở cuối cùng buộc hai bên phải thi hành.

- Nếu hai bên có ý kiến muốn điều chỉnh thay đổi các thông tin trong hợp đồng, thì hai bên cùng nhau đàm phán lại và ký văn bản Phụ lục sửa đổi, bổ sung cho hợp đồng.

- Khi hết hạn của Hợp đồng, nếu một trong hai Bên không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và tự thanh lý. Nếu không bên nào có ý kiến gì thì Hợp đồng được mặc nhiên gia hạn thêm 01 năm tiếp theo.

6.3. Hợp đồng được thành lập làm 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.



GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Ngọc Minh



4-046
ANH
TY DẦU
VIỆT NAM
CỔ PHẦN
QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI**

Số: ...3.1..../BBGN/KLH/2025

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số :0111/2023/HĐKT/SBU3-CNDVN ngày 01 tháng 11 năm 2023

Căn cứ phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 11 năm 2024

1.Đại diện Bên giao: CN Tổng Công ty Dầu Việt Nam–Công ty CP Tại Quảng Ngãi1/Ông (bà): Nguyễn Văn Tiến.....; Chức vụ: PP. KL-TĐ.....

2/Ông (bà):; Chức vụ:

2. Đại diện Bên nhận: Công ty Cổ phần Cơ-Điện-Môi trường Lilama1/Ông (bà): Châu Đình Hà.....; Chức vụ: Nhà viên.....

2/Ông (bà):; Chức vụ:

Thời gian giao nhận: 10 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 07 năm 2025

Địa điểm giao nhận: CN Tổng Công ty Dầu Việt Nam–Công ty CP tại Quảng Ngãi

BIÊN KIỂM SOÁT	DANH MỤC	MÃ CHẤT THẢI	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
76C-04799	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 0106	Kg	5	
-nt-	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	Kg	30	
-nt-	Bùn, cặn thải lẫn dầu	01 04 03	Kg	✓	
-nt-	Nước thải lẫn dầu từ thiết bị tách dầu/ nước	17 05 05	Kg	✓	
-nt-	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	5	
-nt-	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	10	
-nt-	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	10	

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký và ghi rõ họ tên)

1/ Nguyễn Văn Tiến

2/ Nguyễn Văn Tiến

3/ Nguyễn Văn Tiến

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký và ghi rõ họ tên)

1/ Châu Đình Hà

2/ Châu Đình Hà

3/

TỈNH/THÀNH PHỐ

Quảng Ngãi.

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2175A/2025/81/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama Giấy phép môi trường: 81?GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Khu dịch vụ công cộng, Khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi ĐT: 0255 3908001
Địa chỉ cơ sở: Khu liên hiệp xử lý chất thải EME Dung Quất, Thôn Trĩ Bình, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi ĐT: 0255 3908001

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CN Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP tại Quảng Ngãi Mã số QLCTNH: CPQN
Địa chỉ văn phòng: Khu kinh tế Dung Quất – xã Vạn Tường – Tỉnh Quảng Ngãi ĐT: 02553.624456
Địa chỉ cơ sở: Khu kinh tế Dung Quất – Xã Vạn Tường – Tỉnh Quảng Ngãi ĐT: 02553.624456

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắ n	Lỏ ng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	5	Xử lý – HR
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm TPNH	X			18 02 01	30	Phân trộn – TĐ
3	Bùn, cặn thải lẫn dầu			X	01 04 03	/	
4	Nước thải lẫn dầu		X		17 05 05	/	
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02	10	Phân trộn – TĐ
6	Hộp mực in thải	X			08 02 04	5	Phân trộn – TĐ
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	10	Phân trộn – TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: ...76C-04799/

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Châu Đình Hà Ký: Ngày: 17/07/2025 ...

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 07 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Việt Phú

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



GIÁM ĐỐC KLH

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP PHÍ DỊCH VỤ

(Hoàn thành việc vận chuyển và xử lý CTNH)

Hôm nay, ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại văn phòng Công ty cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Bên A: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

+ Ông (bà): Phạm Đình Ngọc Minh

Chức vụ: GIÁM ĐỐC

+ Ông (bà):

Chức vụ:

2. Đại diện Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ - ĐIỆN - MÔI TRƯỜNG LILAMA

+ Ông : Huỳnh Vĩnh Phúc

Chức vụ: Giám đốc KLH

+ Bà : Lê Thị Kim Anh

Chức vụ: TP kế toán KLH

3. Nội dung:

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 0111/2023/HĐKT/SBU3 –CNDVN ngày 01 tháng 11 năm 2023.

- Căn cứ phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 11 năm 2024

- Căn cứ biên bản giao nhận chất thải trong tháng 07 năm 2025.

- Căn cứ bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành việc vận chuyển và xử lý CTNH ngày 16 tháng 9 năm 2025

Hai bên thống nhất ký xác nhận bảng tổng hợp phí dịch vụ mà bên B đã hoàn thành việc vận chuyển và xử lý CTNH cho Bên A theo bảng kê sau:

STT	Loại chất thải	Mã Chất Thải	ĐVT	Khối lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	kg	5	6.000.000	BBGN 17/07/2025
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm TPHH	18 02 01	kg	30		
3	Hộp mực in thải	08 02 04	kg	5		
4	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	kg	10		
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	kg	10		
Tổng				60	6.000.000	
Thuế GTGT 8%					480.000	
Tổng cộng					6.480.000	
Bảng chữ: Sáu triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.						

Biên bản được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Ngọc Minh



GIÁM ĐỐC KLH

Huỳnh Vĩnh Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

(Về việc vận chuyển và xử lý CTNH)

Hôm nay, ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại văn phòng Công ty cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Bên A: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

+ Ông (bà): Phạm Đình Ngọc Minh ; Chức vụ: GIÁM ĐỐC

+ Ông (bà): ; Chức vụ:

2. Đại diện Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA

+ Ông: Lê Anh Việt ; Chức vụ: Phó Giám đốc Sản xuất

3. Nội dung:

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 0111/2023/HĐKT/SBU3 –CNDVN ngày 01 tháng 11 năm 2023.
- Căn cứ phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 11 năm 2024.
- Căn cứ các biên bản giao nhận chất thải trong ngày 17/07/2025.

Hai bên thống nhất ký xác nhận khối lượng mà Bên B vận chuyển và xử lý CTNH cho Bên A theo bảng kê sau:

TT	Loại chất thải	Mã CT	Đ/vị tính	Khối lượng	LCT	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	kg	5	2175A/2025	BBGN 17/07/2025
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	kg	30		
3	Hộp mực in thải	08 02 04	kg	5		
4	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	kg	10		
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	kg	10		
Tổng Cộng			Kg	60		

Biên bản được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Ngọc Minh

ĐẠI DIỆN BÊN B



Lê Anh Việt

PVOIL QUẢNG NGÃI
PHÒNG QUẢN LÝ HÀNG HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 25 tháng 02 năm 2026 tại Kho xăng dầu Dung Quất thuộc PVOIL Quảng Ngãi.

Địa chỉ: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Chúng tôi gồm:

1. Ông: Trần Việt Phú

Chức vụ: Phó Giám đốc.

2. Ông: Lê Ngọc Tấn

Chức vụ: Đội Phó Đội PCCC.

Đã tiến hành kiểm tra: Công tác phòng chống cứu nạn cứu hộ, phòng cháy, chữa cháy tại Kho xăng dầu Dung Quất thuộc PVOIL Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. Nội dung kiểm tra

1. Hồ sơ theo dõi, quản lý công tác PCCC:

- Đã mở hồ sơ quản lý công tác PCCC&CNCH, theo dõi và quản lý theo đúng quy định của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, ngày 15/05/2025.

- Đã ban hành Quyết định thành lập đội PCCC cơ sở gồm 27 đội viên. Tất cả các đội viên đã được huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH theo quy định.

- Đã xây dựng phương án chữa cháy cơ sở, cứu nạn cứu hộ được cơ quan Cảnh sát PCCC tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Đã mở sổ theo dõi, bảo dưỡng định kỳ, có biên bản tự kiểm tra an toàn PCCC tại cơ sở định kỳ hàng tháng.

- Đã đo điện trở hệ thống chống sét bảo vệ nhà và công trình theo quy định tại TCVN 9385:2012 (thời hạn đến ngày 31/10/2026).

- Đã đo điện trở hệ thống tĩnh điện bảo vệ khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu theo quy định (thời hạn đến ngày 31/10/2026).

- Đã mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính phủ về Quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (thời hạn đến ngày 31/03/2026).

Đơn vị đã thực hiện khai báo phiếu thu thập thông tin cơ sở dữ liệu điện tử trên cổng dịch vụ công về PCCC và CNCH.

Đánh giá: ☒ Đạt ☐ Chưa đạt

Nhận xét: Hồ sơ PCCC được cập nhật, lưu trữ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

2. Điều kiện an toàn PCCC:

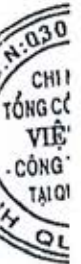
- Mặt bằng bố trí đúng theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.
- Tại thời điểm kiểm tra, các cầu thang thoát nạn và hành lang thoát nạn đảm bảo không có vật che chắn, cản trở lối thoát nạn.
- Giao thông phục vụ chữa cháy đảm bảo thông thoáng cho xe chữa cháy, xe cứu nạn cứu hộ hoạt động và tiếp cận phía trước khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.
- Tại thời điểm kiểm tra, khoảng cách an toàn PCCC giữa các hạng mục được đảm bảo.
- Tại thời điểm kiểm tra, biển báo, nội quy, tiêu lệnh PCCC được niêm yết đầy đủ, dễ quan sát.

Đánh giá: ☒ Đạt ☐ Chưa đạt

Nhận xét: Các điều kiện an toàn PCCC cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định

3. Hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH:

- Hệ thống cấp nước và foam chữa cháy: trang bị 06 máy bơm chữa cháy, gồm: 02 máy bơm Foam, 03 máy bơm nước chữa cháy động cơ điện, 01 máy bơm di động động cơ nhiên liệu; 6 súng bắn foam di động; 20 họng nước chữa cháy ngoài nhà có trang bị lăng, 16 họng foam chữa cháy quanh khu bồn có trang bị súng foam, vòi đồng bộ; 01 trụ cấp nước ngoài nhà; 01 bể nước chữa cháy có dung tích 640 m³; 01 bồn chứa bột có dung tích 03 m³. Tại thời điểm kiểm tra, cho vận hành các máy bơm chữa cháy; kết quả, các máy bơm chữa cháy hoạt động bình thường, áp lực và lưu lượng nước đảm bảo.
- Hệ thống báo cháy tự động: trang bị 01 trung tâm báo cháy đặt tại Nhà bảo vệ có người thường trực 24/24h và các đầu báo cháy, nút nhấn khẩn cấp, chuông đèn báo cháy tại các khu vực. Tại thời điểm kiểm tra, trung tâm báo cháy hoạt động bình thường.
- Hệ thống phun sương làm mát các bồn chứa: tại thời điểm kiểm tra, hoạt động bình thường.
- Phương tiện chữa cháy xách tay được đặt đúng vị trí theo thiết kế: trang bị 83 bình bột chữa cháy MFZ8, 17 bình bột chữa cháy xe đẩy MFZT35, 4 xe đẩy chứa foam chữa cháy di động loại 30lit, 16 bình khí chữa cháy MT5, 2 bình bột xách tay 9 lít, 10 bình quả cầu chữa cháy tự động, 2 lăng chữa cháy cố định, 2 xe đẩy chữa cháy di động. Tại thời điểm kiểm tra, các phương tiện chữa cháy hoạt động bình thường.
- Hệ thống điện: tại thời điểm kiểm tra, hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo an toàn.
- Hệ thống đèn chỉ dẫn lối thoát nạn: tại thời điểm kiểm tra, đảm bảo hoạt động.



- Đã trang bị 02 bộ đồ amiang, 25 bộ quần áo chữa cháy, 7 mặt nạ phòng độc, 2 đèn pin, 3 cuộn dây thừng thoát hiểm, 2 loa cầm tay, 12 bộ đàm cầm tay, 1 tủ y tế và các loại phương tiện thô sơ khác.

Đánh giá: ☒ Đạt ☐ Chưa đạt

Nhận xét: Phương tiện PCCC được trang bị đầy đủ, sẵn sàng sử dụng khi có sự cố.

4. Công tác tổ chức lực lượng, huấn luyện PCCC:

- Đã mở sổ theo dõi công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ PCCC CNCH và sổ theo dõi phương tiện PCCC.

- Đội PCCC cơ sở Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 452/QĐ-CNQN ngày 12/9/2024, tổng số 27 người trong đó có: 01 đội trưởng và 01 đội phó. Thời gian làm việc trong giờ hành chính và ngoài giờ hành chính đối với trực chỉ huy, đội bảo vệ.

- Các lực lượng trên được đào tạo và chứng nhận huấn luyện PCCC & CNCH, thường xuyên luyện tập và thực tập, diễn tập các tình huống cháy giả định được xây dựng trong phương án chữa cháy tại đơn vị.

Đánh giá: ☒ Đạt ☐ Chưa đạt

Nhận xét: Công tác huấn luyện, tuyên truyền PCCC được thực hiện nghiêm túc.

5. Công tác quản lý nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất nguy hiểm cháy nổ

- Thực hiện nghiêm quy định về quản lý nguồn lửa, nguồn nhiệt.

- Tại thời điểm kiểm tra, không phát hiện tình trạng vi phạm quy định an toàn PCCC trong khu vực cơ sở.

- Tình trạng duy trì điều kiện an toàn phòng cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ bảo đảm/không bảo đảm theo quy định.

Đánh giá: ☒ Đạt ☐ Chưa đạt

Nhận xét: Công tác quản lý nguồn nguy hiểm cháy nổ được kiểm soát chặt chẽ.

II. Kiến nghị:

Để đảm bảo công tác an toàn PCCC tại Kho xăng dầu Dung Quất yêu cầu thực hiện nghiêm túc một số nội dung sau:

1. Duy trì công tác tuyên truyền, nhắc nhở, phổ biến kiến thức, pháp luật, nội quy, quy định, quy trình về an toàn PCCC và CNCH đến toàn thể CBCNV trong đơn vị. Hướng dẫn CBCNV phải biết sử dụng thành thạo các loại phương tiện chữa cháy và kịp thời tham gia cứu chữa đạt hiệu quả cao nhất khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

2. Duy trì công tác tự kiểm tra an toàn PCCC&CNCH, thường xuyên kiểm tra hoạt động và bảo dưỡng các hệ thống PCCC định kỳ hàng tháng, quý đối với tất cả các phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy lắp đặt tại cơ sở và lưu biên bản kiểm tra theo quy định.

3. Tổ chức diễn tập phương án chữa cháy và CNCH tại kho theo tháng/Quý.
4. Thường xuyên theo dõi cập nhật các Nghị định, Thông tư, văn bản liên quan đến PCCC để kịp thời thực hiện đúng theo quy định của Luật PCCC.

Biên bản kiểm tra được kết thúc vào lúc 16 giờ 30 phút, cùng ngày.

ĐỘI TRƯỞNG
ĐỘI PCCC
CHÍNH
TỔNG CÔNG XÃ
VIỆT NAM
- GONG TÁC PHÁN
TẠI QUẢNG NGÃI
QU
Trần Việt Phú



**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;

- Xét hồ sơ đề nghị cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC" của ông/bà:

Nguyễn Tuấn Tú Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
đại diện cho: Tổng Công ty dầu Việt Nam
và biên bản kiểm tra các điều kiện về PCCC củ Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH
lập ngày 09 tháng 6 năm 2012

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

(2) KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI

Thuộc: Tổng Công ty dầu Việt Nam

Địa chỉ: Vực 1, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này có đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật để: vận hành, kinh doanh xăng dầu

Đồng thời ông/bà: Nguyễn Tuấn Tú có trách nhiệm duy trì liên tục điều kiện về PCCC đã chứng nhận của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH trong suốt quá trình hoạt động.

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 6 năm 2012

(3)



THƯỢNG TÁ Dương Văn Luận

Số: 163/TĐ-PCCC (163)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 10555 ngày 04/4/2011

của: Tổng Công ty dầu Việt Nam
Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Ngọc Sơn Chức danh: Phó Tổng Giám đốc

(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

- (2) KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI (GIAI ĐOẠN I)
Địa điểm: KCN Phía Đông - KKT Dung Quất - Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng Ngãi.
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Tổng Công ty dầu Việt Nam.
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí.
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Hạng sản xuất, bậc chịu lửa, quy mô công trình, khoảng cách PCCC, giao thông trong cơ sở, hệ thống điện, hệ thống chống sét đánh thẳng, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bằng bọt, hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chữa cháy xách tay, bồn bể, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

- Các yêu cầu kèm theo: (3) 1. Thi công đúng hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt.
2. Trang bị bổ sung 01 máy bơm chữa cháy di động có lưu lượng và cột áp tương đương với máy bơm chữa cháy chính.
3. Lắp đặt đầu báo cháy tự động cho các hạng mục công trình phụ trợ (Nhà kiểm định, Nhà văn phòng, hóa nghiệm, ăn ca và xưởng cơ khí, bảo trì, vận hành) theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- Tổng Cty dầu Việt Nam;
- Lưu PC66;

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 12 năm 2011

(4) TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH



Thượng tá DUYÊN VĂN LUẬN

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH QUẢNG NGÃI
Số: 13/TĐ-PCCC (PC66)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004
In năm 2011

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 1713 ngày 28/2/2013 của: Tổng Công ty dầu Việt Nam

Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Tuấn Tú Chức danh Phó Tổng Giám đốc
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

- (2) NHÀ NGHỈ CA - KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XẺNG DẦU QUẢNG NGÃI
Địa điểm: KCN Phía Đông, KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Tổng Công ty dầu Việt Nam
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH MTV Sông Đà 17
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
Bậc chịu lửa, quy mô công trình, khoảng cách PCCC; giao thông trong cơ sở, lối thoát nạn; hệ thống điện, hệ thống cấp nước chữa cháy và phương tiện chữa cháy xách tay

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) 1. Thi công theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.

Nơi nhận:
- Tổng Cty. dầu Việt Nam;
- Lưu PC66.

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 3 năm 2013
(4) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

Thượng tá **DƯƠNG VĂN LUẬN**

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

Số: 17/ĐK-PCCC/C66

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC" của ông/bà:

Nguyễn Tuấn Tú Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

đại diện cho: Tổng Công ty dầu Việt Nam

và biên bản kiểm tra các điều kiện về PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH

lập ngày 09 tháng 6 năm 2012

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

(2) **KHU BÓN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI**

Thuộc: Tổng Công ty dầu Việt Nam

Địa chỉ: Vực 1, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này có đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật để: vận hành, kinh doanh xăng dầu

Đồng thời ông/bà: Nguyễn Tuấn Tú có trách nhiệm duy trì liên tục điều kiện về PCCC đã chứng nhận của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH trong suốt quá trình hoạt động.

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 6 năm 2012

(3)



THƯỢNG TÁ Dương Văn Luận

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên cơ sở hoặc phương tiện giao thông cơ giới; (3) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 10555 ngày 04/4/2011

của: Tổng Công ty dầu Việt Nam
Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Ngọc Sơn Chức danh Phó Tổng Giám đốc

(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

- (2) KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI (GIAI ĐOẠN I)
Địa điểm: KCN Phía Đông - KKT Dung Quất - Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng Ngãi.
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Tổng Công ty dầu Việt Nam.
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí.
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
Hạng sản xuất, bậc chịu lửa, quy mô công trình, khoảng cách PCCC, giao thông trong cơ sở, hệ thống điện, hệ thống chống sét đánh thẳng, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bằng bọt, hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chữa cháy xách tay, bồn bể, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) 1. Thi công đúng hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt.
2. Trang bị bổ sung 01 máy bơm chữa cháy di động có lưu lượng và cột áp tương đương với máy bơm chữa cháy chính.
3. Lắp đặt đầu báo cháy tự động cho các hạng mục công trình phụ trợ (Nhà kiểm định, Nhà văn phòng, hóa nghiệm, ăn ca và xưởng cơ khí, bảo trì, vận hành) theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- Tổng Cty dầu Việt Nam;
- Lưu PC66;

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 12 năm 2011
(4) TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH



Thượng tá DUONG VAN LUAN

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

Số: 104 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số: 704/DVN... ngày: 27/...01/...2021... của: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần.....

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà:NGUYỄN TUẤN TÚ. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN

HẠNG MỤC: BỔ SUNG THIẾT BỊ VÀ BÓN CHỮA NHIÊN LIỆU XĂNG RON95 TẠI KHO QUẢNG NGÃI

CÔNG TRÌNH: KHU BÓN BÈ CHỮA VÀ TRẠM XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI (GIAI ĐOẠN 1)

Địa điểm xây dựng: Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Chủ đầu tư: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần

Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật Tam Minh và Công ty TNHH TMDV

xây lắp và bảo dưỡng dầu khí Xuân Sơn

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa; Phân cấp công trình; Phân loại kho; Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan;

Khoảng cách an toàn PCCC; Đường giao thông dành cho xe chữa cháy; Lối thoát nạn;

Hệ thống cấp nước chữa cháy và hệ thống chữa cháy bằng bọt; Hệ thống làm mát bể;

Đường ống công nghệ; Hệ thống điện; Hệ thống chống tĩnh điện; Hệ thống báo cháy

tự động và phương tiện chữa cháy xách tay./.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./

Nơi nhận:

- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP;

- PC07(D2).

Quảng Ngãi, ngày 19. tháng 4. năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Văn Hùng

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	Quy mô công trình	
	Quy mô công trình (giai đoạn 1): Đã xây dựng 04 bồn chứa có dung tích chứa tối đa là 7.200m³ trên khu đất có diện tích 3.216m²; có các hạng mục phụ trợ như: Nhà văn phòng, Nhà bơm dầu, nhà xuất dầu, nhà vận hành, nhà kiểm định, trạm phát điện, nhà bảo vệ, trạm bơm nước chữa cháy... và đã được cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH nghiệm thu theo quy định. Hạng mục: Bổ sung thiết bị và bồn chứa nhiên liệu xăng Ron 95 tại kho Quảng Ngãi thuộc Công trình: Khu bồn bể chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi (giai đoạn 2) gồm các hạng mục: bồn chứa xăng A95 có sức chứa là: 1.750m³; nhà bơm dầu có diện tích xây dựng 9m²; nhà xuất dầu ô tô 62,2m²; đê bao bồn dầu cao 1,6m và đường nội bộ có chiều rộng ≥4m; phân cấp công trình: Kho cấp IIIB	
II	Nội dung tài liệu, bản vẽ	Ký hiệu
1	Đường giao thông cho xe chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC	KQN-DD-CI-DWG-001A
2	Bậc chịu lửa; Giải pháp thoát nạn; Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan + Bồn chứa xăng A95 T201 + Đê ngăn cháy + Nhà bơm dầu + Nhà xuất dầu	Thuyết minh và các bản vẽ KQN-DD-ME-DWG -001; KQN-DD-CI-DWG -002 (01/2-2/2) KQN-DD-CI-DWG-003 (từ số 1-4/4) KQN-DD-CI-DWG -003 (01/4-4/4) KQN-DD-CI-DWG-004 (1/11-11/11) KQN-DD-CI-DWG-005 (1/18-18/18)
3	Đường ống công nghệ	KQN-DD-CI-DWG-005-004 (1/1) KQN-DD-PI-DWG-001(1-5/5)
4	Hệ thống điện	KQN-FS-EL-DWG-001 (8-11); KQN-FS-EL-DWG-005 (1/1); KQN-FS-EL-DWG-007 (1/1); KQN-FS-EL-DWG-004 (1/8-8/8).
5	Hệ thống chống tĩnh điện	KQN-FS-EL-DWG-003 (01/8-02/8).
6	Hệ thống báo cháy tự động	Thuyết minh KQN-DD-IN-DWG-001 KQN-DD-IN-DWG-004 (1/5-5/5) KQN-DD-IN-DWG-007 (3/5-5/5)
7	Hệ thống cấp nước, bọt chữa cháy và Hệ thống làm mát, phương tiện chữa cháy xách tay	KQN-DD-FFT-UFD-001; KQN-DD-FFT-PID; KQN-DD-ME-DWG -001-003

**BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ
CHỮA CHÁY TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 164/TD-PCCC(P2)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và Tờ trình đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 127/CNQ-QLHH ngày 15/6/2018 của Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên tại Quảng Ngãi.

Người đại diện là Ông: Lại Thế Nghĩa - Giám đốc.

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH QUẢNG NGÃI
CHỨNG NHẬN:
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ - DỰ ÁN
KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI**

Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên dự án Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi, KKT Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên tại Quảng Ngãi.

Cơ quan thiết kế: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thiên Việt.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Khoảng cách an toàn PCCC; Lối thoát nạn; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Hệ thống chống tĩnh điện; hệ thống báo cháy tự động theo tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2./.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Hệ thống điện lắp đặt, sử dụng tại nhà lưu mẫu xăng dầu phải sử dụng loại phòng nổ.

2. Thay thế đầu báo cháy khói tại nhà lưu mẫu xăng dầu thành đầu báo cháy nhiệt.

3. Trang bị bổ sung cho trụ chữa cháy D65x2 (gần trạm xuất xăng dầu ô tô) 02 cuộn vòi chữa cháy D65 và trang bị 04 bình bột chữa cháy MFZL8 cho công trình.

Nơi nhận:

- Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên tại Quảng Ngãi;
- Lưu: P2.

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 7 năm 2018



KT GIÁM ĐỐC
KT GIÁM ĐỐC

Đại tá Dương Hồng Sơn



QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu
Kho xăng dầu Dung Quất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Căn cứ Quyết định số 63/2014/QĐ-TTg ngày 11/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UB ngày 31/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Quảng Ngãi;

Xét nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Kho xăng dầu Dung Quất đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản số 575/HPDQ ngày 04/4/2019 của Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3944/TTr-STNMT ngày 28/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu Kho xăng dầu Dung Quất (xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) của Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi (kèm theo bản thuyết minh kế hoạch).

Điều 2: Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung trong Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau:

1. Công tác phòng ngừa sự cố:

- Bố trí đủ nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật và phương tiện cần thiết

theo kế hoạch được duyệt và sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động của các cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện việc đào tạo, tập huấn, diễn tập theo thời gian cập nhật trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được duyệt. Định kỳ hàng năm phải tổ chức thực hành huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu tại hiện trường.

- Thường xuyên kiểm tra quy trình vận hành, trang thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển và những vị trí có nguy cơ gây sự cố tràn dầu. Lập phương án đầu tư trang thiết bị, vật tư để từng bước nâng cao năng lực tự ứng phó của Công ty theo quy định; tiến hành ký kết thỏa thuận, hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ quan, đơn vị có chức năng để triển khai ứng phó khi có tình huống xảy ra.

2. Công tác ứng phó sự cố:

- Tiến hành ngay các biện pháp ứng phó sự cố theo kế hoạch được duyệt nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sự phát tán dầu ra môi trường.

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu vượt quá khả năng kiểm soát, Công ty phải nhanh chóng báo cáo với các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp ứng cứu.

3. Công tác đánh giá, xác định và giải quyết bồi thường thiệt hại:

Khi xảy ra sự cố tràn dầu, Công ty khẩn trương phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan xác định đối tượng, nguyên nhân gây sự cố, mức độ thiệt hại đến môi trường, giám định thiệt hại, tính toán chi phí và bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty với các cơ quan chức năng để tổng hợp và theo dõi.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi cần được bổ sung nội dung so với Kế hoạch được duyệt, Công ty phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3: Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Kho xăng dầu Dung Quất, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo quy định; hướng dẫn các hoạt động bảo vệ môi trường trong khắc phục và làm sạch đường bờ, quản lý chất thải sau thu gom; phối hợp với các cơ quan liên quan xác định nguyên nhân gây sự cố tràn dầu.

2. Các sở, ban ngành và đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm điều động lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả và thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên

và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công an tỉnh; Chánh Văn phòng Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan; Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, NNTN, NC, CB-TH;
- Lưu: VT, CNXDak581.

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

DỰ ÁN:

**"HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - KHU BỒN CHỨA VÀ
TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI,**

CÔNG SUẤT: 40M³/H "

CHUẨN BỊ CHO



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – PV OIL

CHUẨN BỊ BỞI



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI VẠN KIẾN THÀNH



VAN KIEN THANH CONSTRUCTION & TRADING CO., Ltd
128/27 Pham Van Hai St., Ward 3, Tan Binh Dist, HCMC
Tell: (84.8)6680 0141 - Fax: (84.8)6293 5961
Email: vankienthanh@gmail.com

MỤC LỤC

TRANG

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI – KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI 4

1.1.	CÔNG NGHỆ ĐƯỢC ÁP DỤNG.....	4
1.2.	NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG.....	4
1.2.1.	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG	4
1.2.2.	Mô tả quá trình hoạt động.....	4
1.2.3.	Chức năng, chế độ vận hành của từng hạng mục thiết bị.....	4
1.3.	NGUYÊN TẮC VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ.....	6
1.3.1.	NGUYÊN TẮC VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU	6
1.3.2.	NGUYÊN TẮC VẬN HÀNH THIẾT BỊ	6
1.3.3.	NGUYÊN TẮC BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ	6
2.0.	AN TOÀN VẬN HÀNH.....	7
2.1.	KHI LÀM VIỆC GẦN CÁC BỂ GOM, BỂ TÁCH DẦU, BỂ ĐIỀU HÒA, BỂ ENTENK, NGĂN CHỨA DẦU, BỂ CHỨA BÙN.....	7
2.2.	KHI LÀM VIỆC VỚI CÁC HÓA CHẤT: PHÈN SẮT, VÔI, POLYMER.....	7
3.0.	LƯU GIỮ SỐ LIỆU.....	8
3.1.	SỰ CẦN THIẾT PHẢI LƯU GIỮ SỐ LIỆU.....	8
3.1.1.	Sự thay đổi của dòng thải vào Hệ thống	8
3.1.2.	Các thay đổi trong quá trình vận hành	8
3.2.	CÁC THÔNG SỐ CẦN ĐƯỢC GHI CHÉP HỆ THỐNG	9
4.0.	ĐIỀU KHIỂN, VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐÃ ỔN ĐỊNH.....	10
4.1.	CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA MỘT HỆ THỐNG HOẠT ĐỘNG TỐT.....	10
4.1.1.	Các đặc tính của dòng vào (những chất gì đi vào hệ thống?)	11

4.1.2.	Môi trường bể ENTEK	11
4.1.3.	Nước thải sau xử lý	11
4.2.	ĐIỀU KHIỂN QUÁ TRÌNH NHƯ THẾ NÀO	11
4.3.	CÁC THỦ TỤC CẦN THỰC HIỆN TRONG MỘT CA TRỰC DƯỚI ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG BÌNH THƯỜNG.....	12
4.3.1.	Kiểm tra ban đầu.....	12
4.3.2.	Tiến hành thí nghiệm	12
4.3.3.	Ghi chép kết quả kiểm tra và bàn giao.....	13
5.0.	CÁC VẤN ĐỀ NẢY SINH TRONG VẬN HÀNH.....	13
5.1.	NHỮNG SỰ CỐ THƯỜNG GẶP.....	13
5.2.	NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỆ THỐNG	15

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI – KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI

1.1. CÔNG NGHỆ ĐƯỢC ÁP DỤNG

Áp dụng công nghệ xử lý cơ học - hóa lý để khử dầu mỡ, cặn lơ lửng, Nitơ tổng, Phot pho và các chất ô nhiễm khác.

1.2. NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG

1.2.1. SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG

Xem bản vẽ sơ đồ công nghệ.

1.2.2. Mô tả quá trình hoạt động

Xem phần thuyết minh công nghệ.

1.2.3. Chức năng, chế độ vận hành của từng hạng mục thiết bị

1.2.3.1. Song chắn rác – Mương dẫn:

Chức năng:

- Song chắn rác: Ngăn không cho tạp chất trong nước thải đi vào hệ thống.
- Mương dẫn: Nước thải có chứa một hàm lượng dầu và hàm lượng cát khá cao. Khi qua mương dẫn, cát cũng được lắng tại mương nhằm tăng khả hiệu quả xử lý dầu cho công đoạn phía sau.

1.2.3.2. Bể lắng dầu:

Chức năng: Nước thải từ bể thu gom chứa hàm lượng dầu vượt quá giới hạn cho phép của TCVN do đó, hàm lượng dầu được loại bỏ nhờ hai bơm hút dầu (Oil Skimmer).

Bơm bùn bể lắng dầu:

Chức năng: Bơm bùn từ bể lắng dầu về ngăn chứa bùn thải.

a. Chế độ hoạt động: Hai bơm hoạt động luân phiên

1.2.3.3. Bể điều hòa:

Chức năng: điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tập trung nước thải chuẩn bị bơm qua các công đoạn xử lý sau.

Bơm nước thải bể điều hòa:

- a. Chức năng: Bơm nước thải từ bể điều hòa đến thiết bị Entek.
- b. Chế độ hoạt động: Hai bơm hoạt động luân phiên.

1.2.3.4. Thiết bị ENTEK:

- a. Chức năng: Thực hiện quá trình keo tụ và lắng trong thiết bị ENTEK để xử lý nước thải dựa trên phương pháp xử lý hóa lý - lắng trọng lực.
- b. Chế độ hoạt động: Thiết bị ENTEK được chia thành nhiều ngăn: ngăn đông tụ, ngăn keo tụ, ngăn ổn định và ngăn lắng. Nước thải từ bể điều hòa được bơm vào thiết bị liên tục. Hóa chất đông tụ và trợ keo tụ được châm vào sẽ giúp gắn kết các hạt keo trong nước thải để các hạt keo này liên kết lại với nhau lắng xuống và kéo theo các chất bẩn lơ lửng.

1.2.3.5. Khử trùng nước thải

Chức năng: Tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải trước khi thải vào môi trường.

1.2.3.6. Sân phơi bùn

Chức năng: Dùng để tách nước trong bùn, giảm thể tích bùn.

1.2.3.7. Bơm định lượng hóa chất:

- a. Chức năng: Cung cấp hóa chất bổ sung cho dòng nước thải nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đông tụ, tạo bông trong bể ENTEK.
- b. Chế độ hoạt động: Hoạt động tự động theo các tín hiệu từ tủ điện điều khiển hoặc vận hành bằng tay.

1.2.3.8. Thiết bị pha trộn hóa chất:

- a. Chức năng: Pha trộn các hóa chất cần bổ sung từ dạng lỏng nguyên chất, dạng hạt rắn thành dung dịch có một nồng độ nhất định trước khi bổ sung vào dòng nước thải.
- b. Chế độ vận hành: Vận hành bằng tay.

1.3. NGUYÊN TẮC VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

1.3.1. NGUYÊN TẮC VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU

Trước khi tiến hành vận hành trạm xử lý nước thải, phải kiểm tra toàn bộ hệ thống xem có an toàn để hoạt động không: Kiểm tra các thiết bị điện, kiểm tra mức nước thải, kiểm tra các thiết bị khắc phục sự cố có đầy đủ không... mới tiến hành các thao tác khởi động hệ thống.

Trong quá trình vận hành, cán bộ vận hành nhất thiết phải tuân thủ đúng quy trình vận hành đã được đào tạo. Và khi vận hành sai sẽ gây ra sự cố dẫn đến hỏng thiết bị hay nước sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đề ra.

Mọi sự cố xảy ra phải tìm cách khắc phục kịp thời. Nếu không thể tự khắc phục, phải báo cáo cho quản đốc hoặc cho cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm xem xét và xử lý.

1.3.2. NGUYÊN TẮC VẬN HÀNH THIẾT BỊ

Phải đọc kỹ hướng dẫn vận hành thiết bị trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.

Thiết bị trước khi khởi động phải được kiểm tra kỹ lưỡng về nguồn điện, về chế độ bôi trơn, dầu mỡ... để đảm bảo tuyệt đối an toàn khi vận hành.

Khi có sự cố, phải thực hiện ngay các thao tác trong sách hướng dẫn khắc phục sự cố đối với từng thiết bị. Tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố và tìm biện pháp khắc phục sửa chữa càng sớm càng tốt.

Các hướng dẫn về dự đoán nguyên nhân gây ra sự cố và biện pháp khắc phục được nói trong sách hướng dẫn vận hành thiết bị của nhà sản xuất kèm theo.

1.3.3. NGUYÊN TẮC BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

Mỗi một thiết bị phải có chế độ bảo dưỡng, bảo trì riêng.

Phương pháp bảo dưỡng đối với từng thiết bị được ghi rõ trong sách hướng dẫn vận hành thiết bị của nhà sản xuất.

Phải thực hiện chế độ bảo dưỡng, thao tác tiến hành bảo dưỡng, thời gian cần bảo dưỡng thiết bị (thường tính theo giờ máy hoạt động) theo sách hướng dẫn vận hành thiết bị.

2.0. AN TOÀN VẬN HÀNH

2.1. KHI LÀM VIỆC GẦN CÁC BỂ GOM, BỂ TÁCH DẦU, BỂ ĐIỀU HÒA, BỂ ENTENK, NGĂN CHỨA DẦU THẢI, SÂN PHƠI BÙN

Bất cứ khi nào bạn làm việc quanh các bể, các thủ tục về an lao động phải tuyệt đối chấp hành:

- Đi ủng để di chuyển cho nhanh nhẹn. Đế giày có đinh mũ kép tăng khả năng chống trượt.
- Mặc áo phao khi làm việc xung quanh các bể nơi mà không có lan can bảo vệ
- Sự sinh sôi của tảo trơn trên sàn thao tác phải được cọ rửa bất cứ khi nào chúng xuất hiện.
- Giữ gìn sạch sẽ khu vực xử lý khỏi dầu mỡ chảy ra.
- Khu vực xử lý phải có đủ ánh sáng để làm việc vào buổi tối, đặc biệt là lúc có sự cố xảy ra.

2.2. KHI LÀM VIỆC VỚI CÁC HÓA CHẤT: PHÈN SẮT, VÔI, POLYMER.

Tên hóa học: Clorua Sắt (FeCL₃)

Vôi: Canxi Hydroxit (Ca(OH)₂)

Tính chất: Là những hợp chất vô cơ, rắn hoặc lỏng khi hòa tan vào nước có mùi hắc, và tỏa nhiệt lớn.

Mức độ nguy hiểm: vôi khi hòa tan vào nước đồng thời tỏa ra một lượng nhiệt rất lớn. Nó có thể làm bỏng da, cháy quần áo. nếu bị bắn vào mắt có thể gây hỏng mắt, khi đổ ra sàn gạch có thể làm hỏng gạch... nói chung vôi có thể làm hỏng nhiều loại vật liệu và gây nguy hiểm cho người vận hành.

Những điều cần chú ý khi làm việc với vôi:

- Phải luôn cho phèn sắt, vôi vào nước một cách từ từ.

- Phải luôn luôn sử dụng găng tay và khẩu trang khi thao tác pha vôi, phèn sắt.
- Dùng giẻ lau khô để vệ sinh phần vôi bám bên ngoài các dụng cụ trước khi chạm tay vào. Sau khi thao tác xong phải vệ sinh sạch sẽ dụng cụ và khu vực làm việc nếu vôi bị bắn ra ngoài.

3.0. LƯU GIỮ SỐ LIỆU

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LƯU GIỮ SỐ LIỆU

3.1.1. Sự thay đổi của dòng thải vào hệ thống

Các dòng thải tới hệ thống bao gồm nước mưa chảy tràn qua khu vực có khả năng bị nhiễm dầu từ các bồn chứa và nước rửa xe.

Bởi vậy, cần thiết phải tìm ra một quy luật về chất lượng cũng như lưu lượng của nước thải để tránh trường hợp phải liên tục phân tích xác định thành phần nước thải, như vậy sẽ giảm thiểu các thao tác vận hành. Công tác ghi chép và lưu giữ số liệu sẽ hỗ trợ cho việc tìm ra quy luật đó.

3.1.2. Các thay đổi trong quá trình vận hành

Người vận hành phải tiếp tục phân tích và ghi chép lại các kết quả thí nghiệm cũng như những hiện tượng quan sát được bằng cảm quan. Những số liệu này sẽ giúp cho người vận hành tìm ra quy luật vận hành hệ thống ổn định nhất. Đặc biệt giúp cho người vận hành phát hiện sớm những vấn đề này sinh phá vỡ sự ổn định của hệ thống từ đó có phương án điều chỉnh kịp thời. Tóm lại, những kết quả thí nghiệm là rất cần thiết trong việc xác định liệu chất lượng dòng ra có đảm bảo các thông số như dầu mỡ, SS... không. Nếu chất lượng của dòng ra không đạt yêu cầu thì người vận hành phải xác định xem yếu tố nào đã ảnh hưởng tới hoạt động của hệ thống và làm giảm hiệu suất xử lý.

Những yếu tố quan trọng có thể làm thay đổi gồm có:

1. Các chất thải khó xử lý có thể gây ra sự thay đổi đặc tính dòng vào.
2. Hiệu quả tách dầu của bể lắng dầu không tốt.
3. Do châm hóa chất không phù hợp trong bể Entek.
4. pH không ổn định trong bể phản ứng.

3.2. CÁC THÔNG SỐ CẦN ĐƯỢC GHI CHÉP HỆ THỐNG

Các thông số thí nghiệm được liệt kê dưới đây nếu được ghi chép một cách chính xác có thể giúp người vận hành xác định phạm vi vận hành tốt nhất của hệ thống. Các ghi chép cũng có thể dùng để nhận biết khi các vấn đề này sinh cũng như giúp xác định nguyên nhân của vấn đề.

Ghi chép các số liệu dưới đây thường xuyên:

1. Chất rắn lơ lửng (SS)

- a. SS trong bùn thải
- b. SS trong nước thải sau xử lý tại đầu ra của bể lắng.

2. Dầu mỡ

- a. Dầu mỡ của nước thải đầu vào
- b. Dầu mỡ trong nước thải sau xử lý tại đầu ra của bể lắng.

3. Các tính toán và đo đạc

- a. Lưu lượng nước thải hàng ngày
- b. Khối lượng chất rắn (SS_r), COD mỗi ngày ở dòng ra
- c. Hàm lượng dầu mỡ ở dòng ra

4. Các thông số quan sát hàng ngày

- a. Bông bùn
- b. Mùi
- c. Bể lắng: độ trong và đục của dòng ra, loại chất rắn trên bề mặt và trong nước thải sau xử lý.
- d. Thiết bị và động cơ: Hoạt động trơn tru, ồn, rung và nhiệt độ.
- e. Độ trong của nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường.

Quá trình vận hành Hệ thống không chỉ gồm có việc theo dõi và bảo dưỡng thiết bị mà còn theo dõi tình trạng hoạt động của Hệ thống một cách thường xuyên để xác định khi nào cần điều chỉnh để bù vào những thay đổi mà có thể ảnh hưởng tới chất lượng dòng ra. Hãy nhớ rằng việc quan sát nhìn, ngửi và tiếp xúc sẽ cho bạn những dấu hiệu đầu tiên về những vấn đề đang nảy sinh và chỉ cho bạn những hành động điều chỉnh thích hợp.

Bảng lịch trình phân tích các chỉ tiêu:



VAN KIEN THANH CONSTRUCTION & TRADING CO., Ltd
128/27 Phạm Văn Hai St., Ward 3, Tân Bình Dist, HCMC
Tell: (84.8)6680 0141 - Fax: (84.8)6293 5961
Email: vankienthanh@gmail.com

Thông số phân tích	Lịch trình	Phương pháp lấy mẫu
Dầu mỡ trong bể lắng dầu	2 ngày một lần: vào các ngày chẵn trong tháng: ngày 2, 4, 6, 8,... Những tháng có 31 ngày thì làm thêm mẫu của ngày thứ 31.	Lấy mẫu ở điểm gần van xả sang bể điều hòa.
SS nước thải sau xử lý	4 ngày 1 lần: vào các ngày chia hết cho 4: ngày 4, 8, 12,...	Lấy mẫu ở sau bể.
pH trong bể phản ứng	Ngày 1 lần	Đo trực tiếp trong bể phản ứng hoặc lấy mẫu vào phòng đo.
Thí nghiệm độ lắng của bùn trong 30 phút.	Hàng ngày vào lúc 9 giờ sáng.	Lấy mẫu trong bể lắng
Bông bùn trong ngăn keo tụ, ngăn ổn định	2 lần/ngày	Lấy mẫu tại điểm trước khi ra khỏi ngăn keo tụ, ngăn ổn định.
Quan sát: a. Bể lắng: độ trong và đục của dòng ra, loại chất rắn trên bề mặt, mức độ váng trong nước thải sau xử lý. b. Thiết bị và động cơ: Hoạt động trơn tru, ồn, rung và nhiệt độ.	Mỗi ca ghi kết quả quan sát 1 lần.	

4.0. ĐIỀU KHIỂN, VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐÃ ỔN ĐỊNH

4.1. CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA MỘT HỆ THỐNG HOẠT ĐỘNG TỐT

Người vận hành muốn vận hành Hệ thống ổn định trước hết phải hiểu được bản chất của việc xử lý nước thải bằng phương pháp keo tụ và xác định được các thông số chuẩn mực của một Hệ thống hoạt động tốt.

Có 3 phạm vi chính mà người vận hành cần phải biết là:

1. Những chất gì đi vào hệ thống xử lý nước thải?
2. Môi trường cần duy trì trong bể ENTEK như thế nào?

3. Những chất gì đi ra khỏi hệ thống xử lý nước thải?

Mỗi một phạm vi quan hệ hoặc tác động mật thiết tới 2 phạm vi kia.

4.1.1. Các đặc tính của dòng vào (những chất gì đi vào hệ thống?)

Khi lưu lượng và chất lượng dòng vào thay đổi, thì môi trường của bể ENTEK thay đổi theo. Nếu lưu lượng tăng đáng kể (quá 10%), cần thiết phải điều chỉnh các thông số vận hành. Nếu lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm trong dòng vào tăng, cần thiết phải tăng lượng hóa chất bơm vào và ngược lại.

Vì vậy, hằng ngày người vận hành phải theo dõi lưu lượng nước thải dòng vào và kiểm tra lưu lượng dòng vào hằng ngày trên máy tính. Từ đó tính được tổng lượng hóa chất bơm vào hệ thống trong ngày.

4.1.2. Môi trường bể ENTEK

Cần phải duy trì các thông số trong bể ENTEK như sau:

- PH: 6,5 - 8,5 (tốt nhất là PH = 7.2)
- Các motor khuấy phải làm việc ổn định theo đúng yêu cầu.

4.1.3. Nước thải sau xử lý

Nước thải dòng ra đầu tiên quan sát bằng mắt phải trong, ít chất rắn lơ lửng, sau đó các kết quả phân tích phải đạt tiêu chuẩn cho phép.

Khi hệ thống hoạt động tốt, bạn hãy cố gắng xác định nguyên nhân tại sao để cố gắng duy trì. Khi các vấn đề này sinh làm chất lượng dòng ra xấu đi bắt đầu xuất hiện, cố gắng xác định tại sao và hiệu chỉnh tình trạng. Nhớ rằng dòng vào và những điều kiện trong bể Entek ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dòng ra. Do vậy bạn phải tìm ra nguyên nhân làm chất lượng dòng ra không đạt để điều chỉnh. Khi tiến hành điều chỉnh chỉ nên điều chỉnh một thông số trong một thời gian, không nên điều chỉnh nhiều thông số cùng một lúc. Nếu không bạn sẽ không biết được sự điều chỉnh nào mang lại hiệu quả, thậm chí có khi còn làm cho quá trình keo tụ bị đảo lộn.

4.2. ĐIỀU KHIỂN QUÁ TRÌNH NHƯ THẾ NÀO

Điểm nổi bật của quá trình xử lý keo tụ đó là quá trình xử lý phụ thuộc vào:

- Lượng cặn lơ lửng, dầu mỡ và hạt keo có trong nước thải.

- Môi trường pH
- Lượng hóa chất sử dụng.

Khi người vận hành phát hiện sự thay đổi về tải lượng chất thải đi vào Hệ thống thì thay đổi tăng hoặc giảm lượng hóa chất cho phù hợp.

4.3. CÁC THỦ TỤC CẦN THỰC HIỆN TRONG MỘT CA TRỰC DƯỚI ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG BÌNH THƯỜNG

Phần này sẽ chỉ cho người vận hành cần phải làm gì trong một ca làm việc của mình. Để nước thải sau xử lý có chất lượng tốt, đồng đều, thì *tất cả những người vận hành theo ca kíp đều tuân theo một kế hoạch như nhau.*

4.3.1. Kiểm tra ban đầu

Khi bắt đầu ở tất cả các ca, tổ vận hành phải thông qua các bước sau:

1. Xem xét nhật ký

- a. Có gì bất thường xảy ra không?
- b. Kiểm tra lại tình trạng của thiết bị hút dầu.
- c. Tình trạng bông-bùn trong bể ENTEK

2. Kiểm tra bằng trực quan quá trình đông tụ tạo bông

- a. Ngăn phản ứng, ngăn ổn định
 - Bể có được khuấy trộn đều không?
 - Hạt cặn trong bể
- b. Ngăn lắng lắng:
 - Nước trong? đục?
 - Có nhiều bùn nổi trên bề mặt không?

Đệm bùn trong bể lắng cao hay thấp? Nếu đệm bùn cao, thì phải kiểm tra

- c. Chất lượng dòng ra: Kiểm tra dòng ra, dòng ra cần sạch và không có chất lơ lửng, độ trong đạt yêu cầu.

4.3.2. Tiến hành thí nghiệm

1. Đo PH trong ngăn phản ứng.

2. Làm thí nghiệm các thông số: dầu mỡ, SS, T-N, T-P nếu đến lịch làm thí nghiệm.
3. Làm thí nghiệm lắng 30 phút.
4. Ghi lại lượng hóa chất sử dụng của ngày hôm trước.
5. Kiểm tra xem phèn sắt, vôi, polymer... trong bồn pha hóa chất còn hay đã hết? Nếu hết phải tiến hành pha tiếp.

4.3.3. Ghi chép kết quả kiểm tra và bàn giao

Ghi chép lại kết quả quan sát được và kết quả phân tích thí nghiệm. Khi giao ca phải bàn giao lại cho người trực ca sau một cách cụ thể. Đặc biệt nếu phát hiện ra điều gì bất thường trong ca trực của mình phải báo cho người trực ca sau tiếp tục theo dõi và có biện pháp xử lý.

5.0. CÁC VẤN ĐỀ NẢY SINH TRONG VẬN HÀNH

5.1. NHỮNG SỰ CỐ THƯỜNG GẶP

Trong quá trình vận hành nhiều yếu tố có thể thay đổi mà người vận hành không thể lường trước hoặc thậm chí không điều khiển được nhưng ngay sau khi phát hiện ra sự thay đổi bất thường đó người vận hành có thể bù lại bằng cách điều chỉnh các thông số vận hành.

Bơm ngưng hoạt động:

Trong quá trình hoạt động nếu có xảy ra sự cố như:

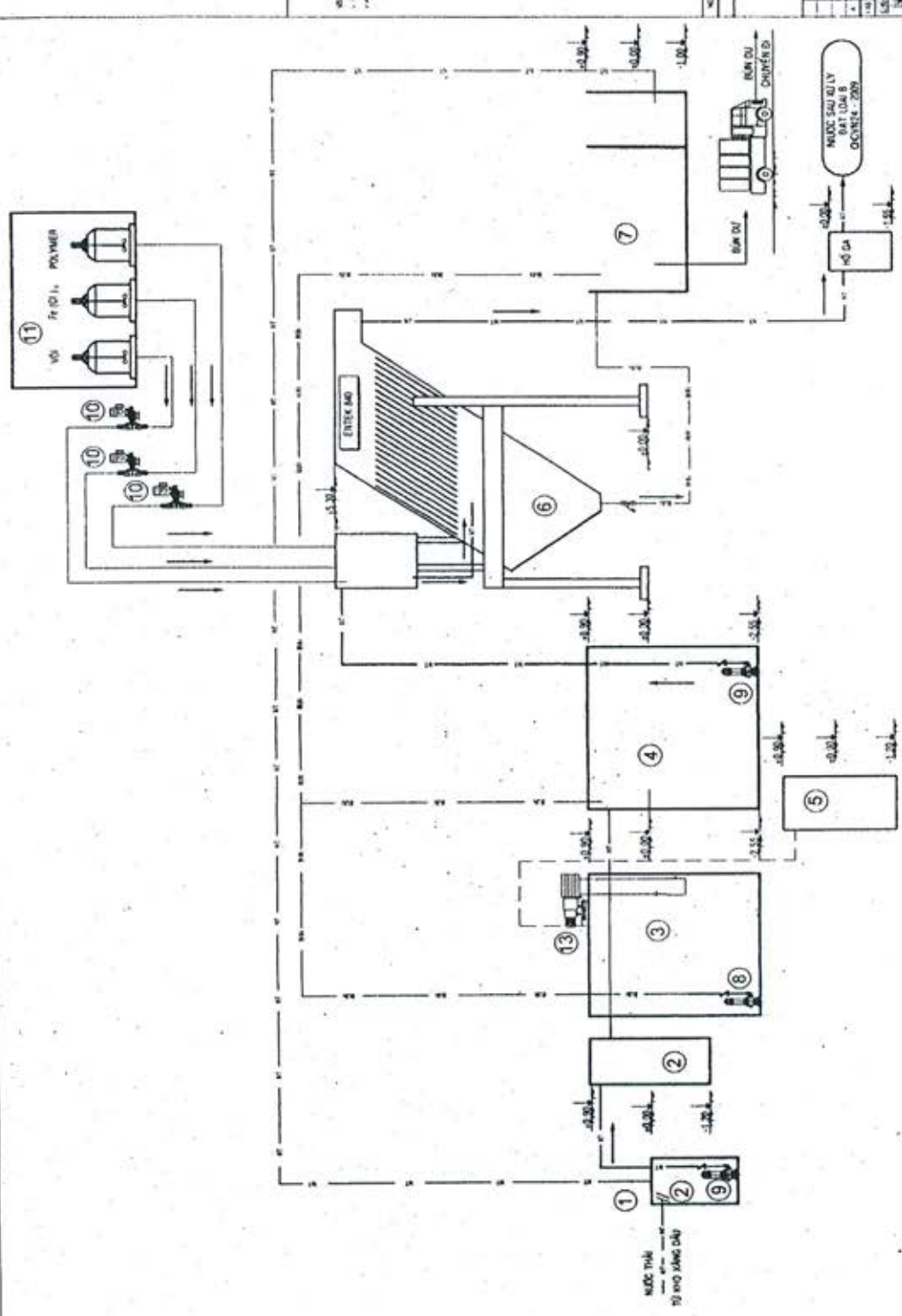
- Bơm có tiếng kêu không bình thường.
- Bơm không hút được nước.
- Lưu lượng bơm không ổn định.

Nếu phát hiện có xảy ra các sự cố được liệt kê trong bảng sau, cần ngưng hoạt động bơm và báo đơn vị có trách nhiệm giải quyết. Không được câu móc thiết bị khác vào hệ thống điện đang sử dụng cho bơm.

Hiện tượng	Nguyên nhân	Giải pháp
1. Bơm không hoạt động (mô tơ không quay)	- Không có nguồn điện - Công tắc tự động bị ngắt - Rờ le nhiệt bị ngắt - Cầu chì cháy - Nối mạch điện không đúng - Mô tơ hoặc tụ điện bị hỏng - Ổ trục bị hỏng	- Kiểm tra nguồn điện - Bật công tắc lần nữa và tìm nguyên nhân - Rờ le nhiệt sẽ tự động bật lại - Thay cầu chì cùng loại - Kiểm tra mạch điện - Liên hệ nhà cung cấp bơm - Liên hệ nhà cung cấp bơm
2. Bơm hoạt động nhưng không đủ công suất.	- Ống bị rò rỉ - Áp lực quá cao	- Kiểm tra đường ống - Kiểm tra (lỗi lọc tinh có thể bị tắc nghẽn)
3. Bơm hoạt động một lúc rồi dừng (rờ le nhiệt ngắt).	- Hư hỏng bên trong bơm	- Liên hệ nhà cung cấp bơm.
4. Bơm không dừng.	- Áp lực quá cao	- Kiểm tra lại áp lực của hệ thống
5. Bơm bị rung hoặc phát ra tiếng ồn.	- Ổ trục bị hỏng. - Có vật lạ rơi vào cánh mô tơ	- Liên hệ nhà cung cấp - Lấy vật lạ ra ngoài

Thông số nước thải đầu ra không đạt yêu cầu

Khi nước thải đầu ra có các thông số như: COD, SS..., không đạt yêu cầu thì người vận hành hệ thống xử lý nước thải phải kiểm tra lại lượng hóa chất cung



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

KÝ HIỆU:

—	BƠM ĐÓNG CẦN NƯỚC THẢI
—	BƠM ĐÓNG CẦN BỀN
—	BƠM ĐÓNG CẦN HÓA CHẤT
—	HƯỚNG NƯỚC BỀN GỖ
—	BƠM ĐÓNG CẦN DẦU THẢI

CHỈ THỊ:

1	SƠNG CẤP SẠC	4	BỂ ĐIỀU HÒA	7	SẠC PHO SỰ	10	BƠM ĐÓNG CẦN	13	BƠM ĐÓNG CẦN
2	HỒ THU GOM - NƯỚNG SẠC	5	HỒ ĐÓNG CẦN THẢI	8	SƠNG SỰ	11	SƠNG SỰ HÓA CHẤT		
3	BỂ LẮNG DẦU	6	THIẾT BỊ ENTER BAO	9	BƠM NƯỚC THẢI				

0.000
1.000
2.000
3.000
4.000
5.000
6.000
7.000
8.000
9.000
10.000
11.000
12.000
13.000
14.000
15.000
16.000
17.000
18.000
19.000
20.000
21.000
22.000
23.000
24.000
25.000
26.000
27.000
28.000
29.000
30.000
31.000
32.000
33.000
34.000
35.000
36.000
37.000
38.000
39.000
40.000
41.000
42.000
43.000
44.000
45.000
46.000
47.000
48.000
49.000
50.000
51.000
52.000
53.000
54.000
55.000
56.000
57.000
58.000
59.000
60.000
61.000
62.000
63.000
64.000
65.000
66.000
67.000
68.000
69.000
70.000
71.000
72.000
73.000
74.000
75.000
76.000
77.000
78.000
79.000
80.000
81.000
82.000
83.000
84.000
85.000
86.000
87.000
88.000
89.000
90.000
91.000
92.000
93.000
94.000
95.000
96.000
97.000
98.000
99.000
100.000

0.000	1.000	2.000	3.000	4.000	5.000	6.000	7.000	8.000	9.000	10.000	11.000	12.000	13.000	14.000	15.000	16.000	17.000	18.000	19.000	20.000	21.000	22.000	23.000	24.000	25.000	26.000	27.000	28.000	29.000	30.000	31.000	32.000	33.000	34.000	35.000	36.000	37.000	38.000	39.000	40.000	41.000	42.000	43.000	44.000	45.000	46.000	47.000	48.000	49.000	50.000	51.000	52.000	53.000	54.000	55.000	56.000	57.000	58.000	59.000	60.000	61.000	62.000	63.000	64.000	65.000	66.000	67.000	68.000	69.000	70.000	71.000	72.000	73.000	74.000	75.000	76.000	77.000	78.000	79.000	80.000	81.000	82.000	83.000	84.000	85.000	86.000	87.000	88.000	89.000	90.000	91.000	92.000	93.000	94.000	95.000	96.000	97.000	98.000	99.000	100.000
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	---------

0.000
1.000
2.000
3.000
4.000
5.000
6.000
7.000
8.000
9.000
10.000
11.000
12.000
13.000
14.000
15.000
16.000
17.000
18.000
19.000
20.000
21.000
22.000
23.000
24.000
25.000
26.000
27.000
28.000
29.000
30.000
31.000
32.000
33.000
34.000
35.000
36.000
37.000
38.000
39.000
40.000
41.000
42.000
43.000
44.000
45.000
46.000
47.000
48.000
49.000
50.000
51.000
52.000
53.000
54.000
55.000
56.000
57.000
58.000
59.000
60.000
61.000
62.000
63.000
64.000
65.000
66.000
67.000
68.000
69.000
70.000
71.000
72.000
73.000
74.000
75.000
76.000
77.000
78.000
79.000
80.000
81.000
82.000
83.000
84.000
85.000
86.000
87.000
88.000
89.000
90.000
91.000
92.000
93.000
94.000
95.000
96.000
97.000
98.000
99.000
100.000



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255) 3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; ISO 9001

BM10/EMC-Q.01.17 19.08.2019 LBH05



VILAS 273

Số/No: 453.2026/QTPT

Quang Ngãi, 20/03/2026

PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI
 - Loại mẫu/Type of sample : Mẫu đất
 - PP lấy mẫu/Sampling method : TCVN 5297:1995

Kí hiệu/Sign	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Ngày thí nghiệm/ Testing date	Toạ độ/ Coordinate	Nguồn gốc/Source
MD71/3/3	12/03/2026	13/03 - 20/03/2026	X: 1705341 Y: 585720	Tại vị trí sẽ lắp đặt các bồn chứa dầu mới của Khu bồn chứa và trạm xăng dầu Quảng Ngãi, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULTS

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results	Ghi chú Note
				MD71/3/3	
1	Asen (As)	TCVN 8963:2021; TCVN 8467:2010	ppm	5,3	
2	Cadimi (Cd)	TCVN 6649:2000; TCVN 6496:2009	mg/kg	KPH (LOD=0,5)	
3	Chì (Pb)	TCVN 6649:2000; TCVN 6496:2009	mg/kg	2,4	
4	Kẽm (Zn)	TCVN 6649:2000; TCVN 6496:2009	mg/kg	61	
5	Đồng (Cu)	TCVN 6649:2000; TCVN 6496:2009	mg/kg	12,9	
6	Tổng Crom (Cr)	TCVN 6649:2000; TCVN 6496:2009	mg/kg	19,2	

Ghi chú/Note:

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected
LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detectionTRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director

Đỗ Tiến Lợi



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255) 3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; ISO 9001

BM10/EMC-Q.07.17 19.08.2019 LBH05



VILAS 273

Số/No: 452.2026/QTPT

Quang Ngãi, 20/03/2026

PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI
 - Loại mẫu/Type of sample : Nước biển ven bờ
 - PP lấy mẫu/Sampling method : TCVN 5998:1995

Kí hiệu/Sign	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Ngày thí nghiệm/ Testing date	Toạ độ/ Coordinate	Nguồn gốc/Source
NB71/3/4	12/03/2026	12/03 - 20/03/2026	X: 1705449 Y: 585942	Tại khu vực sẽ tiếp nhận nước thải dầu ra sau xử lý của Khu bồn chứa và trạm xăng dầu Quảng Ngãi, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULTS

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results	Ghi chú Note
				NB71/3/4	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	8,1	
2	Ôxy hoà tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/l	7,6	
3	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,061	
4	Phosphat (P-PO ₄ ³⁻)	SMEWW 4500-P.E:2023	mg/l	0,11	
5	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520C&F:2023	mg/l	KPH (LOD=1,0)	
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	1,4	
7	Đồng (Cu)	SMEWW 3111C:2023	mg/l	KPH (LOD=0,01)	
8	Sắt (Fe)	SMEWW 3500-Fe.B:2023	mg/l	0,20	
9	Coliform	SMEWW 9221B&C:2023	MPN/100ml	7,8	
10	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111C:2023	mg/l	KPH (LOD=0,03)	

Ghi chú/Note:

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP-Director/Vice Director

Đỗ Tiến Lợi



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255) 3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; ISO 9001



VIMCERTS 029

Số/No: 455.2026/QTPT

Quang Ngãi, 20/03/2026



PHIẾU THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : **KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI**
- Loại mẫu/Type of sample : **Không khí xung quanh**
- PP lấy mẫu/Sampling method : **Theo phương pháp thử**

Kí hiệu/Sign	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Ngày thí nghiệm/ Testing date	Toạ độ/ Coordinate	Nguồn gốc/Source
KX.71/3/1	12/03/2026	12/03 - 15/03/2026	X: 1705320 Y: 585736	Tại khu vực dự kiến lắp đặt các bồn chứa xăng dầu mới của Khu bồn chứa và trạm xăng dầu Quảng Ngãi, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi
KX.71/3/2	12/03/2026		X: 1705300 Y: 585700	Tại khu vực gần nhà bơm dầu, trạm xuất xăng dầu của Khu bồn chứa và trạm xăng dầu Quảng Ngãi, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULTS

TEST RESULTS						
STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		Ghi chú Note
				KX.71/3/1	KX.71/3/2	
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH					
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	27	28	
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	% RH	77	75	
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm³	152	136	
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm³	60	58	
5	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm³	56	52	
6	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm³	6450	6159	
I	TIẾNG ÒN					
7	Mức âm (Leq)	TCVN 7878-2:2018	dBA	54	61	

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

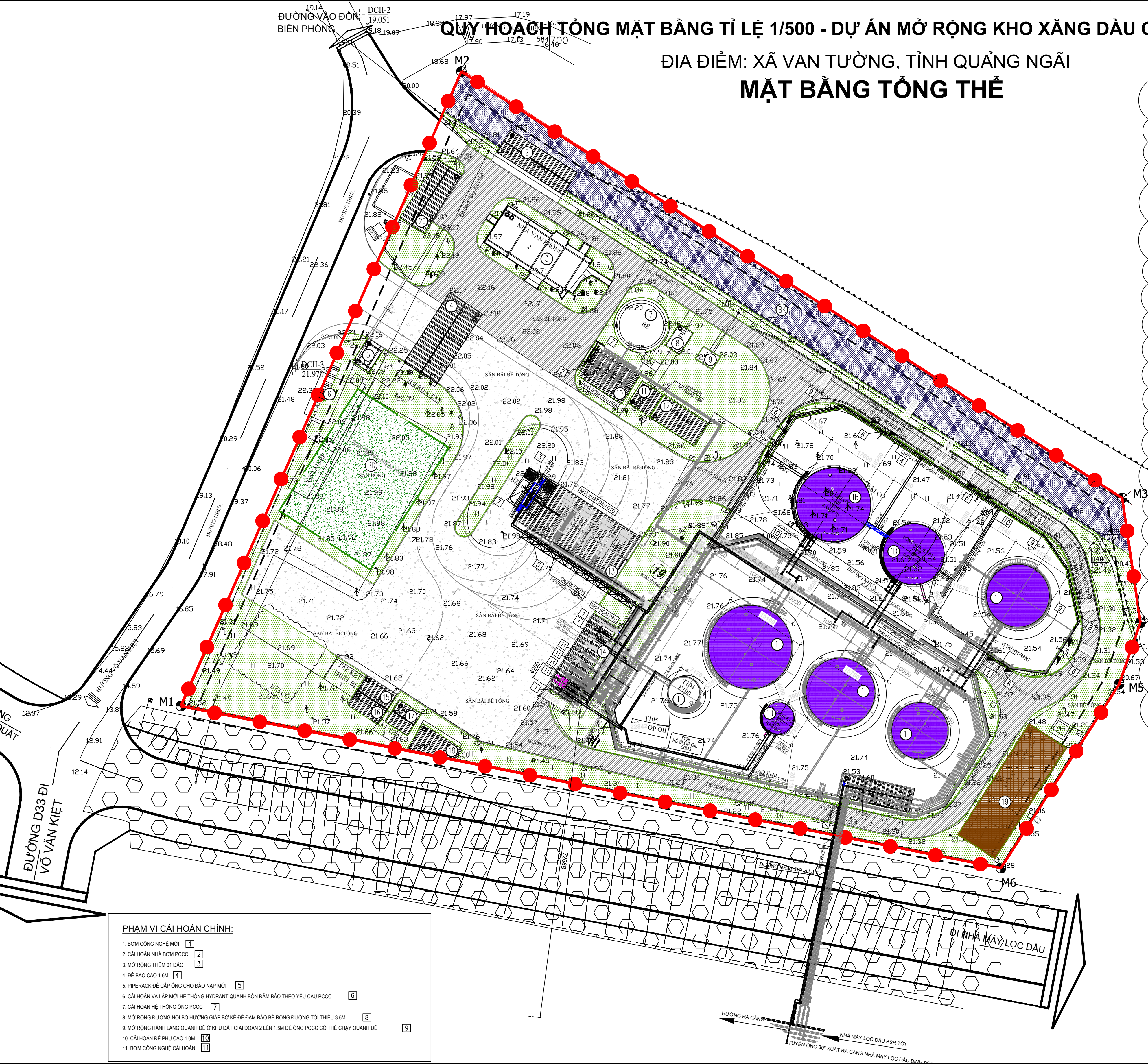
KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director

[Signature]

Hồ Minh Tuấn

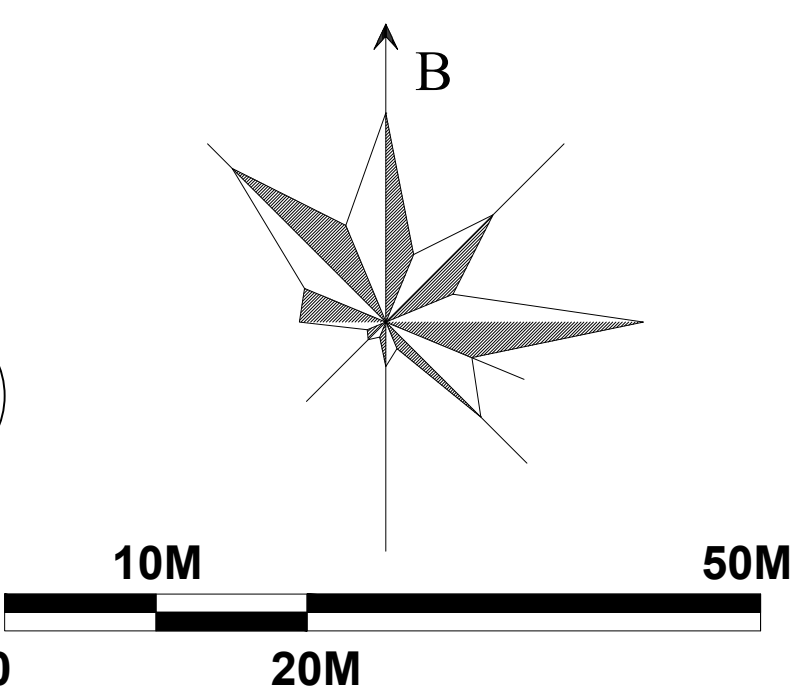


[Signature]
Đỗ Tiên Lợi



Bảng cân bằng sử dụng đất						
TT	Ký hiệu	Mục đích sử dụng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ	Mật độ xây dựng	Tầng cao tối đa
I		ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	8,039.85	34.65%		
1	A1	Bồn chứa xăng dầu	6,009.40	25.90%	100%	18m
2	A2	Nhà nghỉ ca	108.00	0.47%	100%	1
3	A3	Nhà văn phòng, hoá nghiệm, ăn ca	270.00	1.16%	100%	2
4	A4	Nhà kiểm định	171.00	0.74%	100%	2
5	A5	Nhà bảo vệ	30.40	0.13%	100%	1
6	A6	Nhà chờ khách hàng	18.48	0.08%	100%	1
7	A7	Bể nước sinh hoạt, chữa cháy	122.70	0.53%	100%	1
8	A8	Trạm phát điện	48.00	0.21%	100%	1
9	A9	Trạm biến áp	15.64	0.07%	100%	1
10	A10	Trạm bơm	96.00	0.41%	100%	1
11	A11	Nhà vận hành bơm	34.80	0.15%	100%	1
12	A12	Xưởng cơ khí, bảo trì	72.00	0.31%	100%	1
13	A13	Nhà xuất dầu	345.90	1.49%	100%	1
14	A14	Nhà bơm dầu	129.63	0.56%	100%	1
15	A15	Nhà lưu mẫu	34.85	0.15%	100%	1
16	A16	Nhà chứa dung cụ 1	34.85	0.15%	100%	1
17	A17	Nhà chứa dung cụ 2	36.00	0.16%	100%	1
18	A18	Nhà chứa dung cụ 3	56.62	0.24%	100%	1
19	A19	Trạm xử lý nước thải	300.00	1.29%	100%	1
20	A20	Nhà để xe CBCNV	105.60	0.46%	100%	1
II		ĐẤT GIAO THÔNG, SÂN NEN	7,059.11	30.43%		
1	G7	Đường giao thông nội bộ	6,882.50	29.66%	100%	
2		Bô vỉa	176.61	0.76%	100%	
III		ĐẤT CÂY XANH	6,356.60	27.40%		
1	CX1	Cây xanh 1	35.20	0.15%	5%	
2	CX2	Cây xanh 2	220.00	0.95%	5%	
3	CX3	Cây xanh 3	171.70	0.74%	5%	
4	CX4	Cây xanh 4	773.50	3.33%	5%	
5	CX5	Cây xanh 5	128.00	0.55%	5%	
6	CX6	Cây xanh 6	988.10	4.26%	5%	
7	CX7	Cây xanh 7	162.90	0.70%	5%	
8	CX8	Cây xanh 8	3,053.20	13.16%	5%	
9	CX9	Sân bóng đá	824.00	3.55%	100%	
IV	BK	ĐẤT CÔNG TRÌNH HTKT KHÁC	1,745.60	7.52%		
		TỔNG CỘNG	23,201.16	100%		

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	ĐVT	SL
A1	KHU BÓN CHỨA MỚI (02 BÓN V=6.000m ²) T - 202 BÓN CHỨA DẦU DO 17000(L) x 18000(H) T - 203 BÓN CHỨA JET A1 14000(L) x 14000(H) T - 106 BÓN CHỨA E100 7300(L) x 13500(H) VS - 203 BÌNH XÁ NƯỚC ĐẦY BỂ 600(L) x 600(TTT)	m ² bón	2.650 1 1 1 1
A10	P-06 BƠM PCCC BƠ SUNG 1300(L) x 750(W) x 900(H)	m ²	1
A11	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN MỞ RỘNG 6000(L) x 1800(W) MF-XX MÁY PHÁT ĐIỆN MỚI 4800(L) x 1500(W) x 2025(H)	m ²	10.8
A13	NHÀ XUẤT DẦU ÔTÔ LA - 101 CÁN XUẤT DẦU DO LOẠI TOP LOADING LA - 105 CÁN XUẤT JET A1 LOẠI TOP LOADING	Ø Ø	76 4 * 4 *
A14	NHÀ BƠM DẦU P - 12 BƠM XUẤT JET A1 1700(L) x 600(W) x 900(H) P - 13 BƠM XUẤT JET A1 1700(L) x 600(W) x 900(H) P - 14 BƠM NHẬP E100 1400(L) x 600(W) x 900(H)	m ² Bơm	1 1 1
	TỔNG DIỆN TÍCH	m ²	2736.8



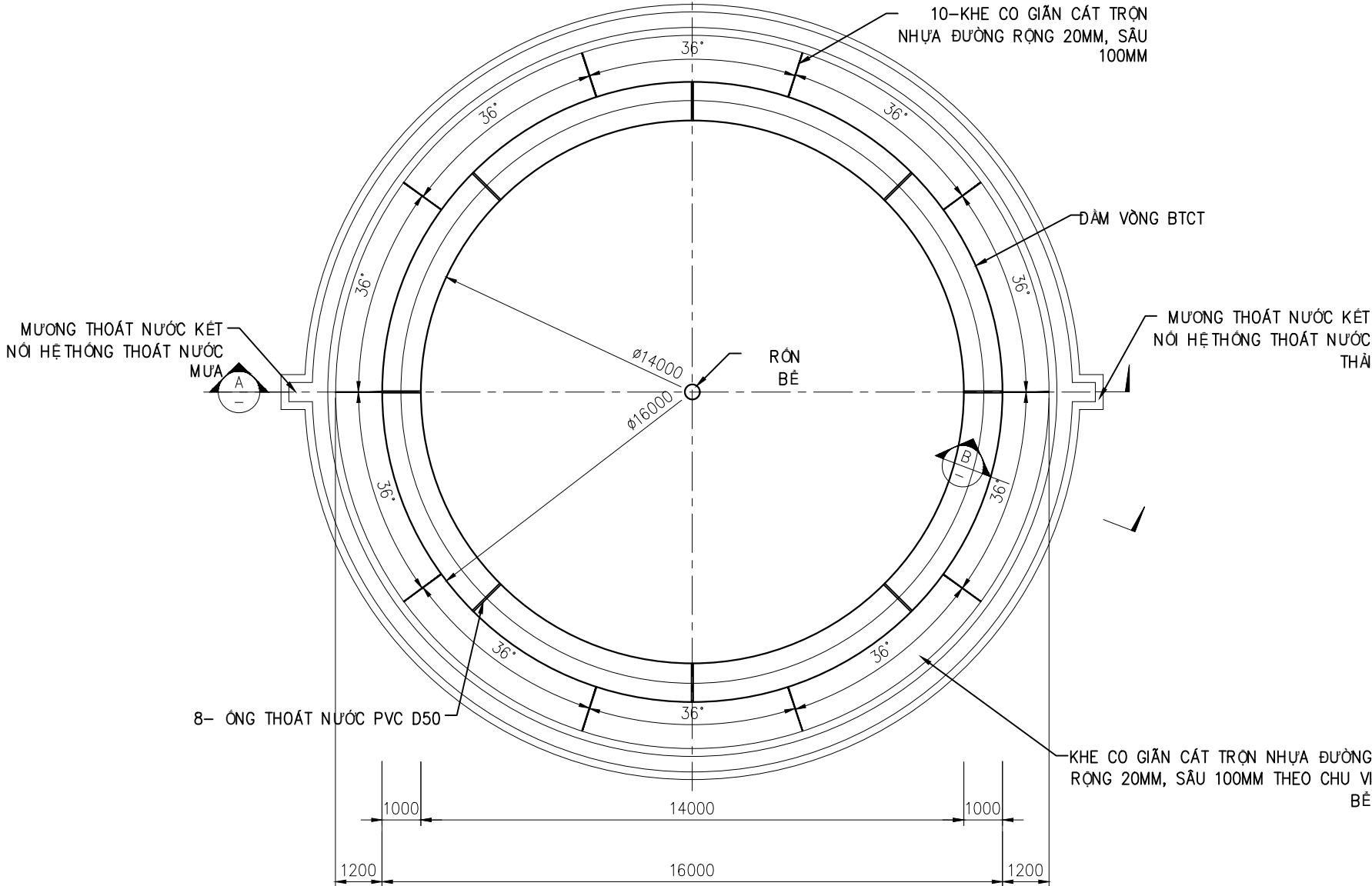
Ghi chú	CÔNG TRÌNH
1	Bón chứa xăng dầu hiện trạng
1B	Bón chứa xăng dầu xây mới
2	Nhà nghỉ ca
3	Nhà văn phòng, hoá nghiệm, ăn ca
4	Nhà kiểm định
5	Nhà bảo vệ
6	Nhà chờ khách hàng
7	Bể nước sinh hoạt, chữa cháy
8	Trạm phát điện
9	Trạm biến áp
10	Trạm bơm
11	Nhà vận hành bơm
12	Xưởng cơ khí, bảo trì
13	Nhà xuất dầu
14	Nhà bơm dầu
15	Nhà lưu mẫu
16	Nhà chứa dung cụ 1
17	Nhà chứa dung cụ 2
18	Nhà chứa dung cụ 3
19	Trạm xử lý nước thải
20	Nhà để xe CBCNV
SB	Sân bãi
BD	Sân bóng đá
BK	Kế chắn

TOẠ ĐỘ RANH GIỚI (VN2000)		
TÊN MỐC	X	Y
M1	1.705.270,21	585.590,92
M2	1.705.415,36	585.655,02
M3	1.705.317,79	585.806,15
M4	1.705.289,32	585.810,31
M5	1.705.275,22	585.805,45
M6	1.705.233,17	585.778,41

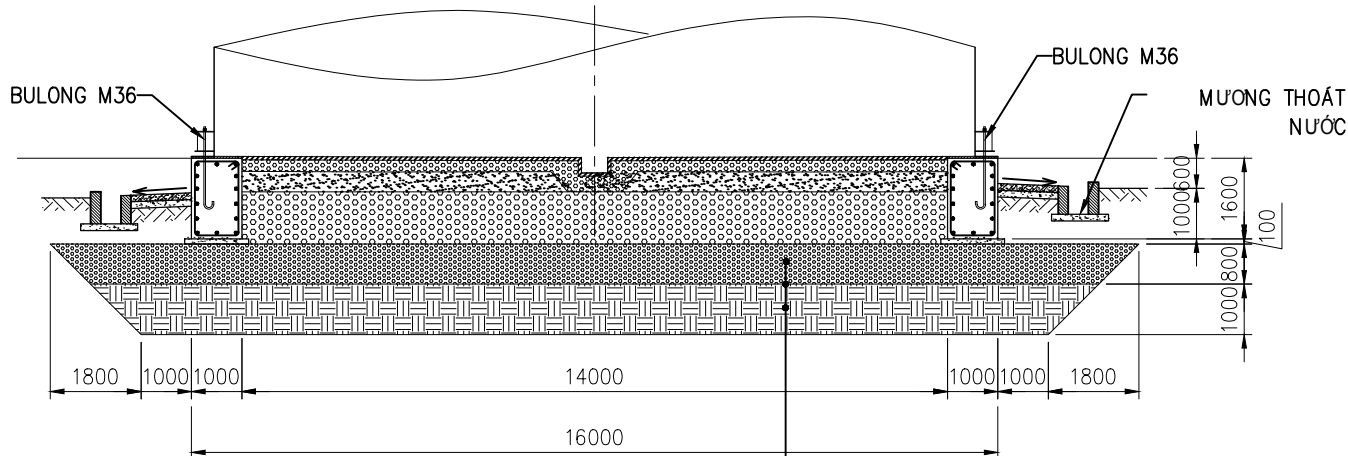
- KÝ HIỆU:**
- RANH GIỚI KHU ĐẤT
 - MÁI BÓN BÊ BẰNG THÉP
 - ▨ MÁI LỘP TÔN
 - MÁI BÊ TÔNG CỐT THÉP
 - ▨ ĐẤT CÂY XANH
 - ▨ ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ, SÂN BÃI
 - ▨ SÂN BÃI BTCT
1. KÍCH THƯỚC LÀ M TRỪ NHỮNG GHI CHÚ KHÁC.
- PHẠM VI TUYẾN ỚNG CÔNG NGHỆ
 - PHẠM VI TUYẾN ỚNG PCCC
 - HIỆN HỮU
 - ĐỀ LÂM MỚI
 - CẢI HOÀN ĐƯỜNG
 - CẢI HOÀN ĐỀ

- PHẠM VI CẢI HOÀN CHÍNH:**
- BƠM CÔNG NGHỆ MỚI [1]
 - CẢI HOÀN NHÀ BƠM PCCC [2]
 - MỞ RỘNG THÊM 01 ĐÁO [3]
 - ĐỀ BẢO CAO 1.8M [4]
 - PIPERACK BẾ CẤP ỚNG CHO ĐÁO NẠP MỚI [5]
 - CẢI HOÀN VÀ LẬP MÔI HỆ THỐNG HYDRANT QUANH BÓN ĐÁM BẢO THEO YẾU CẦU PCCC [6]
 - CẢI HOÀN HỆ THỐNG ỚNG PCCC [7]
 - MỞ RỘNG ĐƯỜNG NỘI BỘ HƯỚNG GIÁP BƠ KẾ ĐỀ ĐÁM BẢO BẾ RỘNG ĐƯỜNG TỐI THIỂU 3.5M [8]
 - MỞ RỘNG HÀNH LANG QUANH ĐỀ Ở KHU ĐẤT GIAI ĐOẠN 2 LÊN 1.5M ĐỀ ỚNG PCCC CÓ THỂ CHẠY QUANH ĐỀ [9]
 - CẢI HOÀN BẾ PHỤ CAO 1.0M [10]
 - BƠM CÔNG NGHỆ CẢI HOÀN [11]

											Ngày:	TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN (PVOIL)		 TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN (PVOIL)	CHỦ ĐẦU TƯ:  CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT KẾ PHƯƠNG ANH (PAC)	DỰ ÁN: MỞ RỘNG KHO XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2				
												GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI								
												TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ								
STT	SỐ TÀI LIỆU/ BẢN VẼ	LXB	TỔ SỐ	1	04/08/2026	Xuất bản để phê duyệt	L.V.BÌNH	N.H.TRƯỜNG	N.H.TRƯỜNG	V.H.VIÊN						MÃ DỰ ÁN	TỶ LỆ	SỐ BẢN VẼ	TỔ SỐ	LXB
TÀI LIỆU/ BẢN VẼ THAM KHẢO				LXB	NGÀY	MÔ TẢ	THỰC HIỆN	KIỂM TRA	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	CHỦ NHIỆM DỰ ÁN						PVOIL	1 / 500	PVOIL.PA-FS-CI-DWG - 001	1/1	1



MẶT BẰNG MÓNG BỒN JET A1
SCALE: 1/150



MẶT CẮT A
SCALE: 1/150

CẤP PHỐI ĐÁ DẼM LOẠI 1, Dmax 37.5, DÀY 0.8M, ĐÀM CHẶT K=0.95
VẬT LIỆU KỸ THUẬT LOẠI 2 PHƯƠNG CƯỜNG ĐỘ 50x50 KN/M
ĐẤT TỰ NHIÊN DÀY 1.2M ĐÀM CHẶT K=0.95

- GHI CHÚ:**
- TAÁT CAO CAUC KÍCH THƯỚC LAØ MM, TRỒ NHỜNG GHI CHUỒ KHAỒC.
 - CAO NỜA LAØ M, TRỒ NHỜNG GHI CHUỒ KHAỒC.
 - CAO NỜA ±0.00 TỜNG ỜNG VỜU CAO NỜA +21.65 HỜN ĐAỒ

0	Xuất bản để phê duyệt	06/2026
A	Xuất bản để xem xét	04/2026
LẦN XUẤT BẢN	MÔ TẢ	NGÀY

TÔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN (PVOIL)

CHỦ ĐẦU TƯ:



TÔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN (PVOIL)

NHÀ THẦU TƯ VẤN:



CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT KẾ
PHƯƠNG ANH (PAC)

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	V.H.VIÊN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	V.H.VIÊN	
KIỂM TRA	V.H.VIÊN	
THỰC HIỆN	N.V.THẢO	

DỰ ÁN:

MỞ RỘNG KHO XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2

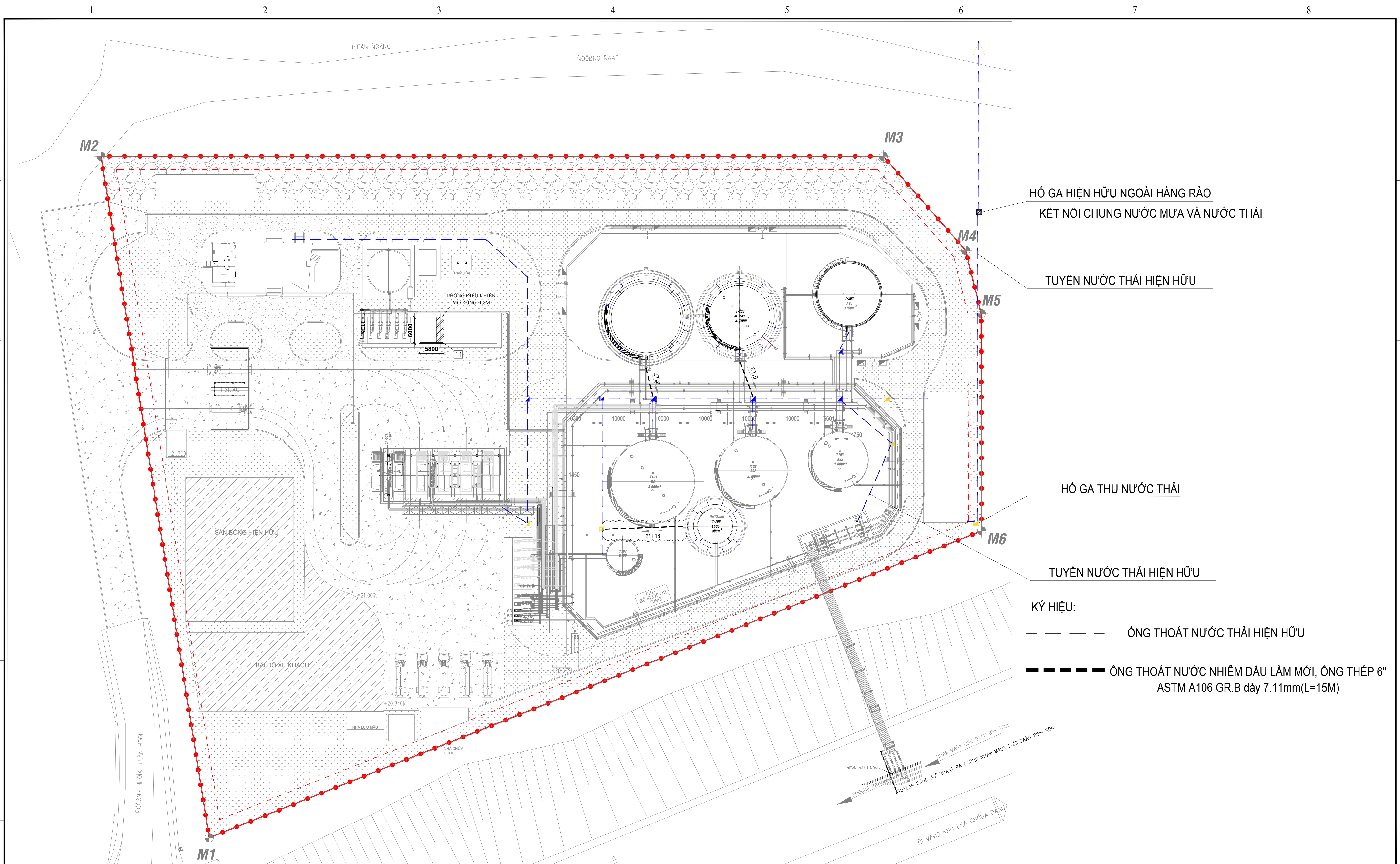
GIAI ĐOẠN:

LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

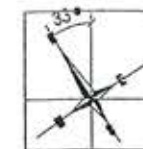
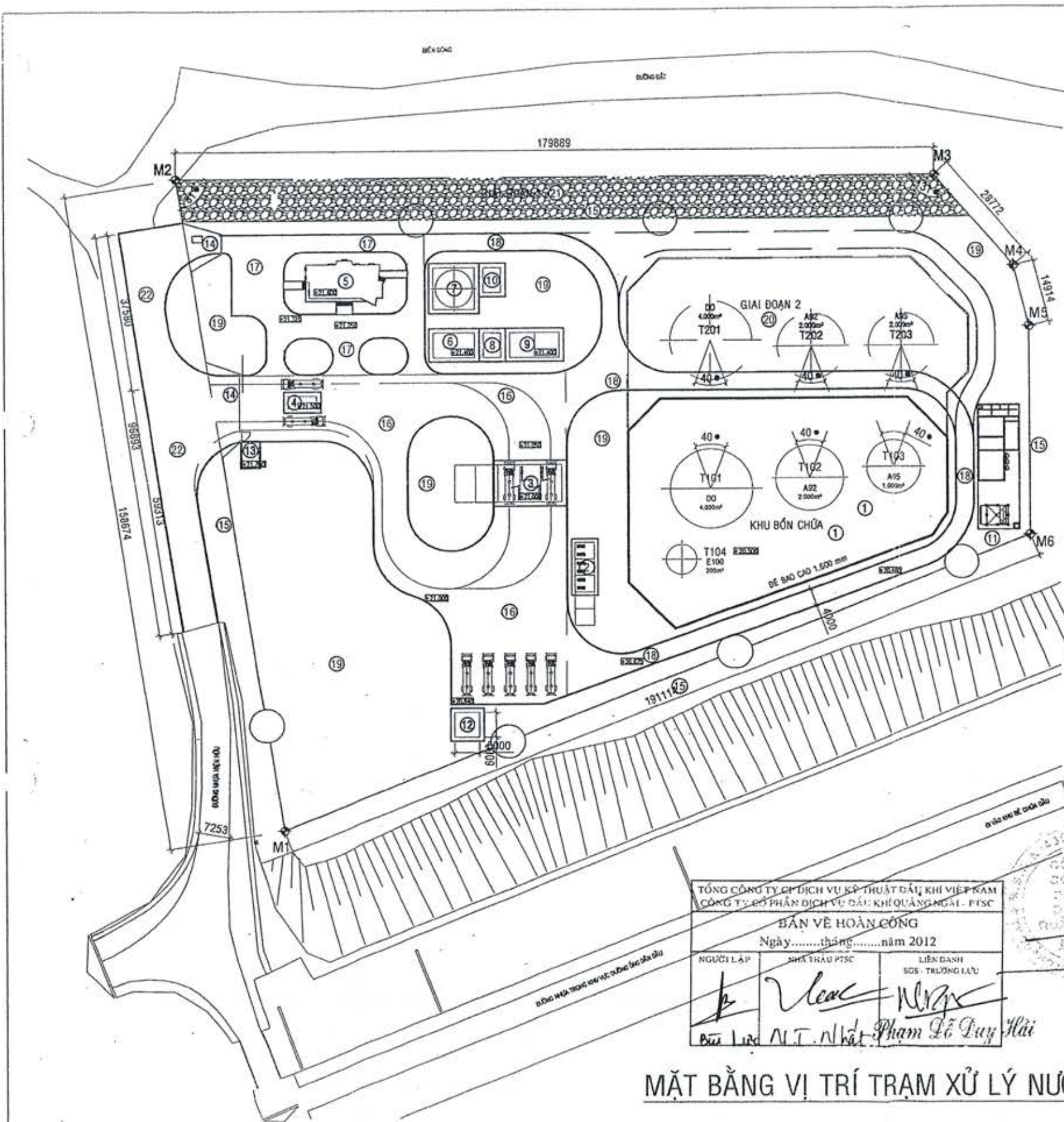
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG VÀ CHI TIẾT MÓNG BỒN JET A1

MDA	TỶ LỆ	SỐ BẢN VẼ	TỔ	LXB
PVOIL	.../...	PVOIL.PA-FS-CI-DWG-009	1/2	0



				Ngày:				CHỦ ĐẦU TƯ:				DỰ ÁN:			
								TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN				MỞ RỘNG KHO XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2			
								PETROVIETNAM PVOIL				GIAI ĐOẠN:			
								NHÀ THẦU TƯ VẤN:				LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI			
								CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT KẾ PHƯƠNG ANH (PAC)				TÊN BẢN VẼ:			
												MẬT BẢNG VÀ CHI TIẾT HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI			
												MÃ DỰ ÁN			
												TỶ LỆ			
												SỐ BẢN VẼ			
												TỜ SỐ			
												LXB			



TỌA ĐỘ RANH GIỚI (VN2000)

TÊN MỐC	X	Y
M1	1.705.270,21	585.590,92
M2	1.705.415,36	585.555,02
M3	1.705.317,79	585.806,15
M4	1.705.289,32	585.810,31
M5	1.705.275,22	585.805,45
M6	1.705.233,17	585.778,41

BẢNG KÊ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ SỐ LƯỢNG
1	KHU BÓN GIAI ĐOẠN 1 (4 BÓN V=7.200m³)	m³
2	BÓN CHỨA DẦU DỖ V=4.000m³	m³
3	BÓN CHỨA XĂNG A92 V=2.000m³	m³
4	BÓN CHỨA XĂNG A95 V=1.000m³	m³
5	BÓN CHỨA CỐN E100 V=200m³	m³
6	NHÀ BƠM DẦU	m²
7	NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (2 tầng)	m²
8	NHÀ VÁN PHÒNG, HOÀ NGHIÊM, ĂN CÀ	m²
9	TRẠM BƠM NƯỚC CHỨA CHÁY	m²
10	KHU BẾ NƯỚC SINH HOẠT, CHỨA CHÁY	m²
11	NHÀ VÁN HẠNH	m²
12	XUỐNG CỎ KHÍ, BẢO TRÌ	m²
13	TRẠM PHÁT BIỆN	m²
14	KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI	m²
15	NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG	m²
16	NHÀ BẢO VỆ	m²
17	CỔNG CHÍNH (13m), CỔNG PHỤ (4m)	m
18	HÀNG RÀO	m
19	ĐƯỜNG BÊ TÔNG NHỰA NẮNG	m²
20	ĐƯỜNG BÊ TÔNG NHỰA NHẸ	m²
21	ĐƯỜNG LĂNG NHỰA CHỨA CHÁY	m²
22	CÂY XANH THẨM CỎ	m²
23	KHU BÓN GIAI ĐOẠN 2 (03 BÓN V=8.000m³)	m³
24	BỒ KẾ (GIAI ĐOẠN 2)	m³
25	ĐƯỜNG DẪN YẾU KHO BÊ TÔNG NHỰA NẮNG	m²

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI - PTSC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 2012

NGƯỜI LẬP: *[Signature]*
NHÀ THẦU PTSC: *[Signature]*
LIÊN DANH: *[Signature]*
SGS - TRƯỞNG LƯU: *[Signature]*
BƯU LƯU: *[Signature]*

GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hùng

MẶT BẰNG VỊ TRÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TL : 1/100

CÔNG TY TNHH TRƯỞNG LƯU

ĐÃ THẨM TRA

Người thẩm tra: *Lê Hữu Hải*

Chức vụ: *[Signature]*

Chữ ký: *[Signature]*

GHI CHÚ:

1. TẤT CẢ KÍCH THƯỚC LÀ MM, NGOẠI TRỪ NHỮNG GHI CHÚ KHÁC

2. HỆ TỌA ĐỘ VN2000

KÍ HIỆU:

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PVOIL)

BẢN VẼ THIẾT KẾ
ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
ngày 12 tháng 3 năm 2012

[Signature]

NGÀY 12/2011 NGÀY 12/2011

PVE

PV OIL



12/2011 XUẤT BẢN ĐỂ THI CÔNG Đ.T.H.T N.T.H H.N.V Đ.V.T

A 09/2011 XUẤT BẢN ĐỂ PHÊ DUYỆT Đ.T.H.T N.T.H H.N.V Đ.V.T

LXB NGÀY MÔ TẢ THIẾT KẾ KIỂM TRA CHỮ TRỊ CND

CHỦ ĐẦU TƯ:

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

LIÊN DANH NHÀ THẦU:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM (PTSC)

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ PETECHIM

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP

DỰ ÁN:

KHU BÓN CHỨA
VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI

GIAI ĐOẠN:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG VỊ TRÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MÃ CV	TỈ LỆ	SỐ BẢN VẼ	TỜ	LXB
305011	1/25	305011 - DWG - 08 - 004	1/1	0

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	K.LƯỢNG	TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	K.LƯỢNG
01	BƠM BÙN Q=10M³/H-H=6M-N=0,6kw	BỘ	02	14	BULONG M10	CÁI	18
02	BƠM NƯỚC THẢI Q=40M³/H-H=9M-N=2,5kw	BỘ	02	15	SS304 L50x50x3, L=1.2M	CÁI	02
03	BƠM SKIMMER Q=200L/H - N=0,4kw	BỘ	01	16	SS304 U80x40x4.5, L=1.2M	CÁI	02
04	ỐNG UPVC Ø168	M	10	17	SS304 Ø6, L=1.2M	CÁI	63
05	ỐNG UPVC Ø114	M	100	18	TÊ STK Ø60	CÁI	15
06	ỐNG UPVC Ø90	M	30	19	CO STK Ø60	CÁI	20
07	ỐNG UPVC Ø60	M	50	20	TÊ UPVC Ø114	CÁI	15
08	ỐNG SS D40	M	10	21	CO UPVC Ø114	CÁI	45
09	ỐNG NHỰA MỀM DẪN HÓA CHẤT	M	75	22	CO UPVC Ø60	CÁI	16
10	CÙM ỐNG SS304 Ø114	CÁI	20	23	CO UPVC Ø90	CÁI	08
11	V 30x30x2 SS304	CẤP	170	24	VAN 2 CHIỀU ĐỒNG Ø168	CÁI	02
12	TỦ ĐIỀU KHIỂN BƠM PHÒNG XỬ LÝ NT	BỘ	01	25	VAN 2 CHIỀU ĐỒNG Ø114	CÁI	03
13	THIẾT BỊ ENTEK	BỘ	01	26	VAN 1 CHIỀU ĐỒNG Ø114	CÁI	01
	BƠM HÓA CHẤT Q=150L/H-H=3M - N=0,6kw	BỘ	03	27	VAN 2 CHIỀU ĐỒNG Ø90	CÁI	03
	BỒN HÓA CHẤT 1M3 (NHỰA 4 LỚP)+ HÓA CHẤT	BỘ	04	28	VAN 1 CHIỀU ĐỒNG Ø90	CÁI	01
	BƠM NƯỚC THẢI Q=40M³/H-H=9M-N=2,5kw (ĐẶT NỔ)	BỘ	02	29	VAN 2 CHIỀU ĐỒNG Ø60	CÁI	02
	BƠM KHUẤY	BỘ	03	30	VAN 1 CHIỀU ĐỒNG Ø60	CÁI	01



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hùng

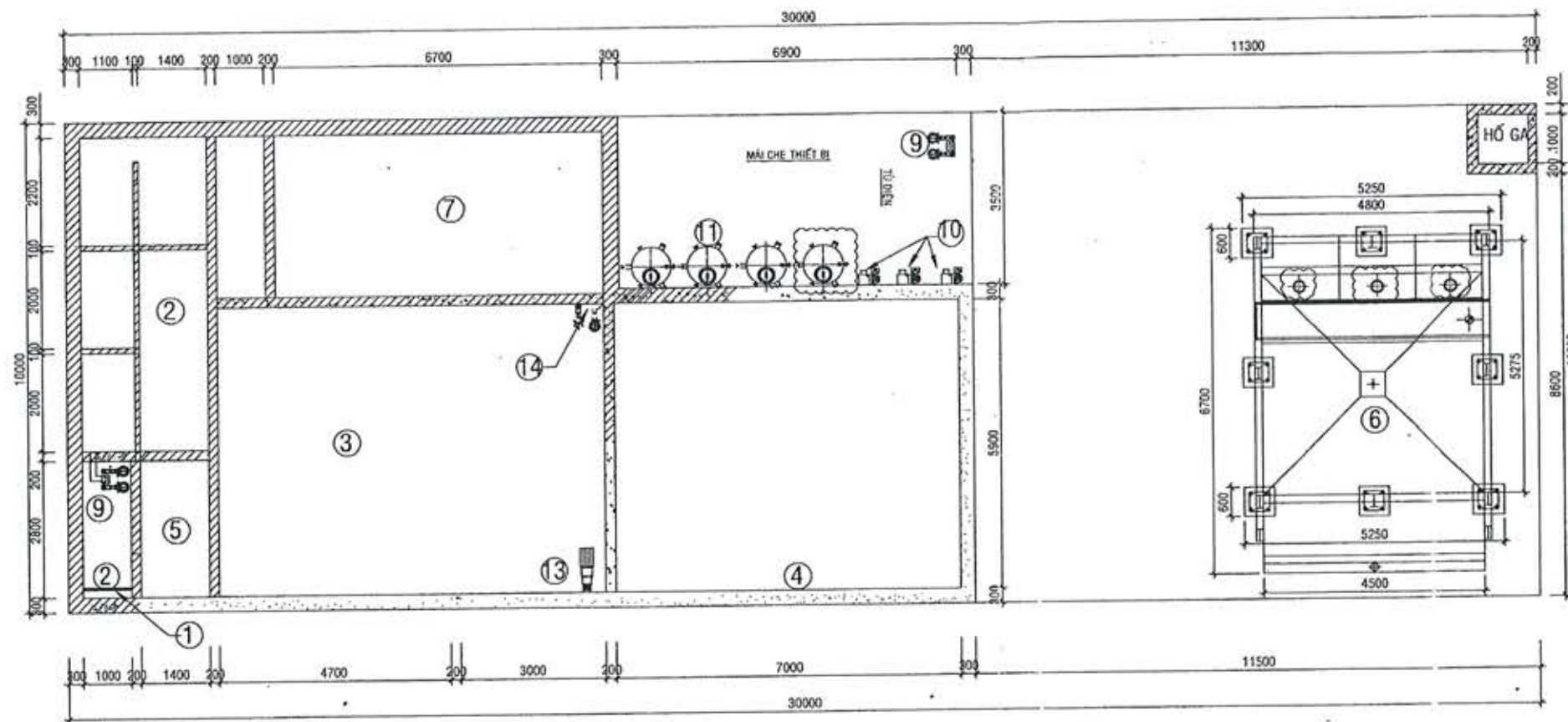
TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI - PTSC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 28 tháng 6 năm 2012		
NGƯỜI LẬP	KHÁ THẦU PTSC	LIÊN DANH
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	SGS - TRƯỞNG LƯU
		<i>[Signature]</i>

GHỊ CHÚ:

1. TẤT CẢ KÍCH THUỘC LÀ MM. (ĐƠN VỊ TRỪ KHÔNG GHỊ CHỮ KÍ) (ĐƠN VỊ TRỪ KHÔNG GHỊ CHỮ KÍ)
2. HỆ TOA ĐỘ VN 2000

KÍ HIỆU:

NGÀY	12/2011	NGÀY	12/2011																					
PVE		PV OIL																						
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>D</td><td>12/2011</td><td>XUẤT BẢN ĐỂ THI CÔNG</td><td>Đ.T.H.T</td><td>N.T.H</td><td>H.N.V</td><td>Đ.V.T</td></tr> <tr> <td>A</td><td>09/2011</td><td>XUẤT BẢN ĐỂ PHÊ DUYỆT</td><td>Đ.T.H.T</td><td>N.T.H</td><td>H.N.V</td><td>Đ.V.T</td></tr> <tr> <td>LXB</td><td>NGÀY</td><td>MÔ TẢ</td><td>THIẾT KẾ</td><td>KIỂM TRA</td><td>CHỦ TRÌ</td><td>CNDA</td></tr> </table>				D	12/2011	XUẤT BẢN ĐỂ THI CÔNG	Đ.T.H.T	N.T.H	H.N.V	Đ.V.T	A	09/2011	XUẤT BẢN ĐỂ PHÊ DUYỆT	Đ.T.H.T	N.T.H	H.N.V	Đ.V.T	LXB	NGÀY	MÔ TẢ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	CHỦ TRÌ	CNDA
D	12/2011	XUẤT BẢN ĐỂ THI CÔNG	Đ.T.H.T	N.T.H	H.N.V	Đ.V.T																		
A	09/2011	XUẤT BẢN ĐỂ PHÊ DUYỆT	Đ.T.H.T	N.T.H	H.N.V	Đ.V.T																		
LXB	NGÀY	MÔ TẢ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	CHỦ TRÌ	CNDA																		
CHỦ ĐẦU TƯ:																								
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM																								
LIÊN DANH NHÀ THẦU:																								
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (PTSC)																								
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ PETECHIM																								
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTC																								
DỰ ÁN:																								
KHU BỐN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI																								
GIAI ĐOẠN:																								
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG																								
TÊN BẢN VẼ:																								
BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ																								
MÃ CV	TỈ LỆ	SỐ BẢN VẼ	TỜ																					
305011	-	305011 - DS - 08 - 002	1/1																					
		LXB	0																					



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TL : 1/100

GHI CHÚ:

- | | | | | |
|--------------------------|----------------------|-----------------|---------------------|-----------------------------|
| ① SONG CHẮN RÁC | ④ BỂ ĐIỀU HÒA | ⑦ SÀN PHÔI BÙN | ⑩ BƠM ĐỊNH LƯỢNG | ⑬ BƠM HÚT DẦU (OIL SKIMMER) |
| ② HỒ THU GOM + MƯƠNG DẪN | ⑤ HỒ DỰNG DẦU THẢI | ⑧ BƠM BÙN | ⑪ BƠM ĐUNG HÓA CHẤT | |
| ③ BỂ TÁCH DẦU | ⑥ THIẾT BỊ ENTEK 840 | ⑨ BƠM NƯỚC THẢI | ⑫ BƠM KHUẤY | |

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI - PTSC

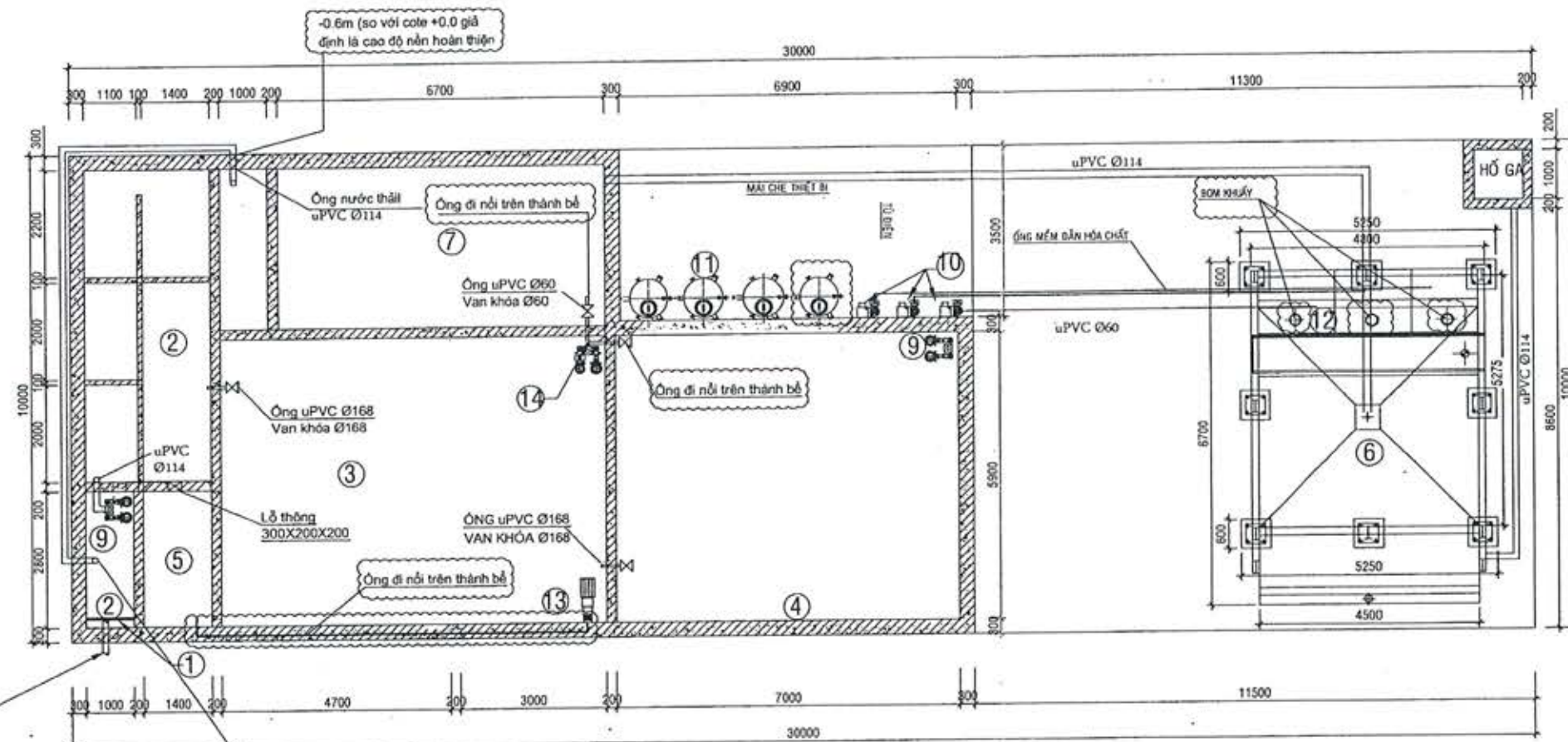
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 28 tháng 6 năm 2012

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU PTSC	LIÊN DANH
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	SGS - TRƯỞNG LƯU
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hùng

NGÀY		NGÀY				
PVE		PV OIL				
0	12/2011	XUẤT BẢN ĐỂ THI CÔNG	ĐHT	NTH	NHV	Đ.V.T
A	09/2011	XUẤT BẢN ĐỂ PHÊ DUYỆT	ĐHT	NTH	NHV	Đ.V.T
LXB	NGÀY	MÔ TẢ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	CHỦ TRÌ	CNDA
CHỦ ĐẦU TƯ:						
		TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM				
LIÊN DANH NHÀ THẦU:						
		TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (PTSC)				
		CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ PETECHIM				
		TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP				
DỰ ÁN:		KHU BỐN CHÙA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI				
GIAI ĐOẠN:		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG				
TÊN BẢN VẼ:						
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI						
MÃ CV	TỈ LỆ	SỐ BẢN VẼ		TỜ	LXB	
305011	N/A	305011-DWG-08-003		1/1	0	



21.46 (Cao độ nền)
21.12 (cao độ đáy ống)
Xem bản vẽ 305011-DWG-06-007

-0.63m (so với cote +0.0 giả
định là cao độ nền hoàn thiện)

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TL : 1/100

GHI CHÚ:

- | | | | | |
|--------------------------|----------------------|-----------------|---------------------|-----------------------------|
| ① SONG CHẤN RÁC | ④ BỂ ĐIỀU HÒA | ⑦ SÀN PHƠI BÚN | ⑩ BƠM ĐỊNH LƯỢNG | ⑬ BƠM HÚT DẦU (OIL SKIMMER) |
| ② HỒ THU GOM + MƯỜNG DẪN | ⑤ HỒ ĐỰNG DẦU THẢI | ⑧ BƠM BÚN | ⑪ BỒN ĐỰNG HÓA CHẤT | |
| ③ BỂ TÁCH DẦU | ⑥ THIẾT BỊ ENTEK 840 | ⑨ BƠM NƯỚC THẢI | ⑫ BƠM KHUẤY | |



PHẠM VĂN HÙNG
PHẠM VĂN HÙNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI - PTSC		
BẢN VẼ THIẾT KẾ CÔNG		
Ngày 28/06/2012		
NGƯỜI LẬP	ĐIỀU CHỈNH	LIÊN DANH
B. L. H.	N. T. H.	S. S. T. H.
PHẠM VĂN HÙNG		

NGÀY		NGÀY				
	PVE		PV OIL			
0	12/2011	XUẤT BẢN ĐỂ THI CÔNG	DTHT	NTH	NHV	Đ.V.T
A	09/2011	XUẤT BẢN ĐỂ PHÉ DUYỆT	DTHT	NTH	NHV	Đ.V.T
LXB	NGÀY	MÔ TẢ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	CHỦ TRÌ	CNDA

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

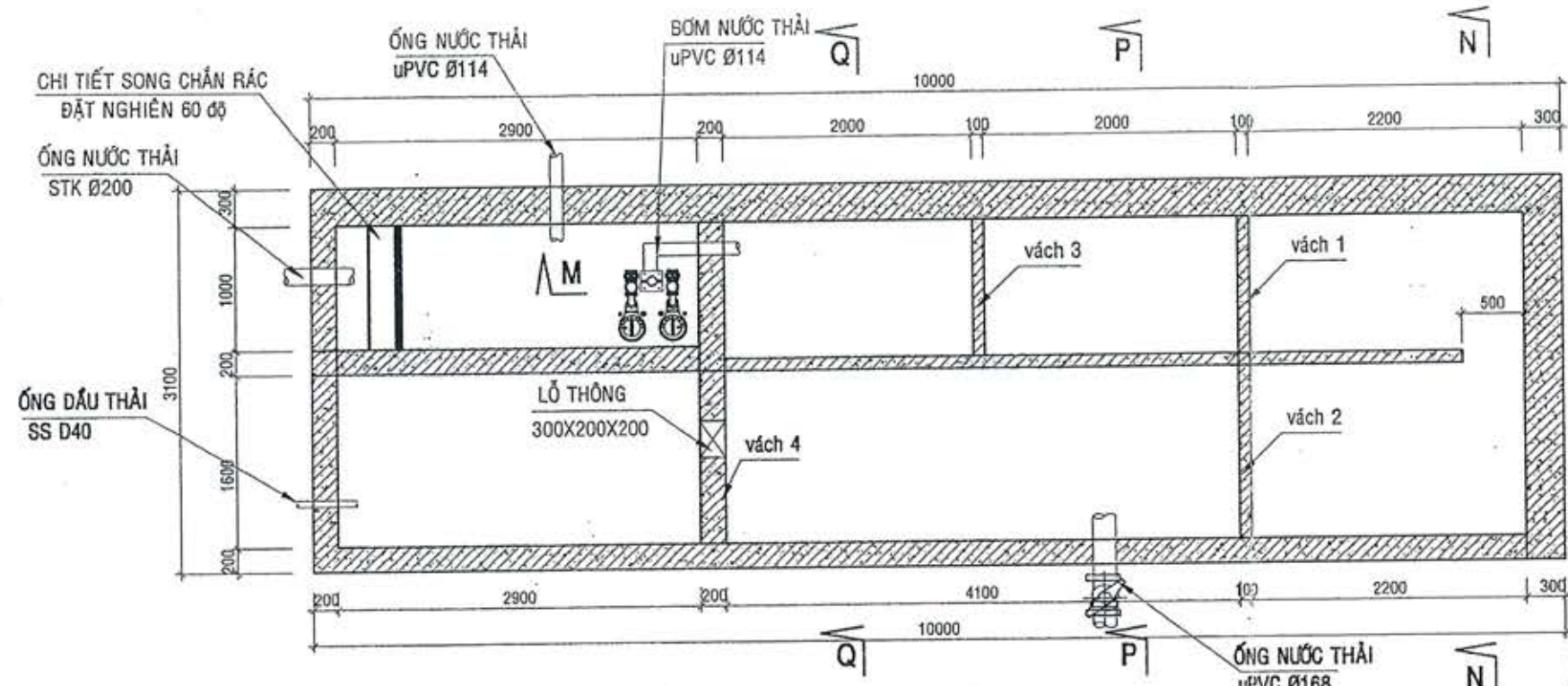
LIÊN DANH NHÀ THẦU:
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (PTSC)
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ PETECHIM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP

DỰ ÁN: KHU BỒN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI

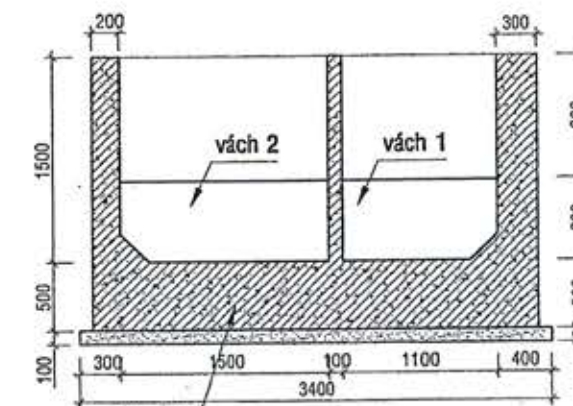
GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

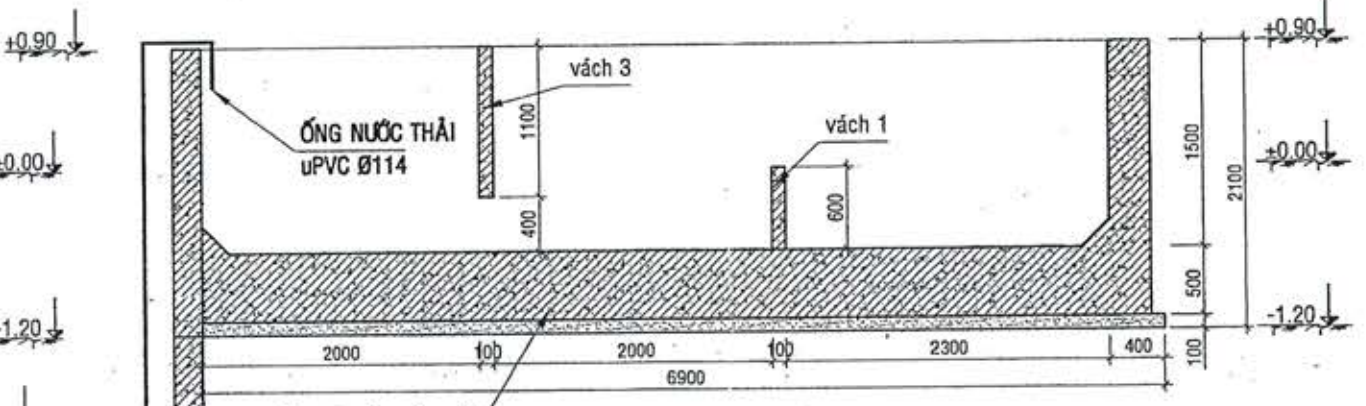
MÃ CV	TỈ LỆ	SỐ BẢN VẼ	TỜ	LXB
305011	N/A	305011-DWG-08-006	1/1	0



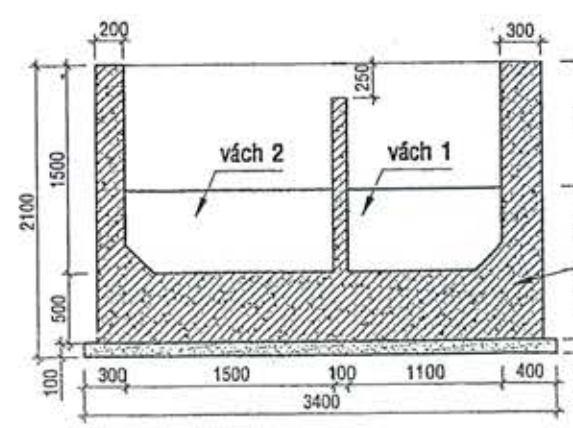
MẶT BẰNG CHI TIẾT MƯƠNG DẪN DẦU TL : 1/50



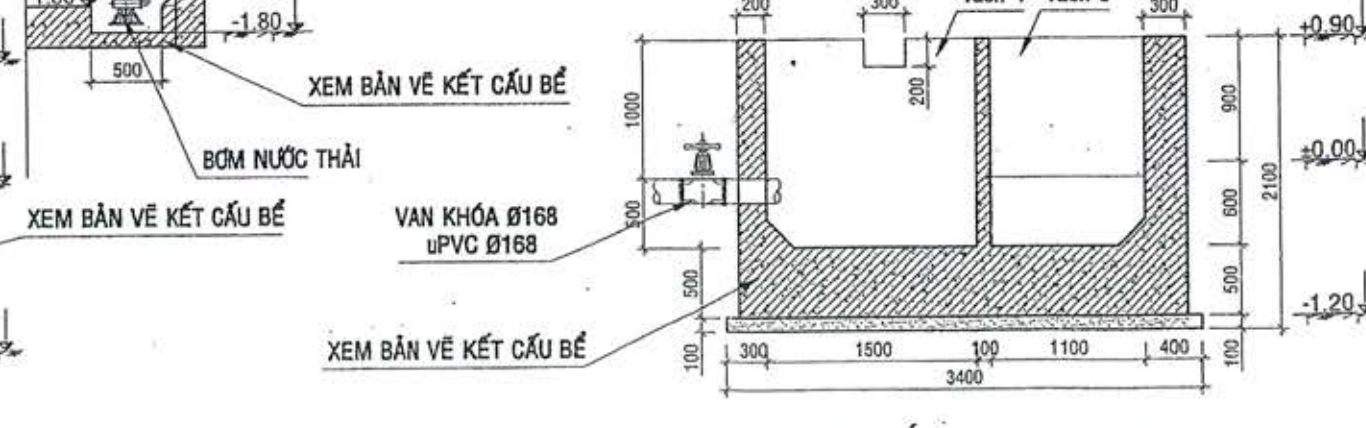
MẶT CẮT N-N TL : 1/50



MẶT CẮT M-M TL : 1/50



MẶT CẮT Q-Q TL : 1/50



MẶT CẮT P-P TL : 1/50

CÔNG TY TNHH TRƯỜNG LƯU
ĐÃ THẨM TRA
 Người thẩm tra: *Lê Hữu Hải*
 Chức vụ: *lưu*
 Chữ ký: *lưu*

GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hùng
 TÀI CHẾ
Phạm Văn Hùng
 NGƯỜI LẬP
Phạm Văn Hùng
 NGƯỜI CHẤM
Phạm Văn Hùng

GHI CHÚ
 1. TẤT CẢ KÍCH THƯỚC LÀ MM, NGOẠI TRỪ NHỮNG GHI CHÚ KHÁC
 2. HỆ TỌA ĐỘ 2000
 KÍ HIỆU
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PVOIL)
BẢN VẼ THIẾT KẾ
ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
 ngày 12 tháng 1 năm 2012
 NGÀY 12/2011 NGÀY 12/2011
 PVE PV OIL



STT	NGÀY	MÔ TẢ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	CHỦ TRÌ	CND
0	12/2011	XUẤT BẢN ĐỂ THI CÔNG	Đ.T.H.T	N.T.H	H.N.V	Đ.V.T
1	09/2011	XUẤT BẢN ĐỂ PHÊ DUYỆT	Đ.T.H.T	N.T.H	H.N.V	Đ.V.T

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

LIÊN DANH NHÀ THẦU:
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (PTSC)
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ PETECHIM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTC

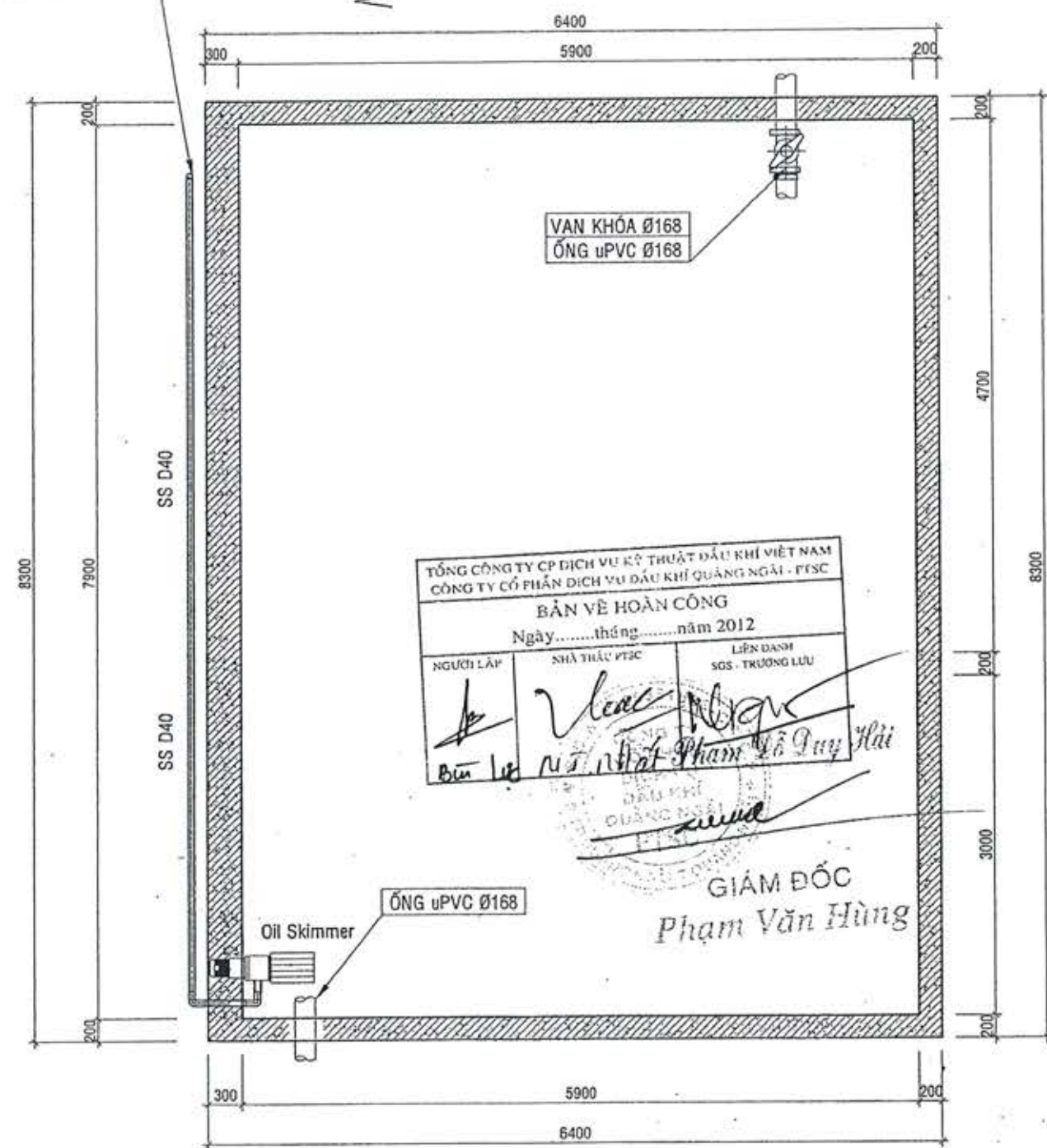
DỰ ÁN:
 KHU BÓN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI

GIAI ĐOẠN:
 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

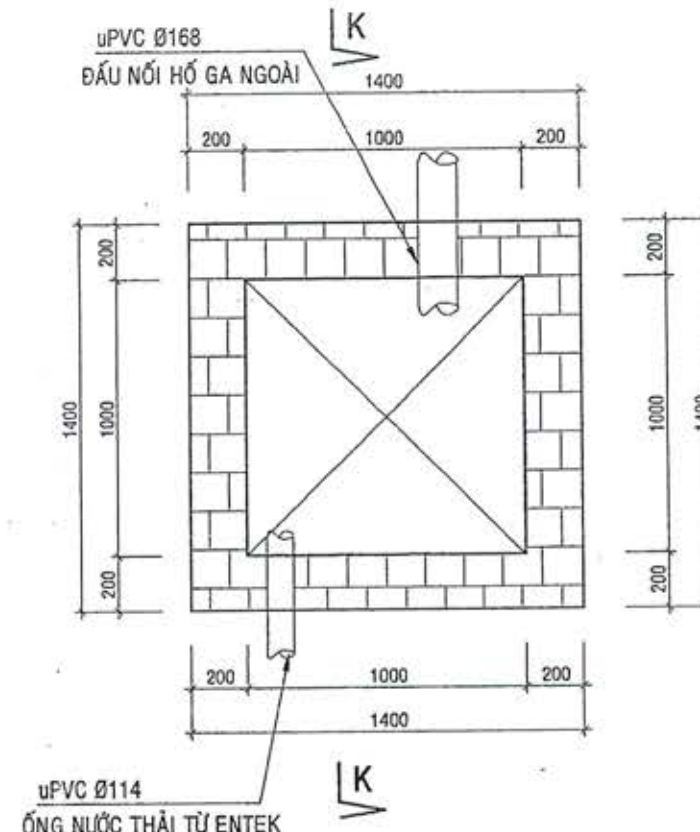
TÊN BẢN VẼ:
 CHI TIẾT MƯƠNG DẪN DẦU

MÃ CV	TỈ LỆ	SỐ BẢN VẼ	TỜ	LXB
305011	1/50	305011 - DWG - 08 - 007	1/1	0

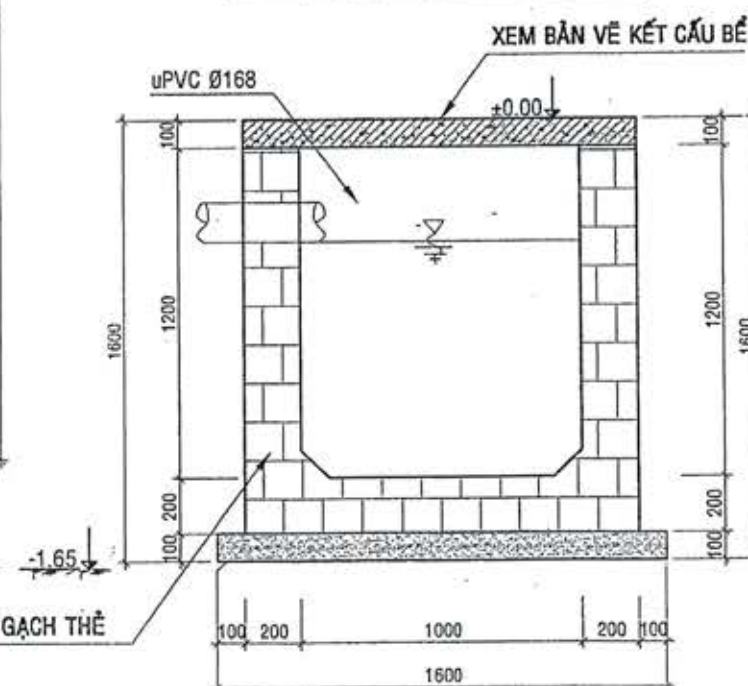
ĐẾN HỒ THU DẦU



MẶT BẰNG CHI TIẾT BỂ TÁCH DẦU TL : 1/50



CHI TIẾT HỐ GA TL : 1/10



MẶT CẮT K-K TL : 1/10

CÔNG TY TNHH TRƯỜNG LƯU

ĐÃ THẨM TRA

Người thẩm tra: Lê Hữu Hải

Chức vụ:

Chữ ký:

GHI CHÚ

1. TẤT CẢ KÍCH THƯỚC LÀ MM, NGOẠI TRỪ NHỮNG GHI CHÚ KHÁC

2. HẸ TỌA ĐỘ

KÍ HIỆU

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PVOIL)

BẢN VẼ THIẾT KẾ
ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
ngày 11 tháng 3 năm 2012

NGÀY 12/2011 NGÀY 12/2011

PVE PV OIL



STT	NGÀY	MÔ TẢ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	CHỦ TRÌ	CND
0	12/2011	XUẤT BẢN ĐỂ THI CÔNG	Đ.T.H.T	N.T.H	H.N.V	Đ.V.T
1	09/2011	XUẤT BẢN ĐỂ PHÊ DUYỆT	Đ.T.H.T	N.T.H	H.N.V	Đ.V.T

CHỦ ĐẦU TƯ:

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

LIÊN DANH NHÀ THẦU:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (PTSC)

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ PETECHIM

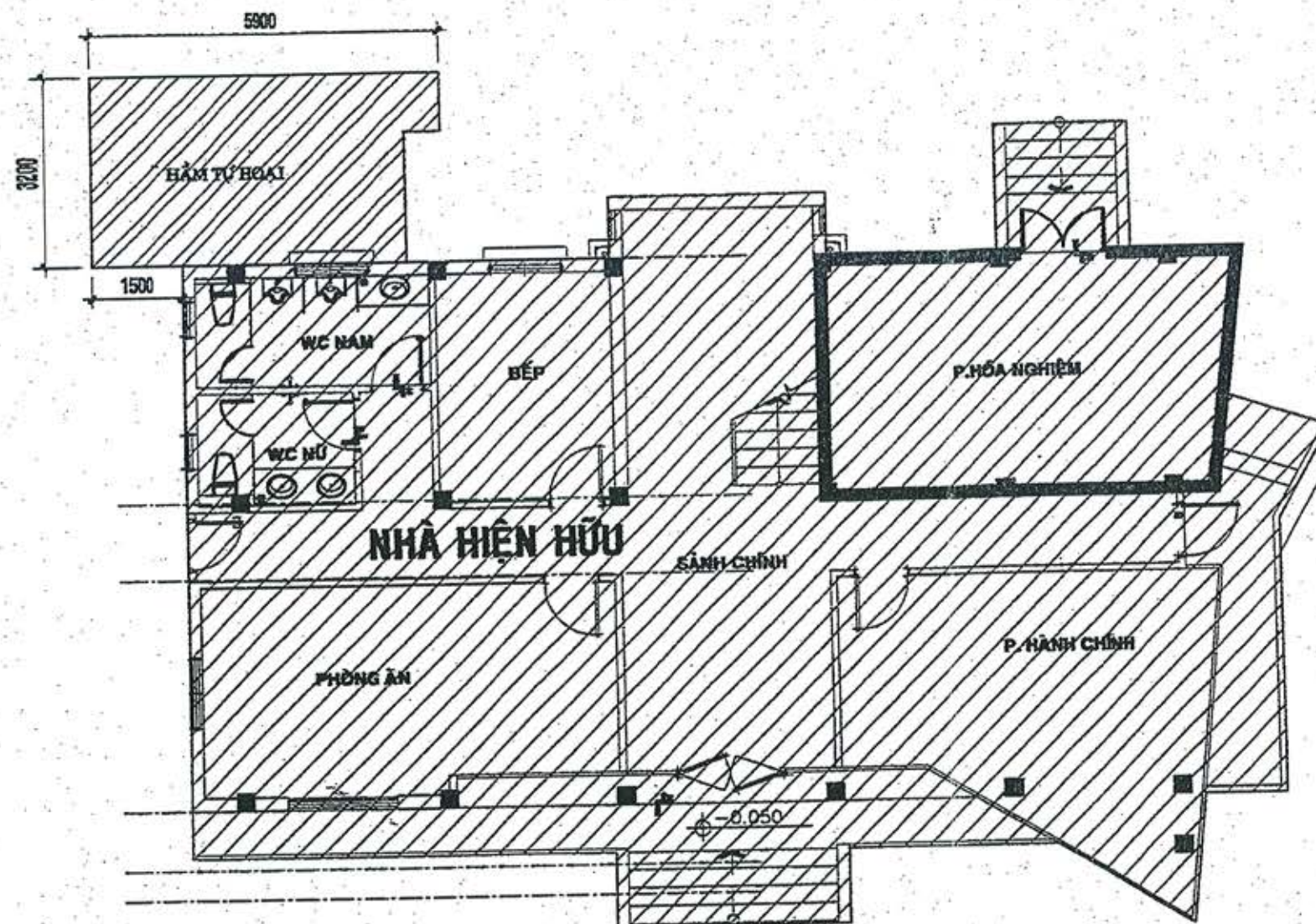
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP

DỰ ÁN: KHU BỐN CHỨA VÀ TRẠM XUẤT XĂNG DẦU QUẢNG NGÃI

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỂ TÁCH DẦU - CHI TIẾT HỐ GA

MÃ CV	TỈ LỆ	SỐ BẢN VẼ	TỜ	LXB
305011	1/100	305011 - DWG - 08 - 008	1/1	0



MẶT BẰNG VỊ TRÍ HẦM TỰ HOẠI XÂY MỚI: TL 1/100

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TUẤN HUY
ĐÃ THẨM TRA
 Ngày.....tháng.....năm
 NGƯỜI THẨM TRA

TÊN CÔNG TRÌNH:
 SỬA CHỮA CẢI TẠO THIẾT BỊ VỆ SINH, NHÀ BẾP
 VÀ HẦM TỰ HOẠI, PCCC-KHO PVOL QUẢNG NGÃI

ĐỊA ĐIỂM:
 XÃ BÌNH THUẬN - H. BÌNH SƠN - TP. QUẢNG NGÃI

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 TẠI QUẢNG NGÃI
 LẠI THỊ NGHĨA



CÔNG TY TNHH
 THIẾT KẾ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG
TRÍ NAM



CÔNG TY
 TNHH
 THIẾT KẾ
 KIẾN TRÚC
 XÂY DỰNG
TRÍ NAM
 KẾ HOẠCH ĐOC BÌNH
 QUẢNG NGÃI

KTS. ĐỖ XUÂN PHƯỚC

THIẾT KẾ:

KTS. ĐỖ XUÂN PHƯỚC

THIẾT KẾ:

KS. ĐOÀN DUY LỊCH

CHẾ:

KS. VƯƠNG TRẦN KHUẤT

BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HẦM TỰ HOẠI XÂY MỚI

LƯU SỐ SƠ:

THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

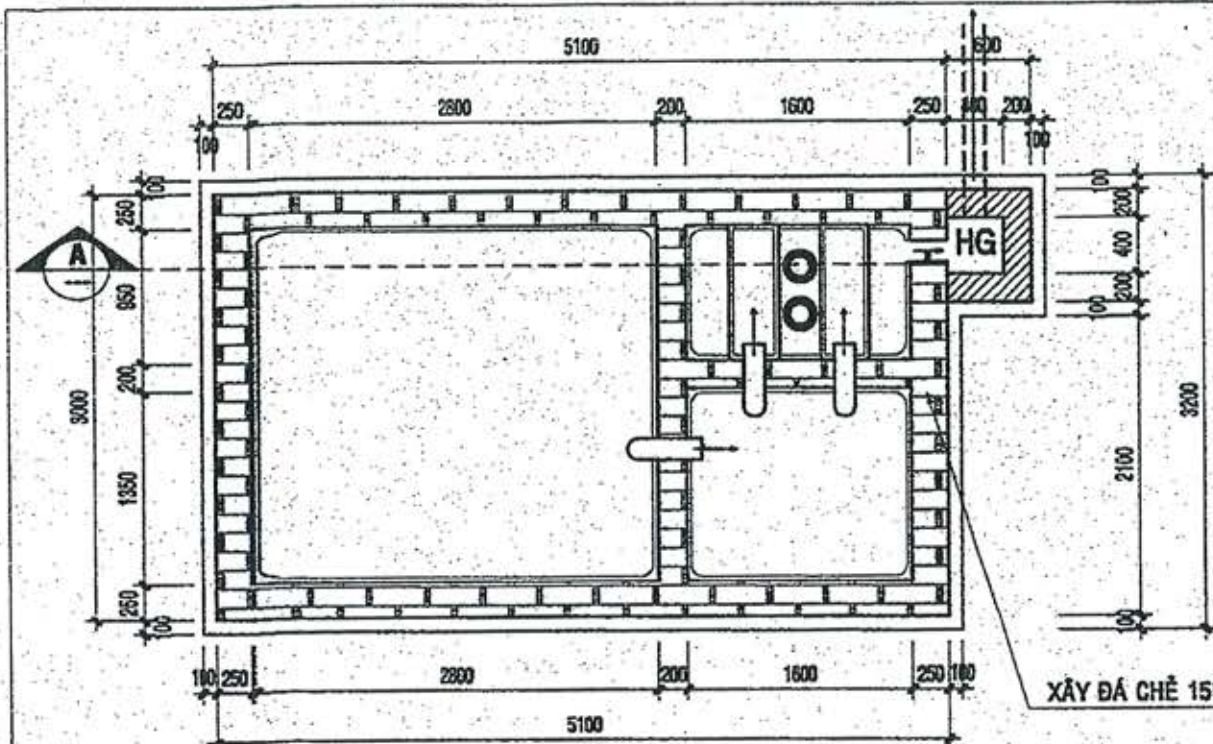
HOÀN THÀNH:

TH: 1/2022

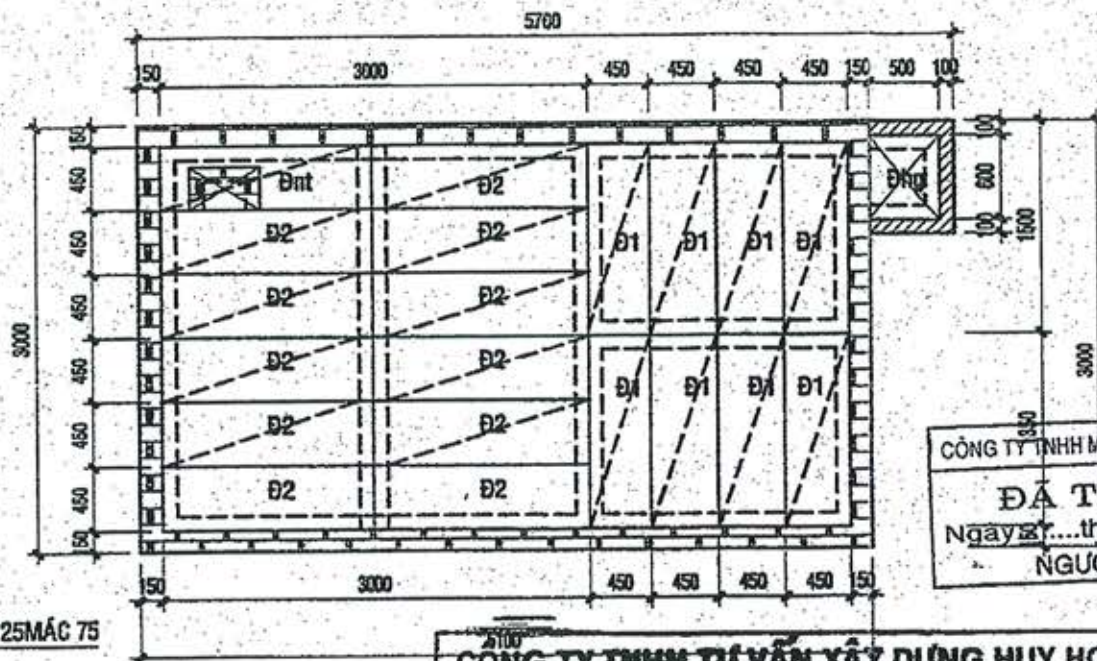
KÝ HỮU BẢN VẼ:

KT: 01/05

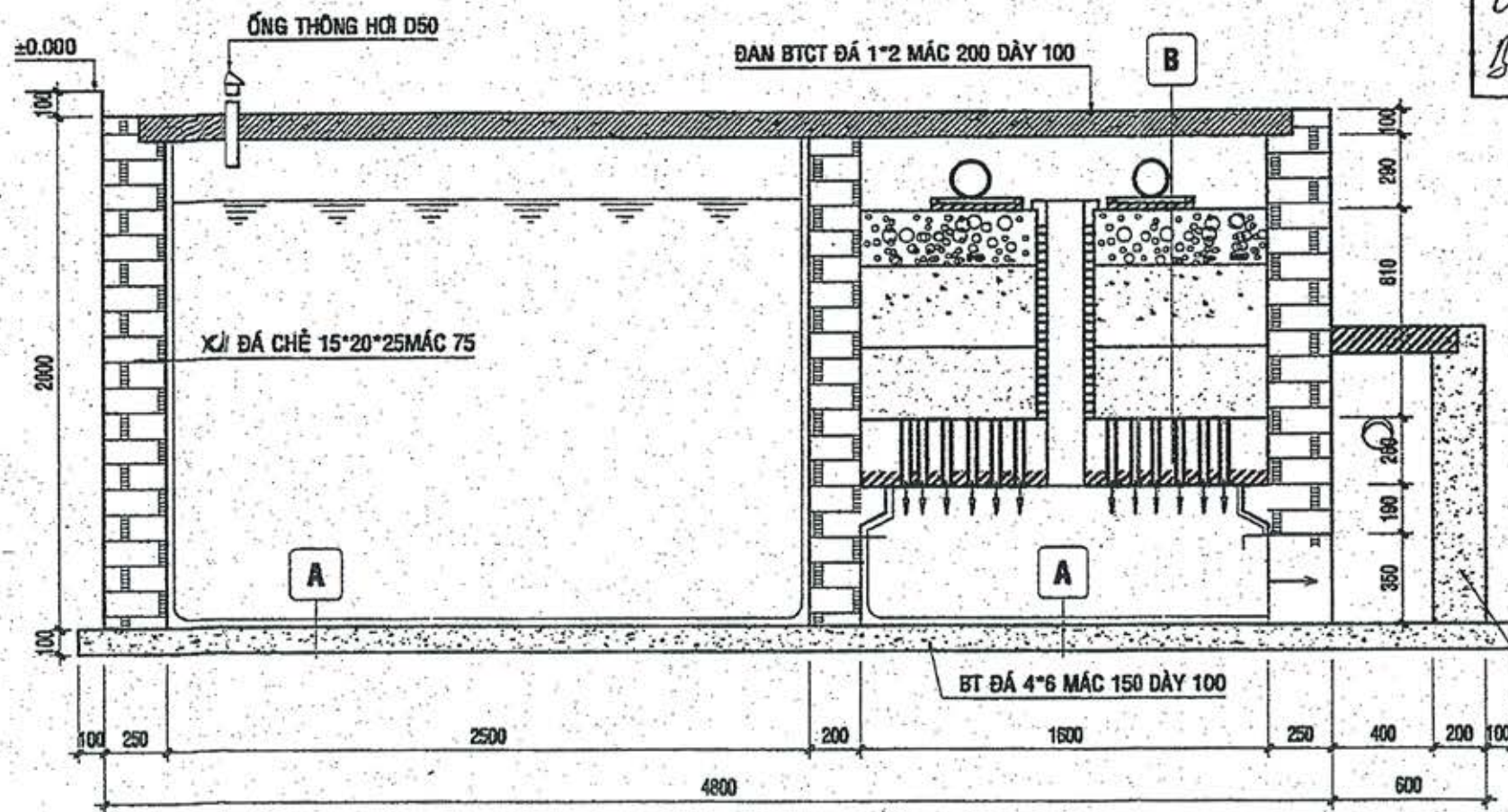
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HUY HOÀNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CT	TVGS TRƯỞNG
Ngô Lộc Ninh	Ngô Lộc Ninh	Phạm Đình Khoa



MB. HẦM TỰ HOẠI TL 1/50



MB. BỐ TRÍ TẦM ĐÀN TL 1/50



MẶT CẮT A-A TL 1/25

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGƯỜI LẬP: *Đỗ Đức Ninh* CHỈ HUY TRƯỞNG CT: *Đỗ Đức Ninh* TVGS TRƯỞNG: *Phạm Đình Khoa*

- ĐÁNH MÀU BẢNG VXM NGUYÊN CHẤT
- TRÁT VMX MẮC 75 DÀY 25 TRÁT 2 LẦN
- BT ĐÁ 4*6 MẮC 150 DÀY 100

B

- ĐÀN BTCT MẮC 200 DÀY 100
- MÀN TRẦN BTCT MẮC 200 DÀY 70
- LỚP SỎI 40*60 DÀY 200
- LỚP THAN KHỬ TRÙNG DÀY 300
- ĐÀN BTCT ĐỤC LỖ Ø20, Ø50

TÊN CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA CẢI TẠO THIẾT BỊ VỆ SINH, NHÀ BẾ VÀ HẦM TỰ HOẠI, PCCC-KHO PHỒI QUẢNG NGÃI

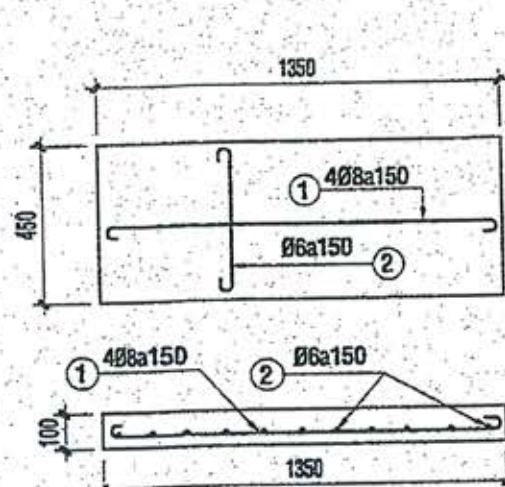
ĐỊA ĐIỂM: XÃ BÌNH THUẬN - H. BÌNH SƠN - TP. QUẢNG NGÃI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỰ VẤN XÂY DỰNG HUY HOÀNG

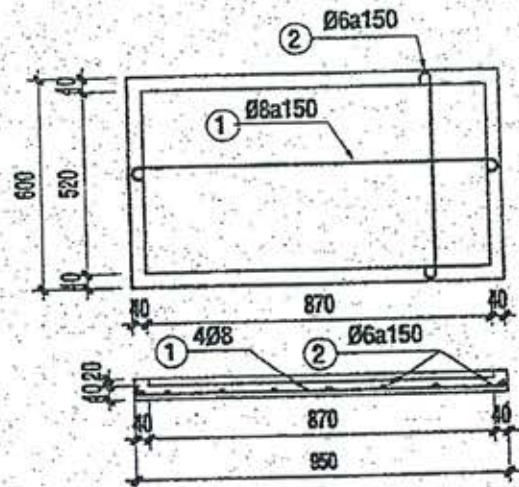
NGƯỜI THẨM TRA: *Đỗ Đức Ninh*

THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

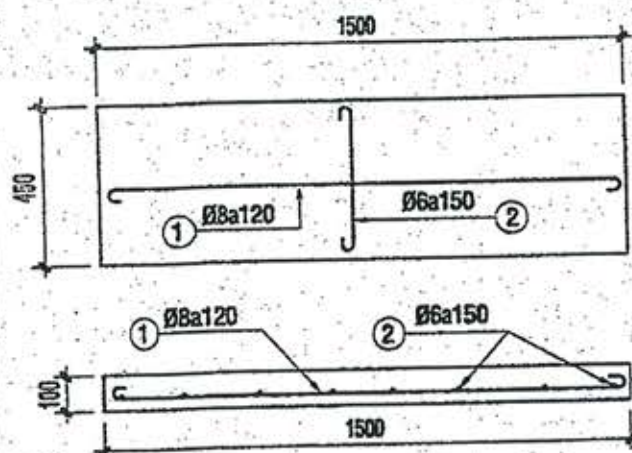
TH: /2022 KT: 02/05



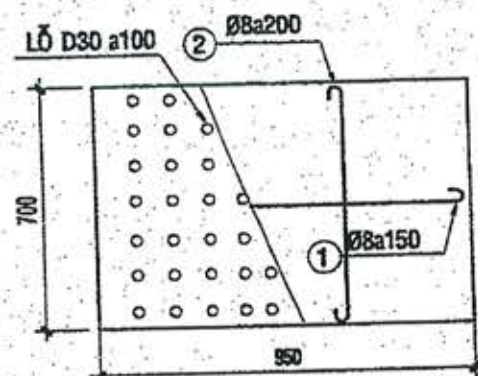
THÉP ĐAN Đ1 (SL: 08CK)



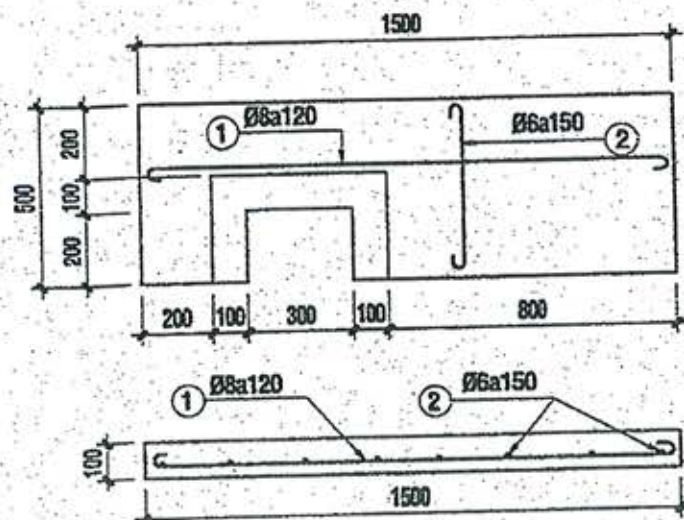
MÁNG TRẦN (02CK)



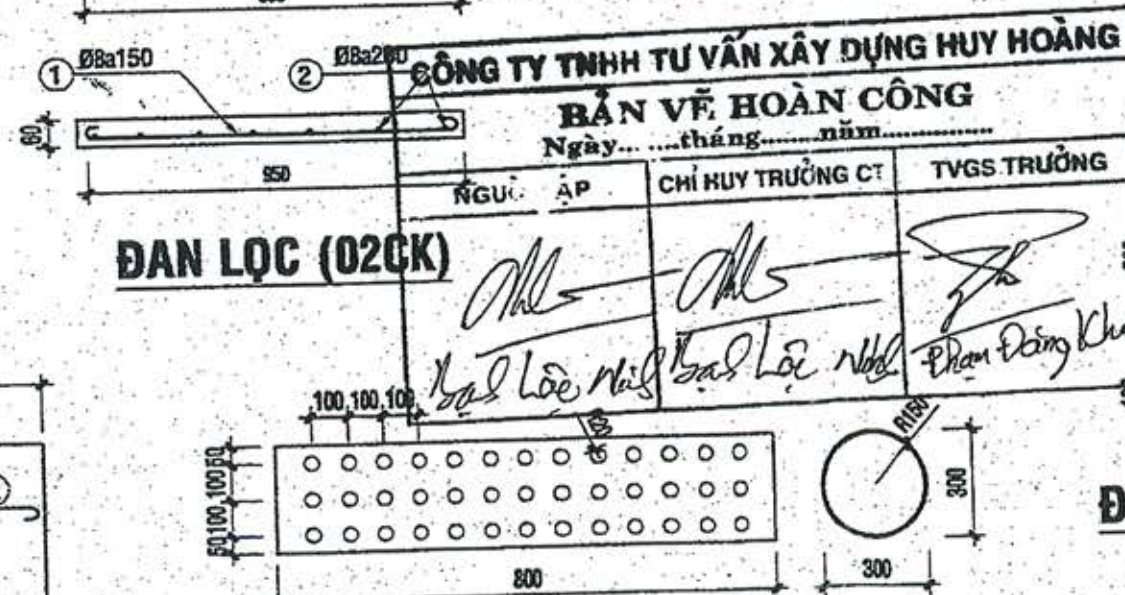
THÉP ĐAN Đ2 (SL: 11CK)



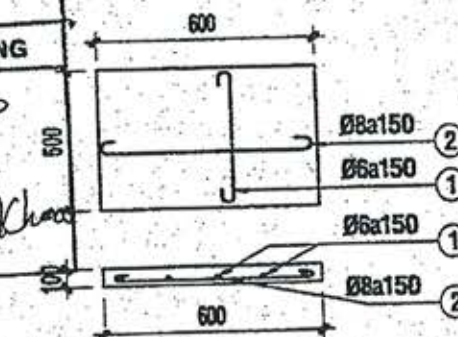
ĐAN LỌC (02CK)



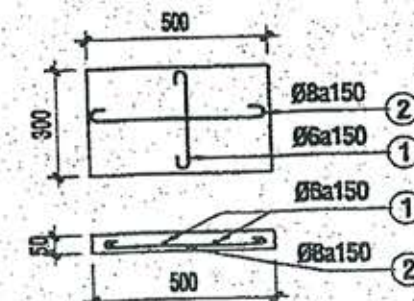
THÉP ĐAN Đnt (SL: 01CK)



ỐNG LỌC PVC D150 (02CK)



ĐAN HỔ GA : SL 01CK



NẮP THĂM : SL 01CK

BẢNG THỐNG KÊ THÉP									
TÊN CK	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG T. LƯỢNG (KG)	
					1. CK	T. BỘ			
ĐAN Đ1 SL: 08CK	1	50 1100 50	8	1200	4	32	38.4	15.15	
	1	50 400 50	6	500	8	64	32	7.10	
ĐAN Đ2 SL: 11CK	1	50 1450 50	8	1550	4	44	68.2	26.93	
	2	50 400 50	6	500	11	121	60.2	13.44	
ĐAN Đnt SL: 01CK	1	50 1450 50	8	1550	4	4	6.2	2.45	
	2	50 400 50	6	500	11	11	5.5	1.22	
MÁNG TRẦN SL: 02CK	1	50 900 50	8	1000	5	10	9.1	2.02	
	2	50 550 50	6	650	7	14	9.1	2.02	
MÁNG LỌC SL: 02CK	1	50 900 50	8	1000	5	10	10	3.95	
	2	50 650 50	8	750	6	12	9	3.55	
MÁNG NẮP THĂM SL: 01CK	1	50 250 50	6	350	4	4	1.4	0.31	
	2	50 450 50	8	550	3	3	1.65	0.65	
ĐAN HỔ GA SL: 01CK	1	50 450 50	6	550	4	4	2.2	0.49	
	2	50 550 50	8	650	4	4	2.6	1.03	

TÊN CÔNG TRÌNH:

SỬA CHỮA CẢI TẠO THIẾT BỊ VỆ SINH, NHÀ BẾP VÀ HẦM TỰ HOẠT, PCCC-KHO PVOCL QUẢNG NGÃI

ĐỊA ĐIỂM:

XÃ BÌNH THUẬN - H. BÌNH SƠN - TP. QUẢNG NGÃI

CHỦ ĐẦU TƯ:

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI QUẢNG NGÃI

020305795054

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC CỦA HẠM TỰ HOẠI NHÀ VĂN PHÒNG VÀ THOÁT NƯỚC NHIỄM DẦU TẠI TRẠM XUẤT BỘ VÀ THAY NẮP CÁC TẦM ĐÀN BÊ TÔNG

BIỂN

ĐƯỜNG ĐẤT

ĐƯỜNG VÀO ĐÓN BIÊN PHÒNG

HƯỚNG ĐI RA BIỂN

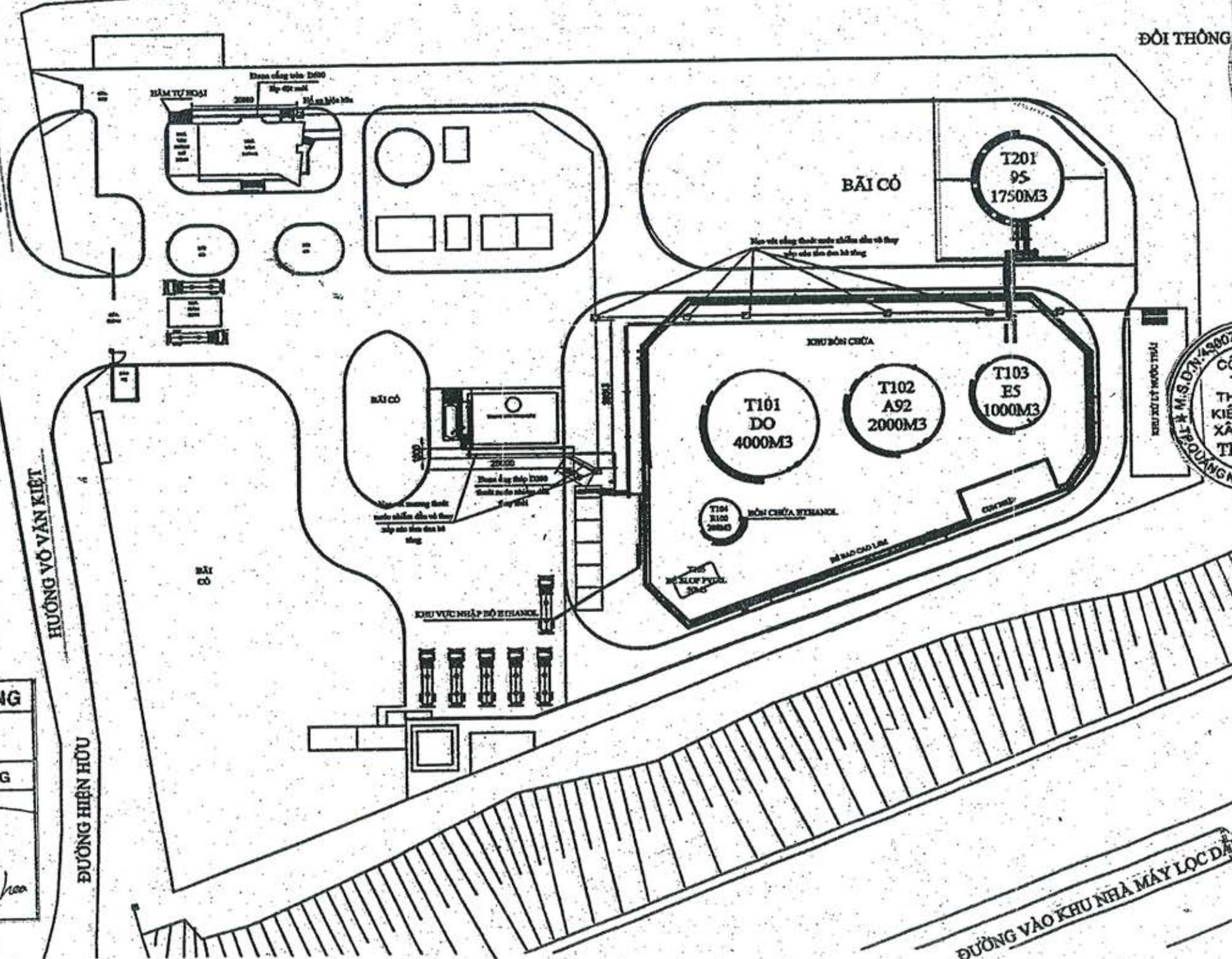
ĐÔI THÔNG

ĐÔI THÔNG

HƯỚNG VỎ VẠN KIẾT

ĐƯỜNG HIỆN HỮU

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HUY HOÀNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 17 tháng 10 năm 2022		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CT	TVGS TRƯỞNG
Bùi Lộc Hải	Bùi Lộc Hải	Phạm Đăng Khoa



Tên công trình:

Công trình: Sửa chữa hệ thống thoát nước của bể tự hoại và hệ thống bơm xử lý nước thải, sửa chữa các tầng đan bê tông và hệ thống ngập nước thải nước

Địa điểm:

Xã Bình Thuận - H. Bình Sơn - TP. Quảng Ngãi

Chủ đầu tư:

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM



CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TRI NAM

Địa chỉ: Số 10 Đường số 10, Phường Bình Định, Quận Bình Định, TP. Quảng Ngãi



Kiểm tra:

KTS. BÙI XUÂN PHÚC

Thiết kế:

KTS. BÙI XUÂN PHÚC

Thuyết minh:

KS. ĐOÀN DUY LINH

Số:

KS. VƯƠNG TRẦN KHAI

Bản vẽ:

Mặt bằng tầng sửa chữa hệ thống thoát nước của bể tự hoại và hệ thống bơm xử lý nước thải, sửa chữa các tầng đan bê tông và hệ thống ngập nước thải nước

Loại hồ sơ:

THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

Ngày tháng:

KT: 01/05

ĐƯỜNG VÀO KHU NHÀ MÁY LỌC DẦU